

Foreign Investment

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  
Khoa Kinh tế & Kinh doanh Quốc tế

Môn học

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI



Giảng viên: Phan Thị Vân  
Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế  
Điện thoại : 0986 161 181  
Email: phanthivan@ftu.edu.vn

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

1

Foreign Investment

Mục tiêu của môn học

- Khi kết thúc khóa học, học viên có thể
  - Có được những hiểu biết cơ bản về đầu tư nước ngoài
  - Hình dung được quy trình lập dự án đầu tư
  - Phân tích và đánh giá được hiệu quả tài chính của một dự án đầu tư
  - Nắm rõ các quy định về quản lý nhà nước đối với nhà đầu tư nước ngoài.
  - Áp dụng để làm công tác tín dụng, tư vấn luật đầu tư

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

2

Foreign Investment

Tài liệu

- Giáo trình
- Slide + Bài giảng trên lớp
- Websites: [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn)  
[www.unctad.org](http://www.unctad.org)  
[www.oecd.org](http://www.oecd.org)
- Văn bản pháp luật:
  - [Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005](#)
  - [Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005](#)
  - [Nghị định 108/2006/NDCP ngày 22/9/2006](#)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

3

Foreign Investment

Nội dung chương trình

- Chương I: Tổng quan về đầu tư quốc tế
- Chương II: Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài
- Chương III: Quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư nước ngoài

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

4

Foreign Investment

### Phân bổ thời gian và phương pháp đánh giá kết quả

- Phân bổ thời gian
  - Trên lớp
    - Lý thuyết: 30 tiết
    - Thảo luận, bài tập, kiểm tra học trình: 30 tiết
  - Tự học và nghiên cứu: 30 tiết
- Phương pháp đánh giá kết quả:
  - Điểm chuyên cần: 20%
  - Kiểm tra giữa kỳ (Viết): 20%
  - Thi hết môn (trắc nghiệm): 60%

Phan Thị Vân © 2009


Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

5

Foreign Investment

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  
Khoa Kinh tế & Kinh doanh Quốc tế

## CHƯƠNG I TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ



Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

6

Foreign Investment

## CHƯƠNG I TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

- I. Các khái niệm
- II. Phân loại đầu tư nước ngoài
- III. Đầu tư trực tiếp nước ngoài
- IV. Đầu tư chứng khoán nước ngoài và tín dụng tư nhân quốc tế
- V. Hỗ trợ phát triển chính thức

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

7

Foreign Investment

## I. CÁC KHÁI NIỆM

- 1. Đầu tư
- 2. Đầu tư quốc tế, đầu tư nước ngoài

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

8

Foreign Investment

### a/Khái niệm đầu tư

The diagram illustrates the concept of investment. It features a horizontal timeline with a clock icon at the start and a group of people at the end. Above the timeline, a stack of money is shown with an arrow pointing to it from the word 'Khoảng thời gian' (Time interval). Below the timeline, the word 'Nguồn lực' (Resources) is at the start and 'Lợi ích trong tương lai' (Future benefit) is at the end.

Khoảng thời gian

Nguồn lực

Lợi ích trong tương lai

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

9

Foreign Investment

### Theo kinh tế vĩ mô

The diagram shows the macroeconomic view of investment. It includes a horizontal timeline with a clock icon at the start and a group of people at the end. Above the timeline, a stack of money is shown with an arrow pointing to it from the word 'Khoảng thời gian' (Time interval). Below the timeline, the words 'Bản chất sản xuất' (Nature of production) and 'Đầu tư mới' (New investment) are in the middle, and 'Công ăn việc làm' (Employment) and 'Tăng trưởng kinh tế' (Economic growth) are at the end. To the left of the timeline, the words 'Tài sản thực' (Real assets) and 'Hàng hóa vốn mới' (New capital goods) are listed, with 'Nhà xưởng' (Factory) below them.

Khoảng thời gian

Bản chất sản xuất

Đầu tư mới

Tài sản thực

Hàng hóa vốn mới

Nhà xưởng

Công ăn việc làm

Tăng trưởng kinh tế

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

10

Foreign Investment

### Trong tài chính

The diagram illustrates investment in finance. It features a horizontal timeline with a clock icon at the start and a group of people at the end. Above the timeline, a stack of money is shown with an arrow pointing to it from the word 'Khoảng thời gian' (Time interval). Below the timeline, the words 'Bản chất tài chính' (Financial nature) and 'Mua lại và sáp nhập' (Acquisition and merger) are in the middle. To the left of the timeline, the words 'Tài sản tài chính' (Financial assets) are listed, with 'Cổ phiếu' (Stock), 'Trái phiếu' (Bond), and 'Chứng khoán phái sinh' (Derivative security) below them. To the right of the timeline, the words '-Thu nhập (cổ tức)' (Income (dividend)) and '-Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (giá trị cổ phiếu)' (Profit from investments (stock value)) are listed.

Khoảng thời gian

Bản chất tài chính

Mua lại và sáp nhập

Tài sản tài chính

Cổ phiếu

Trái phiếu

Chứng khoán phái sinh

-Thu nhập (cổ tức)

-Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (giá trị cổ phiếu)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

11

Foreign Investment

### Theo luật pháp về đầu tư

The diagram shows the legal view of investment. It includes a horizontal timeline with a clock icon at the start and a group of people at the end. Above the timeline, a stack of money is shown with an arrow pointing to it from the word 'Khoảng thời gian' (Time interval). Below the timeline, the words 'Vấn đề sở hữu/tài sản' (Ownership/asset issue) are in the middle. To the left of the timeline, the words 'Tất cả các dạng tài sản' (All types of assets) are listed. To the right of the timeline, the words 'Lợi nhuận và/hoặc lợi ích kinh tế xã hội' (Profit and/or socio-economic benefit) are listed.

Khoảng thời gian

Vấn đề sở hữu/tài sản

Tất cả các dạng tài sản

Lợi nhuận và/hoặc lợi ích kinh tế xã hội

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

12

Foreign Investment

### Câu hỏi 1

Sự khác biệt cơ bản giữa khái niệm đầu tư theo quan điểm kinh tế vĩ mô, tài chính và luật pháp là gì?  
Nêu ví dụ về đầu tư theo mỗi cách định nghĩa.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

13

Foreign Investment

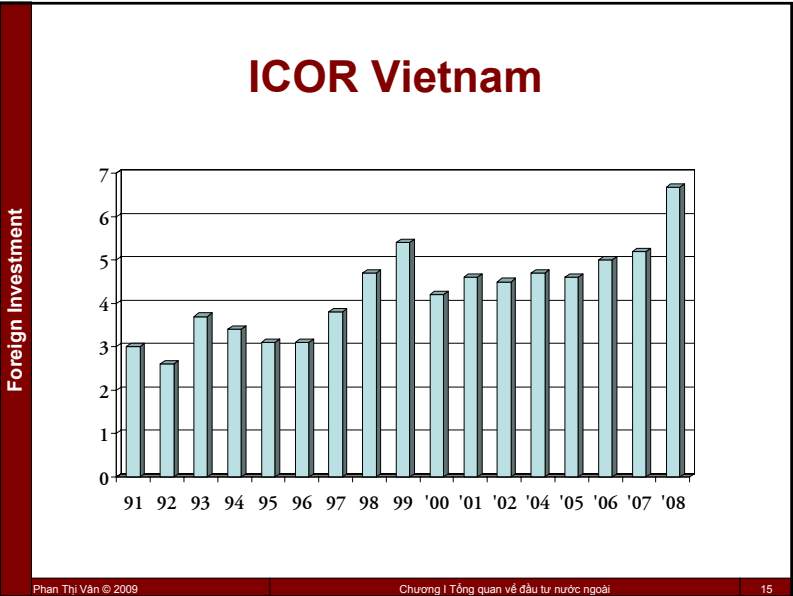
### b/Một vài chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư

Dự án	Quốc gia
<b>ROA</b> Return on Assets ROA= (Lợi nhuận thuần + lãi vay)/tổng tài sản	Tỷ lệ vốn trên sản lượng tăng thêm <b>ICOR</b> Incremental Capital Output Ratio <i>Harrod Dormar</i> $ICOR = (K_t - K_{t-1}) / (Y_t - Y_{t-1})$ $ICOR = I / \Delta GDP$
<b>ROE</b> Return on equity ROE = Lợi nhuận thuần /Vốn chủ sở hữu	

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

14



Foreign Investment

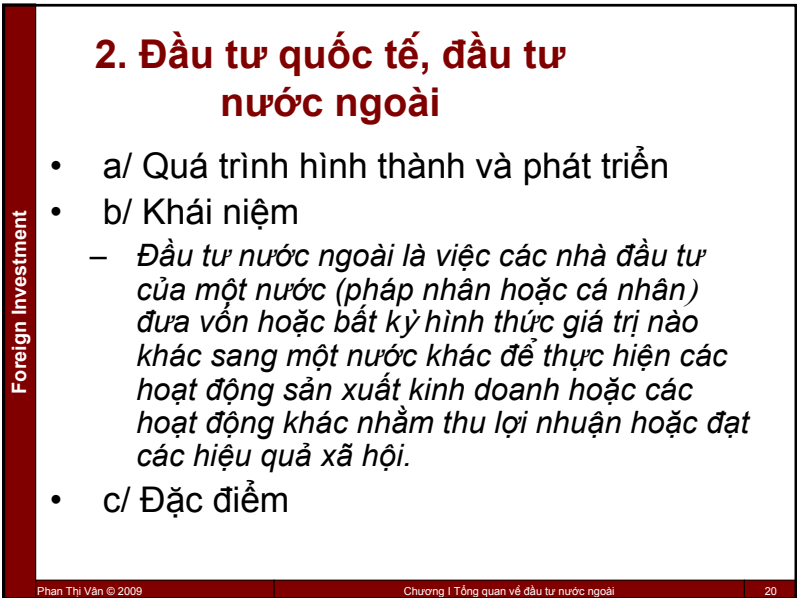
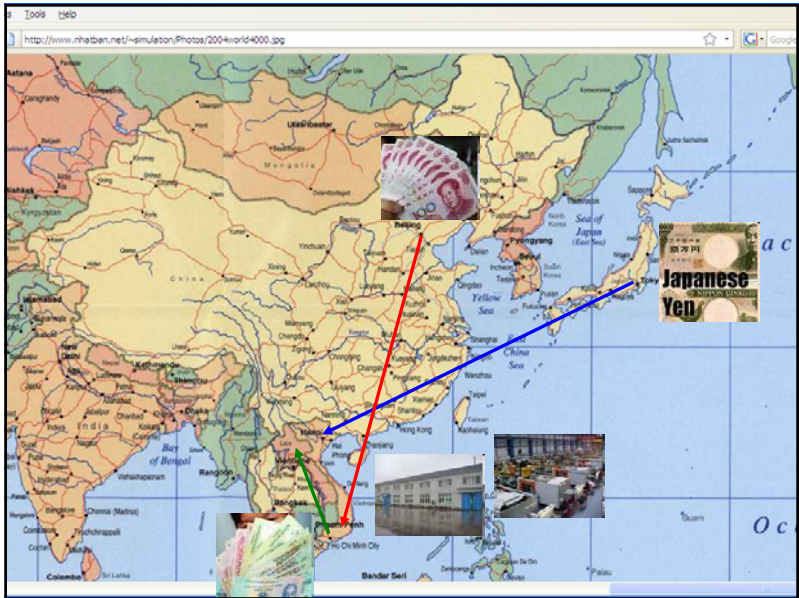
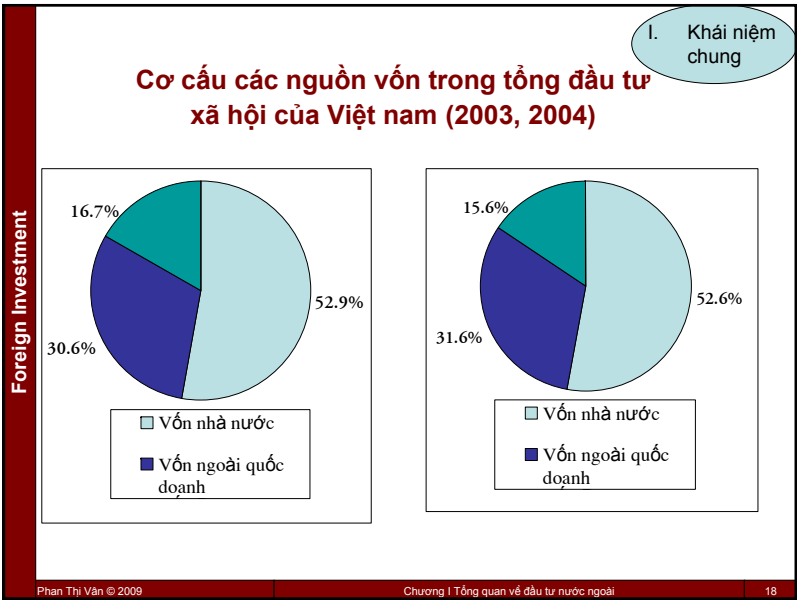
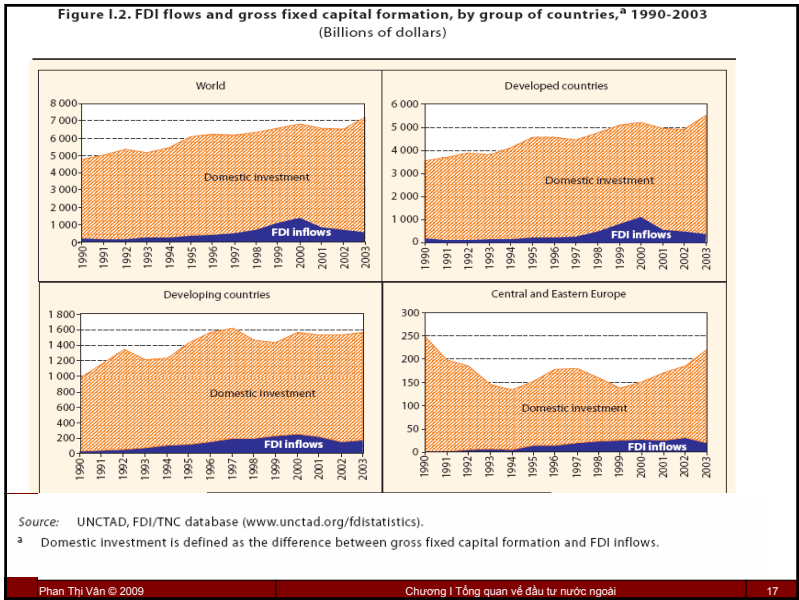
### c/Phân loại đầu tư

Theo lĩnh vực	Theo quyền kiểm soát	Theo chủ đầu tư	Theo thời gian	Theo nguồn vốn	Theo loại tài sản
sản xuất	trực tiếp	tư nhân	ngắn hạn	trong nước	Đầu tư mới
thương mại	gián tiếp	chính thức	trung hạn	nước ngoài	Mua lại và sáp nhập
dịch vụ			dài hạn		

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

16



Foreign Investment

## II. PHÂN LOẠI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### 1. Kênh chính phủ hay kênh chính thức

Nhà đầu tư là các chính phủ, các tổ chức quốc tế

### 2. Kênh tư nhân

Nhà đầu tư là các cá nhân, công ty, các tổ chức tư nhân

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

21

Foreign Investment

## II. PHÂN LOẠI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

FOREIGN INVESTMENT FLOWS

OFFICIAL FLOWS

ODA

OOF<sub>s</sub>

PRIVATE FLOWS

FDI



FPI

PRIVATE LOANS

PORTFOLIO EQUITY FLOWS

BOND DEBT FLOWS

COMMERCIAL LOANS

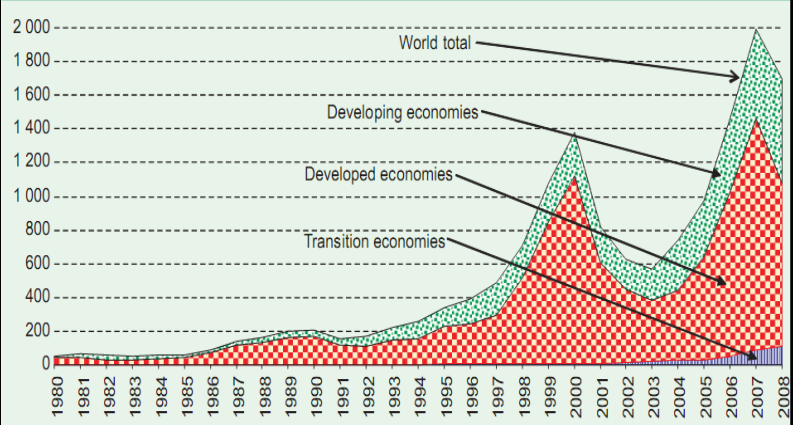


Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

22

Figure I.1. FDI inflows, global and by groups of economies, 1980–2008  
(Billions of dollars)



Source: UNCTAD FDI/TNC database ([www.unctad.org/fdistatistics](http://www.unctad.org/fdistatistics)) and UNCTAD Secretariat estimates.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

23

Foreign Investment

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

24

@ Phan Thị Vân 2009

CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>

6



Foreign Investment

### III. ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Foreign Direct Investment – FDI

1. Khái niệm FDI
2. Một số khái niệm liên quan
3. Đo lường dòng FDI và FDI lũy kế
4. Phân loại FDI
5. Một số lý thuyết về FDI
6. Các nhân tố ảnh hưởng đến FDI
7. Tác động của FDI
8. Xu thế vận động của FDI trên thế giới
9. Thực trạng FDI tại Việt Nam

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

25

Foreign Investment

### 1. Khái niệm FDI

**IMF- Đầu tư trực tiếp** là dạng đầu tư quốc tế phản ánh mục tiêu của một thực thể cư trú tại một nền kinh tế, nhằm có được một quan tâm (lợi ích) lâu dài trong một doanh nghiệp cư trú tại một nền kinh tế khác. (Thực thể này là nhà đầu tư trực tiếp và doanh nghiệp là doanh nghiệp đầu tư trực tiếp). Mỗi quan tâm (lợi ích) lâu dài ngụ ý là tồn tại một mối quan hệ dài hạn giữa nhà đầu tư trực tiếp với doanh nghiệp và một mức độ ảnh hưởng đáng kể của nhà đầu tư đối với việc quản lý doanh nghiệp. Đầu tư trực tiếp không chỉ bao gồm những giao dịch ban đầu thiết lập nên mối quan hệ giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp, mà còn cả những giao dịch tiếp theo giữa họ và giữa các doanh nghiệp, dù có tư cách pháp nhân hay không có tư cách pháp nhân.

Nguồn: IMF 1993 trang 86-87

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

26

Foreign Investment

### Khái niệm của IMF

- **Doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài:** nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài nắm giữ từ 10% cổ phiếu thường.
- **Nhà đầu tư trực tiếp:** Cá nhân, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân hoặc không, nhóm cá nhân hoặc doanh nghiệp, chính phủ hoặc các cơ quan chính phủ, tập đoàn, hoặc các tổ chức khác sở hữu kết hợp 10% trở lên

Nguồn: IMF 1993 trang 86-87

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

27

Foreign Investment

### Khái niệm của OECD

**FDI** phản ánh mục tiêu của một thực thể cư trú tại một nền kinh tế ("**nhà đầu tư trực tiếp**") muốn có được một mối quan tâm (lợi ích) lâu dài trong một thực thể cư trú tại một nền kinh tế khác nền kinh tế của nhà đầu tư ("**doanh nghiệp đầu tư trực tiếp**"). Mỗi quan tâm (lợi ích) lâu dài ngụ ý rằng: tồn tại một mối quan hệ dài hạn giữa nhà đầu tư trực tiếp với doanh nghiệp và một mức độ ảnh hưởng đáng kể trong việc quản lý doanh nghiệp đó. Đầu tư trực tiếp liên quan đến cả giao dịch ban đầu giữa hai thực thể và mọi giao dịch vốn tiếp theo giữa chúng và giữa các công ty con, dù có tư cách pháp nhân hay không có tư cách pháp nhân.

Nguồn: OECD 1996, trang 7-8

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

28

Foreign Investment

### Khái niệm của OECD

- Nhà đầu tư trực tiếp:** Cá nhân, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân hoặc không, chính phủ, nhóm cá nhân có liên quan hoặc nhóm doanh nghiệp có hoặc không có tư cách pháp nhân có liên quan sở hữu 10% trở lên cổ phiếu thường hoặc cổ phiếu có quyền biểu quyết

Nguồn: OECD 1996, trang 7-8

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

29

Foreign Investment

### Theo một số quốc gia

FDI thể hiện bởi sự kết hợp của một số nhân tố như

- Đại diện trong ban giám đốc
- Tham gia vào quá trình ra quyết định
- Các giao dịch vật chất bên ngoài công ty
- Việc trao đổi các nhân sự quản lý
- Cung cấp các thông tin kỹ thuật
- Cung cấp tín dụng dài hạn với mức thấp hơn lãi suất thị trường

Nguồn: OECD 1996, trang 8

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

30

Foreign Investment

### Theo luật Việt Nam

- Đầu tư nước ngoài:** là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư
- Đầu tư trực tiếp:** là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

31

Foreign Investment

### Các thỏa thuận không-góp-vốn

- Franchising
- Hợp đồng quản lý
- Thỏa thuận đối tác

Quản lý và kiểm soát...

...nhưng không-góp-vốn



Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

32



Foreign Investment

### Những hoạt động không phải là FDI

- DN nước ngoài cung cấp dịch vụ qua biên giới (thường cho một chính phủ) mà không góp vốn
- DN có hợp đồng làm ăn dài hạn với công ty nước ngoài nhưng không góp vốn
- DN nước ngoài cung cấp đầy đủ các nguồn lực, thu phí theo sản phẩm và tài sản cuối cùng sẽ thuộc về nước chủ nhà
- Cùng hoạt động dưới một tên chung, cùng chủ đầu tư, hoạt động ở 2 Quốc gia nhưng không nắm giữ vốn của nhau
- Văn phòng đại diện không thỏa mãn yêu cầu về cư trú.

Nguồn: OECD 1996, trang 9

Phan Thị Vân © 2009

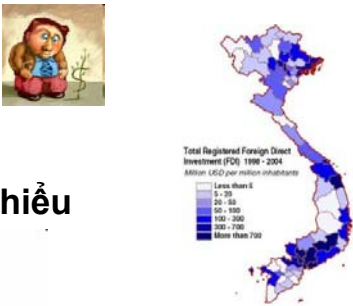
Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

33

Foreign Investment

### Kết luận


- Lợi ích lâu dài
- Quyền kiểm soát
- Tỷ lệ sở hữu tối thiểu



Total Registered Foreign Direct Investment (FDI) 1996 - 2004  
Million USD per million inhabitants

Legend:  
Less than 5  
5 - 20  
20 - 50  
50 - 100  
100 - 200  
200 - 500  
More than 500

Vietnam Development Report 2006; FDI chỉ hội tụ trong vài vùng  
Nguồn: Joint Donor Report to the Vietnam Consultative Group (Hanoi, December 6-7, 2005)



Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

34

Foreign Investment

### Đặc điểm FDI

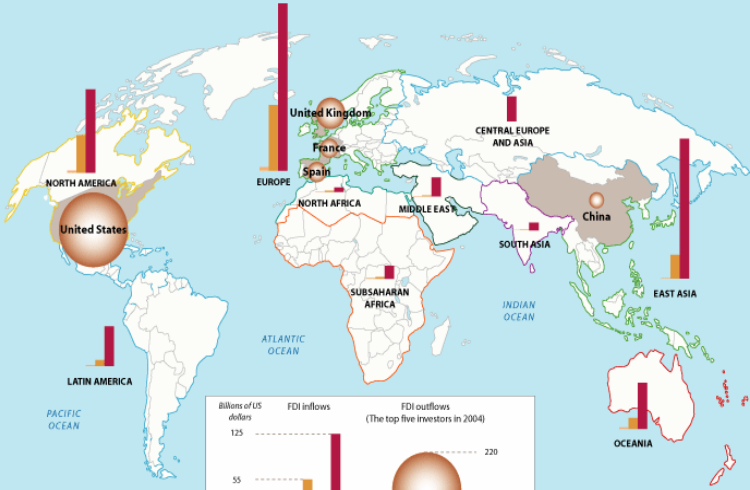
- Mục đích tìm kiếm lợi nhuận
- Tỷ lệ vốn tối thiểu
- Phân chia quyền lợi và nghĩa vụ
- Quyền kiểm soát
- Chuyển giao công nghệ
- Thu nhập của chủ đầu tư

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

35

Foreign Investment



Billions of US dollars

FDI inflows (The top five investors in 2004)

Investor	2004 (Billions of US dollars)
United States	125
United Kingdom	55
France	45
Spain	35
Germany	25

FDI outflows (The top five investors in 2004)

Investor	2004 (Billions of US dollars)
China	220
India	95
South Korea	85
Japan	75
United States	65

Source: World Investment Report, UNCTAD (2006)

© Sahel and West Africa Club / OECD 2006

Foreign Direct Investment throughout the World

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

36

- Câu hỏi 2:** Liệt kê và thảo luận các đặc điểm cơ bản xác định FDI. Làm thế nào có thể xác định được mối quan tâm (lợi ích) dài hạn? Theo quan điểm của bạn, có những mối quan tâm (lợi ích) nào khác mà một nhà đầu tư có thể có trong một doanh nghiệp
- Câu hỏi 3:** Cho ví dụ về những lý do có thể để không áp dụng ngưỡng sở hữu cổ phần nước ngoài 10% khi xác định FDI.

## 2. Một số khái niệm liên quan

- FDI flows
- FDI stock
- Inward
- Inflows
- Outward
- Outflows
- Home country
- Host country
- FDI enterprise
- Foreign Direct Investor
- Transnational corporations- TNCs
- Foreign Affiliates
- The threshold equity ownership (mức sở hữu cổ phần)
- Parent
- Subsidiary
- Associate
- Branch

## Công ty xuyên quốc gia

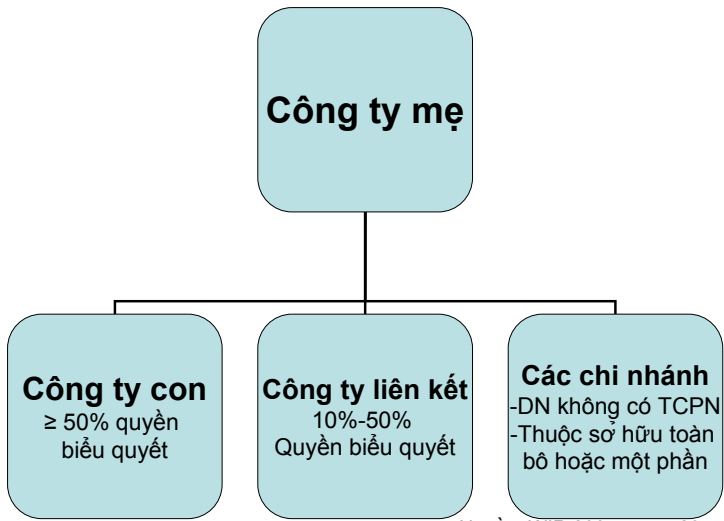
- TNCs là hệ thống các doanh nghiệp có hoặc không có tư cách pháp nhân bao gồm các công ty mẹ (có trụ sở tại nước chủ đầu tư) và các công ty con nước ngoài của chúng (đặt tại nước chủ nhà).

Nguồn: UNCTAD 1999, trang 45-46

## Câu hỏi 4

- Đưa ra ví dụ về các TNC mà bạn biết, ưu tiên các công ty của Việt Nam. Thảo luận theo nhóm để xác định những đặc điểm chung của chúng.

- **Doanh nghiệp mẹ:** là một doanh nghiệp kiểm soát các tài sản của các chủ thể khác ở các nước không phải là nước chủ đầu tư, thông thường bằng cách nắm giữ một lượng vốn góp nhất định.
- **Công ty con nước ngoài:** là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân, trong đó một nhà đầu tư, cư trú tại một nền kinh tế khác, sở hữu một mức mức vốn góp cho phép có được một mối quan tâm (lợi ích) dài hạn trong việc quản lý công ty này (một mức vốn góp 10% đối với một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân và mức tương đương đối với một doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân là ngưỡng thường được sử dụng)



Nguồn: WIR 2005, trang 297

**Câu hỏi 5:** Theo bạn, có phải tất cả các TNC đều là các công ty lớn xét về tài sản và doanh thu? Lý giải cho câu trả lời của bạn

**Câu hỏi 6:** Định nghĩa một TNC, định nghĩa các công ty mẹ và các công ty con nước ngoài, định nghĩa các dạng chính của công ty con nước ngoài, đâu là điểm khác biệt giữa chúng

### 3. Đo lường dòng FDI và FDI lũy kế

a/ Đo lường dòng FDI

b/ Đo lường lượng FDI lũy kế

Foreign Investment

### Thành phần dòng vốn FDI

#### FDI flows

- Vốn chủ sở hữu
- Lợi nhuận tái đầu tư
- Tín dụng nội bộ công ty

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

45

Foreign Investment

### Tại sao số liệu FDI có sự chênh lệch giữa các quốc gia?

Figure II.2. Total net resource flows<sup>a</sup> to developing countries,<sup>b</sup> by type of flow, 1990-2006 (Billions of dollars)

Source: UNCTAD, based on World Bank, 2007a.

<sup>a</sup> Defined as net liability transactions or original maturity of more than one year.

<sup>b</sup> The World Bank's classification of developing countries is used here. It differs from UNCTAD's classification in that it includes new EU member States from Central and Eastern Europe, and excludes high-income countries such as the Republic of Korea and Singapore under developing countries.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

46

Foreign Investment

### Hạn chế về dữ liệu dòng FDI

- Thu thập từ ngân hàng trung ương cho mục đích cân cán thanh toán, thường không tính tới thu nhập tái đầu tư
- Thu thập từ các cơ quan quản lý đầu tư hoặc xúc tiến đầu tư, thường chỉ có dữ liệu FDI được cấp phép mà không có thực hiện

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

47

Foreign Investment

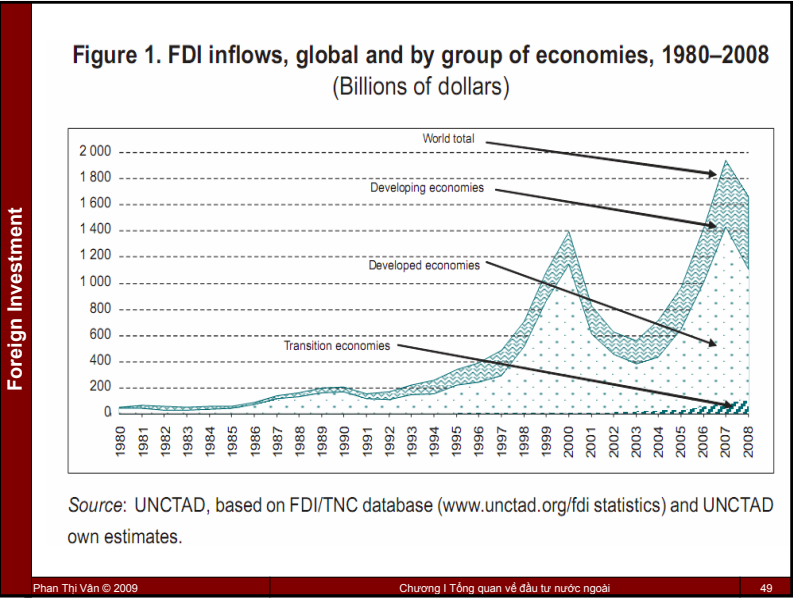
### Đo lường lượng FDI lũy kế FDI stock

- FDI lũy kế là giá trị tích lũy của các tài sản là kết quả của các dòng vốn FDI
- FDI lũy kế bao gồm:
  - Phần của công ty mẹ trong vốn
  - Dự trữ của công ty con
  - Phần vay nợ ròng của công ty con với công ty mẹ
- Đo FDI lũy kế
  - Khảo sát định kỳ doanh nghiệp FDI
  - Hoặc cộng các dòng FDI hàng năm

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

48



**Nguồn và phương thức thu thập dữ liệu FDI**

- Ngân hàng trung ương - báo cáo ngoại hối
- Cơ quan quản lý hoặc xúc tiến đầu tư – điều tra công ty

Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      50

**Cách đo lường FDI tại VN**

- Do MPI công bố
- Thông tin về số vốn thực hiện, lĩnh vực hoạt động, địa điểm dự án, số lượng lao động, khác
- Cơ sở: báo cáo định kì NDTNN – tháng, nửa năm, năm
- Giám sát hoạt động: cơ quan cấp GCNDT
- Thành phần VĐK: vốn góp các bên + vốn vay
- Thành phần vốn thực hiện: ngoài 3 TP chuẩn, còn có vốn góp và vốn tái đầu tư VN, vốn vay bên ngoài

Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      51

**Câu hỏi 7:** Những thành phần chính của dòng FDI là gì?

**Câu hỏi 8:** Sự khác nhau giữa FDI vào và FDI ra là gì? Sự khác nhau giữa dòng FDI và lượng FDI lũy kế là gì

Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      52

Foreign Investment

4. Phân loại FDI

- a. Theo phương thức thâm nhập
- b. Theo định hướng của nước nhận đầu tư
- c. Theo nhân tố bị tác động trong quá trình đầu tư
- d. Theo động cơ đầu tư
- e. Theo luật Việt Nam

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

53

Foreign Investment

a. Theo phương thức thâm nhập

- **Đầu tư mới (Greenfield Investment):** là hoạt động đầu tư trực tiếp vào các cơ sở sản xuất kinh doanh hoàn toàn mới ở nước ngoài, hoặc mở rộng một cơ sở sản xuất kinh doanh đã tồn tại.
- **Mua lại và sáp nhập qua biên giới (M&A: Cross-border Merger and Acquisition):** Mua lại và sáp nhập qua biên giới là một hình thức FDI liên quan đến việc mua lại hoặc hợp nhất với một doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

54

Foreign Investment

a. Theo phương thức thâm nhập

Có 3 hình thức M&A:

- Sáp nhập theo chiều ngang
- Sáp nhập theo chiều dọc
- Sáp nhập hỗn hợp

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

55

Foreign Investment

Horizontal M&A

M&A theo chiều ngang

Competitor ← → Competitor

Là liên kết giữa các đối thủ cạnh tranh

Procter&Gamble

+

Gillette  
Santol  
Excel

=

P&G

BANANA REPUBLIC  
GAP  
OLD NAVY

=

GAP

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

56



Foreign Investment

## Vertical M&A

### M&A theo chiều dọc

EXON + Mobil = ExxonMobil

**Hai dạng:**

- ← **Backward:** Liên kết giữa nhà cung cấp và công ty sản xuất
- ← **Forward:** Liên kết giữa công ty sản xuất và nhà phân phối

Raw material (dealers) → Components → making → Automobile → assembly → Automobile → wholesale → Automobile → retail

(Thượng nguồn) ← → (Hạ nguồn)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài


57

Foreign Investment


## Conglomerate M&A

- Mua lại và sáp nhập giữa các công ty khác ngành
- Mục tiêu của những vụ sáp nhập như vậy là đa dạng hóa, và chúng thường thu hút sự chú ý của những công ty có lượng tiền mặt lớn

Before








+




=

After







Foreign Investment

**Câu hỏi 9:** Mua lại khác sáp nhập như thế nào?

**Câu hỏi 10:** Thảo luận theo 2 nhóm những lý do có thể khiến một nhà đầu tư ưa chuộng hình thức đầu tư mới hơn là mua lại và sáp nhập và ngược lại.

**Câu hỏi 11:** Nêu 2 lý do khiến M&A là phương thức thâm nhập phổ biến hơn của FDI vào các nước phát triển so với nước đang phát triển

**Câu hỏi 12:** Đóng vai

Một TNC chuyên về sản xuất hàng dệt muốn đầu tư vào VN. TNC này tìm cách làm tăng năng lực sản xuất thông qua việc mở một nhà máy tại đây; công ty dự định xuất khẩu một phần sản lượng của nhà máy này sang thị trường các nước phát triển. Tìm những luận điểm để ủng hộ (nhóm 1) và phản đối (nhóm 2) việc lựa chọn đầu tư mới thay vì M&A, từ quan điểm của nước chủ nhà. Tìm những luận điểm tương tự từ quan điểm của TNC (nhóm 3 ủng hộ đầu tư mới và nhóm 4 ủng hộ M&A). Cuối cùng, thảo luận về luận điểm của các nhóm như sau: nhóm 1 với nhóm 4 và nhóm 2 với nhóm 3. Mục đích của mỗi nhóm là thuyết phục nhóm khác rằng đầu tư theo phương thức của mình là lựa chọn có lợi.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

59

Foreign Investment

**b. Theo định hướng của nước nhận đầu tư**

- FDI thay thế nhập khẩu
- FDI tăng cường xuất khẩu
- FDI theo các định hướng khác của CP

[Back](#)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

60

@ Phan Thị Vân 2009

CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>

15

Foreign Investment

### c. Theo nhân tố bị tác động trong quá trình đầu tư

- FDI phát triển (expansionary FDI)
- FDI phòng ngự (defensive FDI)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

61

Foreign Investment

### d. Theo động cơ đầu tư

FDI tìm kiếm nguồn lực	FDI tìm kiếm thị trường	FDI tìm kiếm hiệu quả	FDI tìm kiếm tài sản chiến lược
<ul style="list-style-type: none"><li>•Nước đang phát triển hoặc chuyển đổi</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>•Công ty sản xuất sản phẩm gia dụng</li><li>•Công ty muốn đáp ứng nhu cầu thực tế</li><li>•Công ty cung ứng</li><li>•Tránh hàng rào thuế quan</li><li>•Dịch vụ, chế tạo</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>•Thị trường xuyên biên giới mở và ở trình độ phát triển cao</li><li>•Châu Âu, Bắc Mỹ</li><li>•Kết hợp nguồn lực và thị trường cho sản phẩm hoặc quy trình riêng ⇔ chuyên môn hóa</li><li>•VD: Nestle ở Bắc Phi và Trung Đông</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>•Mua lại hoặc sáp nhập nhằm thúc đẩy các mục tiêu chiến lược dài hạn</li></ul>

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

62

Foreign Investment

### e. Theo luật Việt Nam

- Doanh nghiệp 100% vốn ĐTNN
- Doanh nghiệp liên doanh
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC, hợp đồng BOT, BTO, BT.
- Mua lại và sáp nhập

Nguồn: Điều 21, Luật đầu tư năm 2005

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

63

Foreign Investment

### Doanh nghiệp 100% vốn ĐTNN

- Là doanh nghiệp thuộc 100% sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài, được thành lập tại Việt Nam.
- Có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, được thành lập và hoạt động kể từ ngày cấp GCNĐT
- 100% mới: giữa 100% và 100% hoặc nhà ĐT nước ngoài
- Loại hình: Cty TNHH, cổ phần, hợp danh, DN tư nhân
- Vốn pháp định: Theo quy định của luật chuyên ngành (ngân hàng, TC tín dụng, KD lữ hành, KD DV giới thiệu việc làm)
- Cơ cấu tổ chức: theo điều lệ doanh nghiệp

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

64

Foreign Investment

### Nhận xét

- Ngày càng tăng
- Lợi ích đối với địa phương còn lớn hơn so với liên doanh

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

65

Foreign Investment

### Doanh nghiệp liên doanh (JVE)

- Được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng liên doanh ký giữa 2 bên hoặc nhiều bên để tiến hành đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam
- Loại hình: Cty TNHH 2 tv trở lên, cổ phần, hợp danh
- JVE mới: JVE + NĐT trong nước/ nhà ĐT nước ngoài
- Có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, được thành lập và hoạt động kể từ ngày cấp GCNĐT
-

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

66

Foreign Investment

### Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC

- BCC là hình thức đầu tư được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà **không thành lập pháp nhân**
- Nội dung BCC phải có quy định về quyền lợi, trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh cho mỗi bên hợp doanh.
- **Note:** BCC trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí và một số tài nguyên khác theo hình thức HĐ phân chia sản phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và Luật Đầu tư

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

67

Foreign Investment

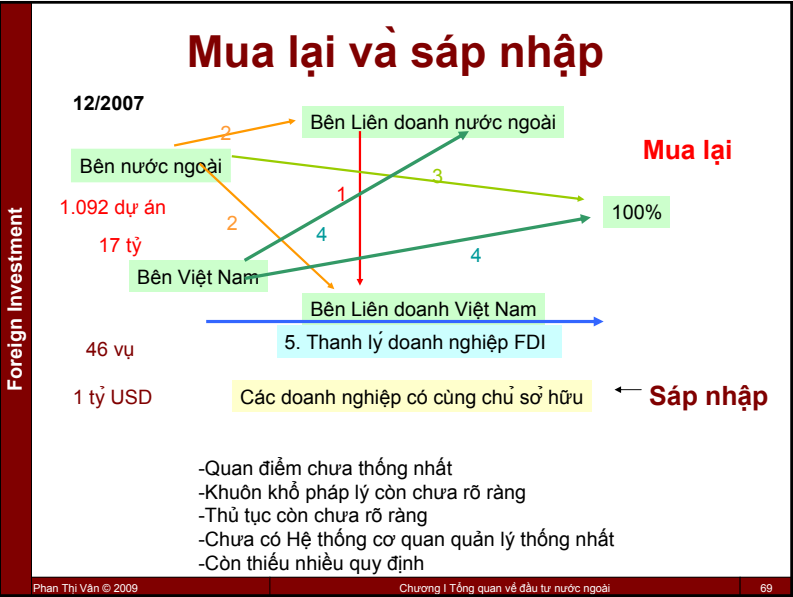
### Hợp đồng hợp tác kinh doanh BCC

- **Thực hiện hoạt động của BCC**
  - Ban điều phối
  - Văn phòng điều hành

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

68



### 5. Một số lý thuyết về FDI

- Các lý thuyết về FDI tập trung trả lời 5W và 1H
- Who** - who is the investor?  
Nhà đầu tư là ai?
- What** - What kind of investment?  
Phương thức đầu tư nào?
- Why** - why go abroad?  
Tại sao lại đầu tư ra nước ngoài?
- Where** - where is the investment made?  
Đầu tư vào địa điểm nào?
- When** - when is the investment made?  
Khi nào thì đầu tư?
- How** - how does the firm go abroad? What mode of entry?  
Thâm nhập thị trường nước ngoài như thế nào?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

70

### 5. Một số lý thuyết về FDI

- a. Các học thuyết vĩ mô
- b. Các học thuyết vi mô

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

71

### a/ Các học thuyết vĩ mô

- Lý thuyết về lợi ích của đầu tư nước ngoài – Mac Dougall&Kempt
- Giả thiết:
  - Có 2 quốc gia, 1 nước phát triển và 1 nước đang phát triển
  - Chỉ có hoạt động đầu tư của hai quốc gia trên, không có sự tham gia của nước thứ 3
  - Sản lượng cận biên của hoạt động đầu tư giảm dần khi vốn đầu tư tăng

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

72

Foreign Investment

### Lý thuyết về lợi ích của đầu tư nước ngoài – Mac Dougall&Kempt

Như vậy, FDI không chỉ làm tăng sản lượng thế giới mà còn đem lại lợi ích cho cả nước chủ đầu tư và nước nhận đầu tư.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

73

Foreign Investment

### b/ Các học thuyết vi mô

- Học thuyết Lợi thế độc quyền  
Monopolistic Advantage Theory (Stephen Hymer)
- Học thuyết về chi phí sản xuất (Williamson)
- Học thuyết nội bộ hoá (Internalization - Buckley, Casson)
- Lý thuyết chiết trung  
Eclectic Theory (John Dunning)
- Lý thuyết về vòng đời quốc tế của sản phẩm  
International product life cycle - Raymond Vernon

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

74

Foreign Investment

### Học thuyết Lợi thế độc quyền Monopolistic Advantage Theory - Stephen Hymer

- Khi đầu tư ra nước ngoài, chủ đầu tư có một số bất lợi
- Làm thế nào một doanh nghiệp nước ngoài có thể cạnh tranh thành công trong một thị trường không quen thuộc, nơi mà chắc chắn doanh nghiệp nước ngoài có ít lợi thế so sánh hơn các doanh nghiệp trong nước?
- Đó là:
  - Thương hiệu
  - Khả năng quản lý
  - Lợi ích kinh tế nhờ quy mô
  - Công nghệ

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

75

Foreign Investment

### Học thuyết về chi phí sản xuất Williamson)

C: chi phí trung bình trên đơn vị sản phẩm phát sinh do đầu tư ở nước ngoài.  
AC<sub>D</sub>: chi phí sản xuất TB của công ty nước nhận đầu tư.  
AC<sub>F</sub>: tổng chi phí khi đầu tư ra nước ngoài (AC<sub>F</sub> = C + AC<sub>D</sub>)  
MM: là giá nhập khẩu sau thuế.

**b**

- Nếu sản lượng ở nước chủ nhà  $Q < OA$ : công ty sẽ khai thác lợi thế độc quyền để sản xuất hàng xuất khẩu.
- Nếu  $OC > Q > OA$ : công ty sẽ cho thuê lợi thế độc quyền.
- Nếu  $Q > OC$ : công ty sẽ trực tiếp khai thác lợi thế độc quyền ở nước ngoài (FDI).

Phan Thị Vân © 2009

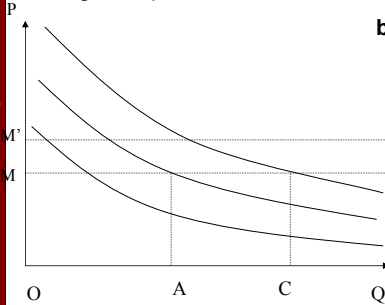
Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

76

### Học thuyết về chi phí sản xuất Williamson

C: chi phí trung bình trên đơn vị sản phẩm phát sinh do đầu tư ở nước ngoài.  
 $AC_D$ : chi phí sản xuất TB của công ty nước nhận đầu tư.  
 $AC_F$ : tổng chi phí khi đầu tư ra nước ngoài ( $AC_F = C + AC_D$ )  
MM: là giá nhập khẩu sau thuế.

Foreign Investment



b

- Nếu sản lượng ở nước chủ nhà  $Q < OA$ : công ty sẽ khai thác lợi thế độc quyền để sản xuất hàng xuất khẩu.
- Nếu  $OC > Q > OA$ : công ty sẽ cho thuê lợi thế độc quyền.
- Nếu  $Q > OC$ : công ty sẽ trực tiếp khai thác lợi thế độc quyền ở nước ngoài (FDI).

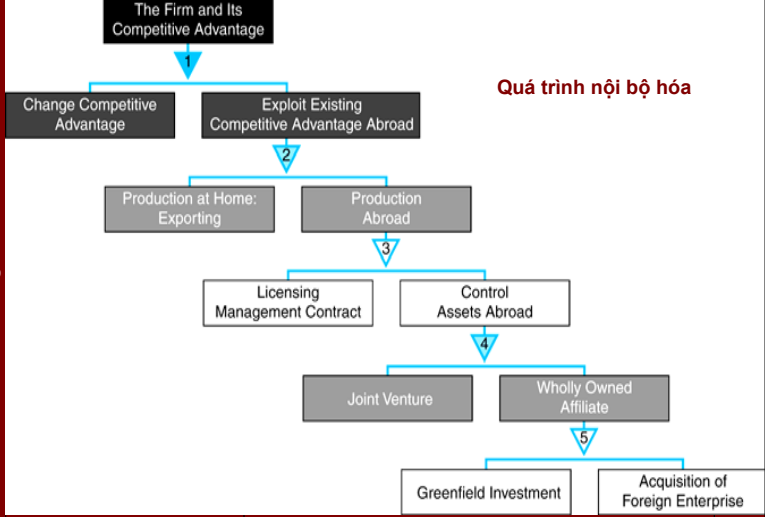
Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

77

### Học thuyết nội bộ hóa Internalization Buckley, Casson

Foreign Investment



Quá trình nội bộ hóa

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

78

### Lý thuyết chiết trung Eclectic theory – John Dunning

- Nổi tiếng với mô hình **OLI**
  - **O: Lợi thế sở hữu - Ownership advantage**
  - **L: Lợi thế địa điểm - Location-specific advantage**
  - **I: Lợi thế nội bộ hóa - Internalization incentive**

Foreign Investment

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

79

### Eclectic theory

- Trả lời các câu hỏi:
  - Tại sao nhu cầu về một loại hàng hóa ở một nước lại không được đáp ứng bởi các doanh nghiệp của chính nước đó hoặc bởi các hàng hóa nhập khẩu qua con đường thương mại thông thường?
  - Giả sử một doanh nghiệp muốn mở rộng hoạt động, tại sao doanh nghiệp không chọn các cách mở rộng khác mà lại chọn FDI.

Foreign Investment

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

80



Foreign Investment

Nhân tố O

- Trí tuệ/Công nghệ
- Lợi thế kinh tế nhờ quy mô
- Lợi thế độc quyền



Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

81

Foreign Investment

Nhân tố L

- Lợi thế kinh tế
- Lợi thế Xã hội/văn hóa
- Lợi thế chính trị

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

82

Foreign Investment

Nhân tố I



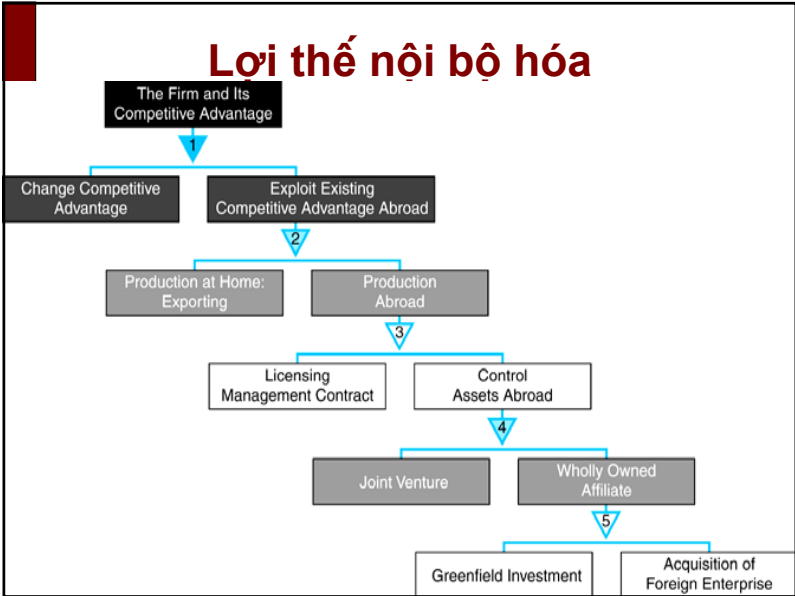
100%

EXTERNAL <-----> INTERNAL

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

83



Foreign Investment

### Nhân tố I

- Các yếu tố tác động đến động cơ nội bộ hóa:
  - Yếu kém tự nhiên của thị trường
    - Rủi ro, phụ thuộc lẫn nhau giữa cung và cầu
    - Chi phí giao dịch cao, thiếu thị trường tri thức
  - Yếu kém cơ cấu của thị trường
    - Các quy định thắt chặt của chính phủ nước chủ nhà

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

85

Foreign Investment

### Lý thuyết về vòng đời quốc tế của sản phẩm

*International product life cycle - Raymond Vernon*

- Mỗi sản phẩm có một vòng đời, xuất hiện – tăng trưởng mạnh – chững lại - suy giảm tương ứng với qui trình xâm nhập – tăng trưởng – bão hòa – suy giảm; vòng đời này dài hay ngắn tùy thuộc từng loại sản phẩm.
- Các nước công nghiệp phát triển thường nắm giữ những công nghệ độc quyền do họ không chế khâu nghiên cứu và triển khai và do có lợi thế về qui mô.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

86

Foreign Investment

### Lý thuyết về vòng đời quốc tế của sản phẩm

*International product life cycle - Raymond Vernon*

+ **Giai đoạn 1:** Sản phẩm mới xuất hiện cần thông tin phản hồi nhanh và được bán ở trong nước phát minh ra sản phẩm, xuất khẩu không đáng kể.

+ **Giai đoạn 2:** Sản phẩm chín muồi, nhu cầu tăng, xuất khẩu tăng mạnh, các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước xuất hiện, FDI xuất hiện

+ **Giai đoạn 3:** Sản phẩm và qui trình sản xuất được tiêu chuẩn hóa, thị trường ổn định, hàng hóa trở nên thông dụng, các doanh nghiệp chịu áp lực phải giảm chi phí càng nhiều càng tốt để tăng lợi nhuận hoặc giảm giá để tăng năng lực cạnh tranh, FDI tiếp tục phát triển

**Introductory stage → Growth stage → Mature stage**

**I                      II                      III**

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

87

Foreign Investment

### Ba giai đoạn phát triển của sản phẩm

**United State**

**Other advanced countries**

**Developing countries**

**Introductory stage   Growth stage   Mature stage**

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

88

Foreign Investment

### 7. Tác động của FDI

Đối với nước chủ đầu tư

Đối với nước nhận đầu tư

😊

- Bành trướng sức mạnh về kinh tế và nâng cao uy tín chính trị trên trường quốc tế.
- Sử dụng lợi thế của nơi tiếp nhận vốn giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tỷ suất lợi nhuận, khắc phục được tình trạng thừa vốn tương đối.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, khắc phục tình trạng lão hoá sản phẩm.
- Tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên, nhiên liệu ổn định
- Đổi mới cơ cấu sản phẩm, áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh.

😞

- Quản lý vốn và công nghệ
- Sự ổn định của đồng tiền
- Cán cân thanh toán quốc tế
- Việc làm và lao động trong nước

😊

- Bổ sung vốn
- Chuyển giao công nghệ
- Phát triển nguồn NL
- Chuyển dịch cơ cấu KT
- Cán đổi nền kinh tế
  - Cán đổi cung cầu HH
  - Cán đổi cán cân TM
- GDP và thu NSNN
- Mở rộng thị trường XK
- Nâng cao năng lực CT
- Quan hệ hợp tác quốc tế

😞

- Phụ thuộc về kinh tế
- Công nghệ lạc hậu
- Ô nhiễm môi trường
- Triệt tiêu khả năng cạnh tranh của các DN trong nước
- Lối sống, các vấn đề xã hội

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

89

Foreign Investment

### Đối với nước nhận đầu tư là nước đang phát triển

#### FDI tác động lên nguồn lực tài chính

Tổng các dòng vốn vào các nước đang phát triển giai đoạn 1990-2006 (tỉ USD)

Nguồn: UNCTAD, dựa trên World Bank 2005a.  
a Được định nghĩa như các giao dịch nợ ròng với thời hạn gốc nhiều hơn 1 năm  
b Sử dụng các phân loại của World Bank. Khác so với cách phân loại của UNCTAD ở chỗ gộp các nước Trung và Đông Âu vào nhóm nước đang phát triển

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

90

Foreign Investment

### Tác động lên nguồn lực tài chính

FDI ↑

Vốn nội bộ TNC  
Vốn huy động trên TTQT  
Thu nhập tái đầu tư

Hiệu quả vốn XH ↑

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

91

Foreign Investment

### Figure I.6. Number of TNCs from developed, developing and transition economies, 1992, 2000 and 2006 (Thousands)

Source: UNCTAD, based on annex table A.I.5.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

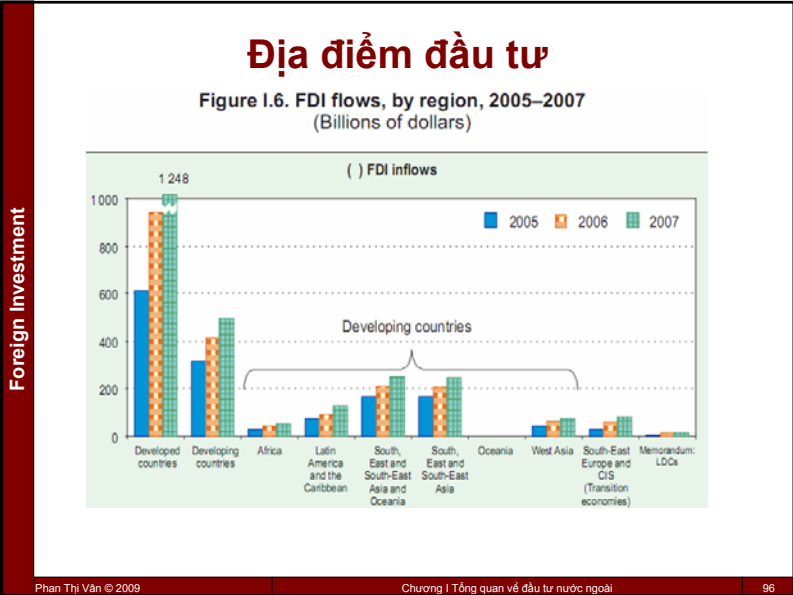
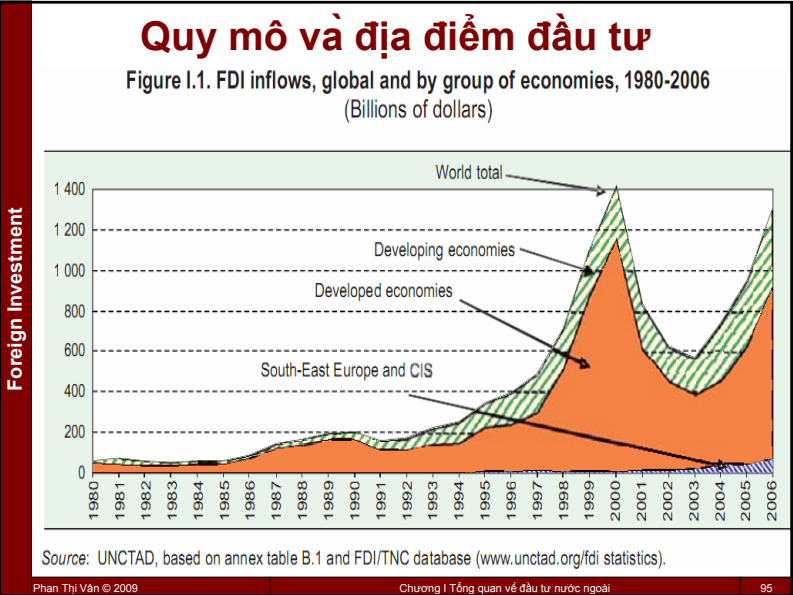
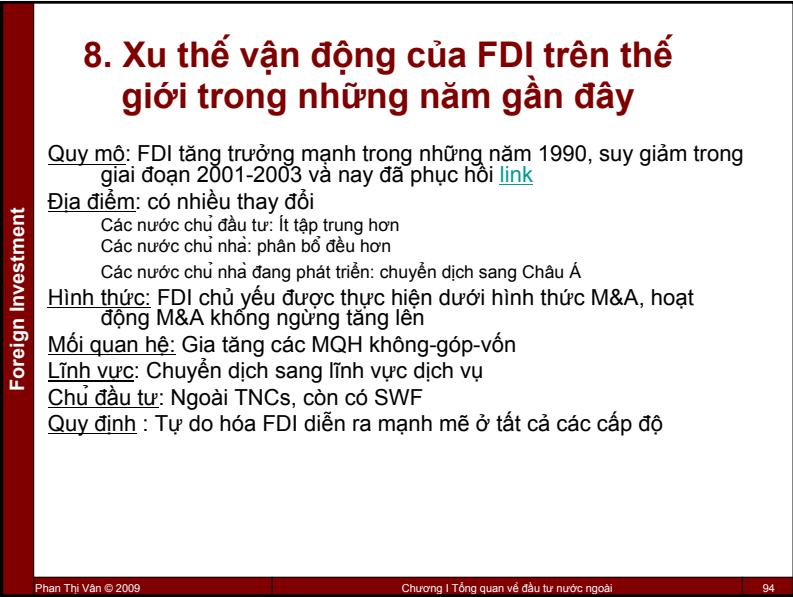
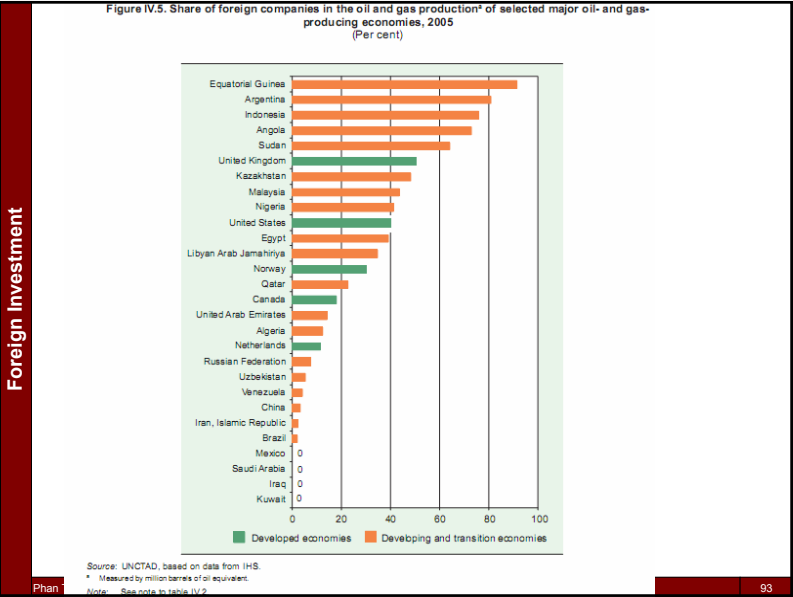
92

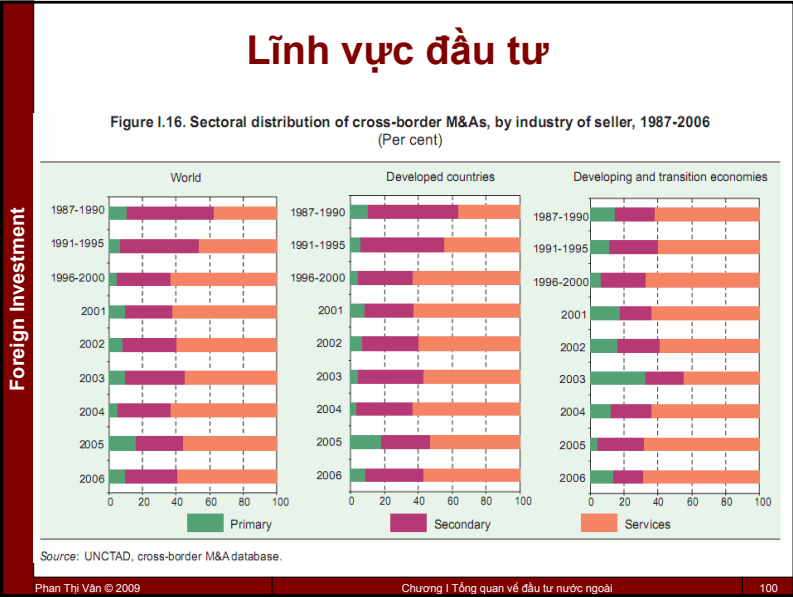
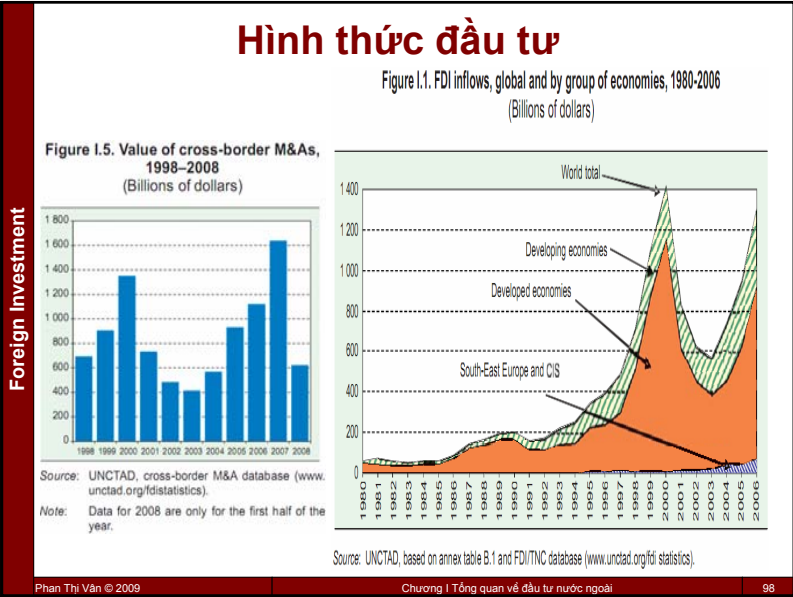
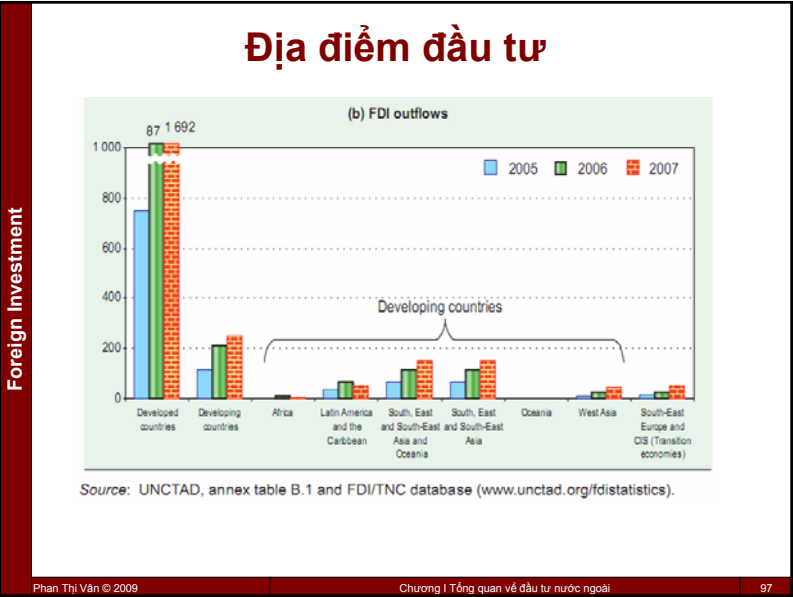
@ Phan Thị Vân 2009

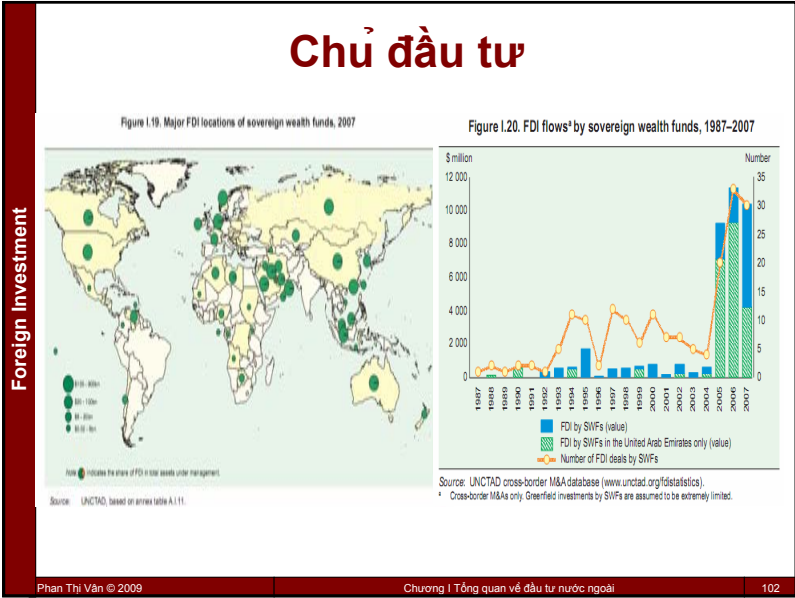
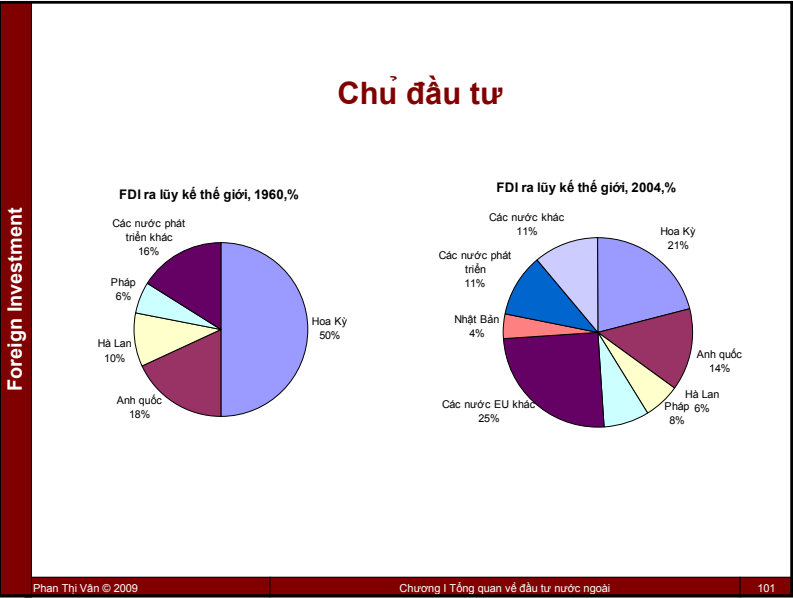
CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>

23



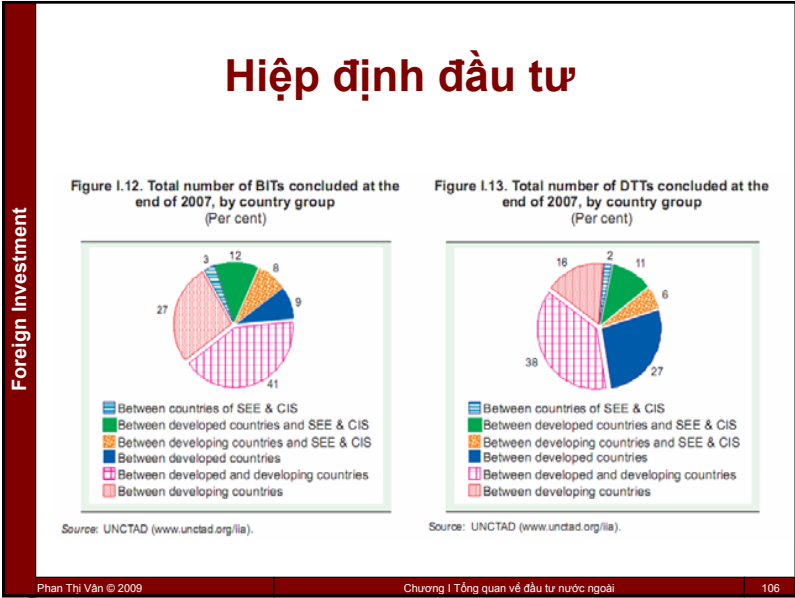
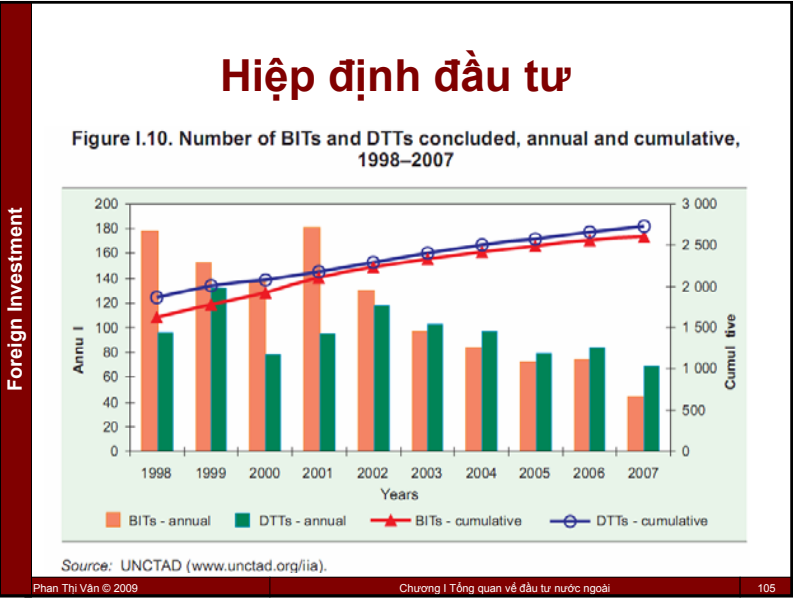




- TỰ DO HÓA ĐẦU TƯ**
- Xóa bỏ các rào cản, hạn chế đối với FDI
  - Tiêu chuẩn đối xử tiến bộ đối với FDI (MFN, NT)
  - Cơ chế thị trường hoạt động tự do
- Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      103

- CẤP ĐỘ TỰ DO HÓA**
- Đơn phương
  - Song phương (BITs)
  - Đa phương
- Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      104





**Foreign Investment**

### 9. Thực trạng FDI tại Việt Nam – Bài tập thực hành

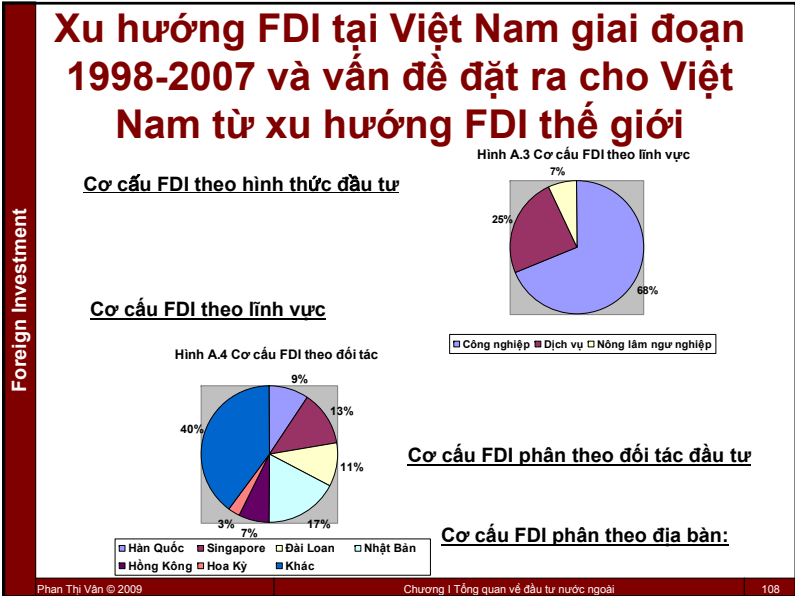
Thu thập dữ liệu về FDI tại VN. Chuẩn bị một bài viết ngắn về xu hướng FDI dài hạn tại VN, cũng như về vị trí thay đổi của VN trên bản đồ FDI khu vực và toàn cầu. Bài viết cần trả lời được các câu hỏi sau:

1. Mô tả chung về thái độ của VN đối với FDI?
2. Những xu hướng dài hạn của dòng và lượng FDI vào lũy kế?
3. Cơ cấu FDI theo ngành và lĩnh vực như thế nào?
4. Những nước chủ đầu tư chính?
5. Vai trò của FDI VN có tăng lên không? Trong ngành, lĩnh vực nào?
6. VN có FDI ra không? Dòng vốn và lượng vốn như thế nào? Vào nước nào và ngành nào?

Phan Thị Vân © 2009

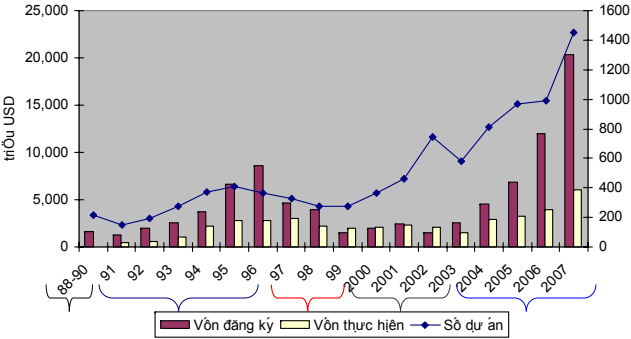
Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

107



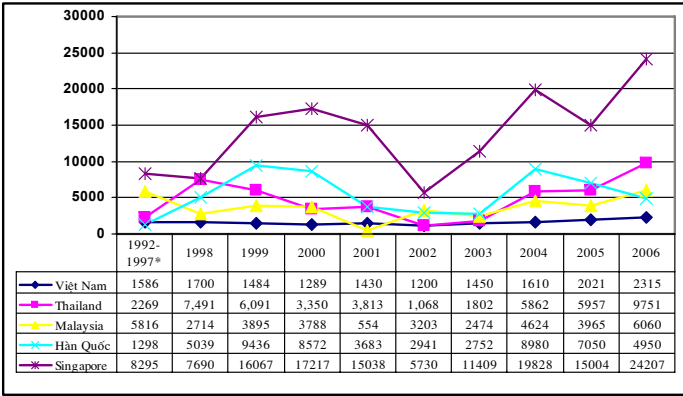
Xu hướng FDI vào Việt Nam trong tương quan so sánh với một số quốc gia châu Á

Hình A.1 FDI tại Việt Nam, 1988-2007



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, www.mpi.gov.vn

Hình A.2 So sánh dòng FDI vào của một số quốc gia châu Á, 1992-2006  
Đơn vị: triệu USD



\* dòng FDI bình quân hàng năm  
Nguồn: UNCTAD, WIR 2000-2007

Bảng A.1 Chỉ số thực hiện FDI vào và xếp hạng giai đoạn 1994-2006 của một số quốc gia châu Á

Quốc gia	1994-1996	1996-1998	1998-2000	1999-2001	2000-2002	2001-2003	2002-2004	2003-2005	2004-2006
Việt Nam	8,177 (6)	4,463 (11)	1,488 (36)	1,307 (44)	1,327 (51)	1,923 (39)	2,004 (50)	2,056 (58)	1,343 (78)
Singapore	10,50 (7)	6,493 (6)	3,737 (7)	5,333 (4)	4,755 (6)	6,000 (6)	6,079 (8)	8,228 (6)	7,622 (5)
Malaysia	5,862 (9)	3,428 (18)	1,248 (49)	0,922 (71)	0,902 (70)	1,079 (75)	1,803 (56)	1,755 (64)	1,693 (62)
Thailand	1,021 (78)	1,765 (54)	1,375 (44)	1,058 (59)	0,753 (87)	0,858 (87)	0,506 (106)	2,334 (47)	2,075 (52)
Indonesia	1,825 (52)	1,119 (80)	-	-	-	0,624 (138)	0,324 (139)	0,049 (136)	0,899 (106)
Hàn Quốc	0,304 (118)	0,462 (111)	0,587 (91)	0,434 (97)	0,33 (107)	0,314 (120)	0,474 (109)	0,550 (115)	0,409 (123)
Trung Quốc	4,667 (16)	2,761 (30)	1,198 (51)	1,134 (56)	1,331 (50)	1,969 (37)	2,134 (45)	2,020 (62)	1,472 (69)

Nguồn: UNCTAD, www.unctad.org

Phương pháp tính chỉ số thực hiện FDI (THE INWARD FDI PERFORMANCE INDEX-IND):

Trong đó,  
IND<sub>i</sub> = Chỉ số thực hiện FDI của nước i  
FDI<sub>i</sub> = Lượng FDI vào của nước i  
FDI<sub>th</sub> = Lượng FDI vào của thế giới  
GDP<sub>i</sub> = GDP của nước i  
GDP<sub>th</sub> = GDP thế giới

$$IND_i = \frac{FDI_i / GDP_i}{FDI_{th} / GDP_{th}}$$

IV. Đầu tư chứng khoán nước ngoài - FPI và tín dụng tư nhân quốc tế - IPL

1. Đầu tư chứng khoán nước ngoài – Foreign Portfolio Investment FPI v

a/ Khái niệm: FPI là hình thức đầu tư quốc tế trong đó chủ đầu tư của một nước mua chứng khoán của các công ty, các tổ chức phát hành ở một nước khác với một mức không chế nhất định để thu lợi nhuận nhưng không nắm quyền kiểm soát trực tiếp đối với tổ chức phát hành chứng khoán.

Foreign Investment

### b/ Đặc điểm

- Chủ đầu tư nước ngoài không nắm quyền kiểm soát
- Số lượng chứng khoán được mua có thể bị khống chế
- Thu nhập của chủ đầu tư
- Phạm vi đầu tư
- Nước tiếp nhận đầu tư chỉ nhận được vốn bằng tiền

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

113

Foreign Investment

### c/ Phân loại

- Đầu tư trái phiếu nước ngoài
- Đầu tư cổ phiếu nước ngoài

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

114

Foreign Investment

### HỎI

- *Hỏi: So sánh hai hình thức đầu tư cổ phiếu và trái phiếu?*
  - Về đối tượng đầu tư:
  - Về quan hệ giữa chủ đầu tư và tổ chức phát hành
  - Về thu nhập và tổ chức phát hành trả cho nhà đầu tư
  - Chi phí nhà đầu tư bỏ ra
  - Thu nhập nhà đầu tư có được
- FDI và FPI giống và khác nhau như thế nào?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

115

Foreign Investment

### 2. Tín dụng tư nhân quốc tế International Private Loans - IPL

a/ Khái niệm:

- *Tín dụng quốc tế là hình thức đầu tư quốc tế trong đó chủ đầu tư ở một nước cho đối tượng tiếp nhận đầu tư ở một nước khác vay vốn trong một khoảng thời gian nhất định và thu lợi nhuận qua lãi suất tiền cho vay.*

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

116

Foreign Investment

**b/ Đặc điểm**

- Quan hệ giữa chủ đầu tư và đối tượng nhận đầu tư là quan hệ vay nợ.
- Chủ đầu tư trước khi cho vay đều nghiên cứu tính khả thi của dự án đầu tư, có yêu cầu về bảo lãnh hoặc thế chấp các khoản vay để giảm rủi ro;
- Vốn đầu tư thường dưới dạng tiền tệ;
- Chủ đầu tư nước ngoài thu lợi nhuận qua lãi suất ngân hàng theo thỏa thuận giữa hai bên

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

117

Foreign Investment

**c/ Phân loại**

- IPL thông qua ngân hàng
- IPL đầu tư trái phiếu

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

118

Foreign Investment

**V. Hỗ trợ phát triển chính thức**  
*Official Development Assistance (ODA)*

- **1/ Khái niệm của WB**  
ODA là các khoản viện trợ không hoàn lại, viện trợ có hoàn lại hoặc tín dụng ưu đãi của các Chính phủ, các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức phi chính phủ (NGO), các tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc (UN), các tổ chức tài chính quốc tế dành cho các nước đang và chậm phát triển.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

119

Foreign Investment

**Khái niệm của DAC**

- ODA là những luồng tài chính chuyển tới các nước đang phát triển và tới những tổ chức đa phương để chuyển tới các nước đang phát triển mà:
  - được cung cấp bởi các tổ chức chính phủ (trung ương và địa phương) hoặc bởi cơ quan điều hành của các tổ chức này;
  - có mục tiêu chính là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phúc lợi của các nước đang phát triển;
  - mang tính chất ưu đãi và có yếu tố không hoàn lại  $\geq 25\%$  (được tính với tỷ suất chiết khấu 10%)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

120

Foreign Investment

## 2/ Đặc điểm

- Về các nhà tài trợ (Donors):
  - Chính phủ các nước
  - Tổ chức liên chính phủ: EC, OECD
  - Tổ chức thuộc Liên hợp quốc UNCTAD, UNDP, UNIDO, UNICEF, WFP, UNESCO, WHO
  - Tổ chức tài chính quốc tế: IMF, WB, WTO
  - Các tổ chức phi chính phủ (NGO)
- Mỗi chính phủ sẽ có các cơ quan riêng để quản lí việc cấp ODA: SIDA, AusAID, JICA, USAID, IAE, CIDA...
- Đối tượng nhận viện trợ (Aid recipients): Là chính phủ các nước đang và kém phát triển.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

121

### DAC List of ODA Recipients

Effective for reporting on 2009 and 2010 flows

Least Developed Countries	Other Low Income Countries (per capita GNI < \$935 in 2007)	Lower Middle Income Countries and Territories (per capita GNI \$936-\$3 705 in 2007)	Upper Middle Income Countries and Territories (per capita GNI \$3 706-\$11 455 in 2007)
Afghanistan Angola Bangladesh Benin Bhutan Burkina Faso Burundi Cambodia Central African Rep. Chad Comoros Congo, Dem. Rep. Djibouti Equatorial Guinea Eritrea Ethiopia Gambia Guinea Guinea-Bissau Haiti Kiribati Laos Lesotho	Côte d'Ivoire Ghana Kenya Korea, Dem. Rep. Kyrgyz Rep. Nigeria Pakistan Papua New Guinea Tajikistan Uzbekistan Viet Nam Zimbabwe	Albania Algeria Armenia Azerbaijan Bolivia Bosnia and Herzegovina Cameroon Cape Verde China Colombia Congo, Rep. Dominican Republic Ecuador Egypt El Salvador Former Yugoslav Republic of Macedonia Georgia Guatemala Guyana Honduras India Indonesia Iran	*Anguilla Antigua and Barbuda <sup>1</sup> Argentina Barbados <sup>2</sup> Belarus Belize Botswana Brazil Chile Cook Islands Costa Rica Croatia Cuba Dominica Fiji Gabon Grenada Jamaica Kazakhstan Lebanon Libya Malaysia Mauritius

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

122

Foreign Investment

## 2/ Đặc điểm (tiếp)

- ODA mang tính ưu đãi.  $GE = \frac{MG_{\text{vay}} - PV_{\text{thanh toán}}}{MG_{\text{vay}}} \times 100\%$
- Vốn ODA thường kèm theo điều kiện
  - GDP thấp
  - Sử dụng ODA phù hợp với mục tiêu cấp vốn của nhà tài trợ
- ODA mang tính ràng buộc:
  - 22% viện trợ của DAC phải được sử dụng để mua hàng hóa và dịch vụ của các quốc gia viện trợ.
- ODA luôn chứa đựng cả tính ưu đãi cho nước tiếp nhận và lợi ích của nước viện trợ.
  - thúc đẩy tăng trưởng bền vững và giảm nghèo ở những nước đang phát triển
  - tăng cường vị thế chính trị của các nước tài trợ
- ODA là nguồn vốn có khả năng gây nợ.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

123

Foreign Investment

## 3/ Các dòng vốn chính thức khác

### Other Official Flows (OOFs)

- Là những giao dịch thuộc khu vực chính thức nhưng không thỏa mãn những tiêu chí của ODA/OA

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

124

CuuDuongThanCong.com



CuuDuongThanCong.com



CuuDuongThanCong.com





Foreign Investment	c/ Các nhân tố liên quan đến nước nhận đầu tư	Môi trường đầu tư	<b>I. Khung chính sách về FDI</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Ổn định chính trị, kinh tế, xã hội</li><li>• Quy định về thâm nhập và hoạt động</li><li>• Tiêu chuẩn đối xử với những công ty con nước ngoài</li><li>• Chính sách về chức năng và cơ cấu thị trường (đặc biệt về chính sách cạnh tranh và M&amp;A)</li><li>• Các thỏa thuận thương mại và FDI quốc tế</li><li>• Chính sách tư nhân hóa</li><li>• Chính sách thương mại và sự liên kết giữa chính sách thương mại và FDI</li><li>• Chính sách thuế</li></ul>	<b>Định hướng thị trường</b> Quy mô TT và thu nhập BQ Tăng trưởng thị trường Khả năng tiếp cận thị trường khu vực và thế giới Cơ cấu thị trường Thị hiếu của người tiêu dùng <b>Định hướng nguồn nguyên liệu/tài sản</b> Sự sẵn có và chi phí NVL Sự sẵn có và chi phí lao động Công nghệ, sáng chế và các tài sản sáng tạo khác Cơ sở hạ tầng <b>Định hướng hiệu quả/chi phí</b> Chi phí nguồn nguyên liệu/tài sản + năng suất lao động Các chi phí đầu vào khác (VD: vận tải, viễn thông, các sản phẩm trung gian) Các thỏa thuận hội nhập K vực <b>Định hướng tài sản chiến lược</b> M&A qua biên giới Sự sẵn có của các tài sản riêng của công ty: năng lực công nghệ, đổi mới và Mar, thương hiệu Mua sức mạnh thị trường hoặc các thị trường mới, phân tán rủi ro, giảm chi phí giao dịch
			<b>II. Các nhân tố kinh tế (theo động cơ FDI)</b>	
			<b>III. Các nhân tố tạo thuận lợi cho KD</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Xúc tiến đầu tư</li><li>• Các ưu đãi đầu tư</li><li>• Các chi phí do phiền nhiễu hoặc quan liêu</li><li>• Tiện nghi xã hội</li><li>• Cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ tốt</li><li>• Vốn xã hội, thái độ đối với công việc</li></ul>	

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

129

Foreign Investment

# c1. Các động cơ của FDI và các nhân tố kinh tế

Cơ bản

## Các nguồn lực tự nhiên

TK19  
Chủ đầu tư  
Châu Âu, Mỹ, Nhật

CTTG II: 60%  
Khoáng sản  
Sản phẩm cơ bản

Du lịch

Sahara châu Phi

Azerbaijan

Liên bang Nga

Úc

Kazakhstan

Quần đảo Caribe

Nguyên nhân cho việc giảm sút tầm quan trọng tương đối của các nguồn lực tự nhiên

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

130

Foreign Investment

# FDI tìm kiếm thị trường

Ngành chế tạo  
"Tránh hàng rào thuế quan"

Nước phát triển  
Giữa hai cuộc CTTG

1960, 1970  
Nước đang phát triển

Thay thế nhập khẩu  
FDI Nhật vào Mỹ  
1980

Ngành dịch vụ

Hàng hóa trung gian

Những nhân tố chủ yếu nào quyết định FDI định hướng thị trường? Thảo luận theo nhóm các nguyên nhân và điều kiện theo đó các nhân tố này tác động đến các quyết định đầu tư

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

131

Foreign Investment

# FDI tìm kiếm hiệu quả

Chuyên môn hóa sản xuất

## Chiến lược và cơ cấu của các TNC

Hội nhập tự chủ: Đa thị trường nội địa

Công ty mẹ  
Nước chủ đầu tư

Công ty con  
Nhà thầu phụ

Nhà cung cấp

Nước chủ nhà

Nhà thầu phụ  
Nước thứ ba

Hội nhập đơn giản: Outsourcing

Công ty mẹ  
Nước chủ đầu tư

Công nghệ, vốn, nguyên vật liệu

Công ty con  
Nước chủ nhà

Nhập khẩu

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

132

@ Phan Thị Vân 2009

CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>

33

Foreign Investment

### FDI tìm kiếm hiệu quả

Chiến lược và cơ cấu của các TNC

Hội nhập phức hợp

Công ty mẹ  
Nước chủ đầu tư

Công ty con  
Nước chủ nhà

Thị trường  
Nước thứ ba

Công ty con  
Nước chủ nhà

Có thể là tất cả các chức năng

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

133

Foreign Investment

### FDI tìm kiếm hiệu quả

Nguồn nhân lực chưa qua đào tạo giá rẻ

Các tài sản sáng tạo

Tính kinh tế của sự tích tụ

FDI sản xuất sản phẩm/bán thành phẩm có hàm lượng lao động cao

Hội nhập đơn giản

Hội nhập phức hợp

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

134

Foreign Investment

### Câu hỏi

Đặc điểm cơ bản của chiến lược hội nhập đơn giản và hội nhập phức hợp là gì? Những nhân tố chủ yếu nào của nước chủ nhà phù hợp với FDI theo mỗi chiến lược?

Cho ví dụ về các nhân tố quyết định đối với FDI định hướng hiệu quả? Thảo luận theo nhóm các nhân tố này có thể liên quan đến các nhân tố kinh tế khác của nước chủ nhà như thế nào?

Giải thích khái niệm tài sản sáng tạo và cho ví dụ. Giải thích tại sao các tài sản sáng tạo có thể tạo ra lợi thế địa điểm quan trọng cho một nước chủ nhà? Thảo luận quan điểm của bạn theo nhóm.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

135

Foreign Investment

### Các tài sản chiến lược

Mergers and Acquisitions

Duy trì hoặc củng cố vị thế cạnh tranh

Bổ sung các lợi thế

Những nhóm nhân tố kinh tế quyết định FDI của nước chủ nhà là gì? Tầm quan trọng tương đối của chúng được đánh giá qua các khía cạnh chủ yếu nào? Thảo luận theo nhóm.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

136

Foreign Investment

## Động cơ tiến hành FDI

HONDA VIETNAM



The Power of Dreams



Tối yếu Việt Nam

BIA ĐÔNG NAM Á SEAB

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài





137

Foreign Investment

### Giới thiệu


Liên doanh

22/3/1996

 +  +  = 

The Power of Dreams

### Bối cảnh ngành




Hiện nay


2002

6.095.000


4.775.000

### Nhà đầu tư

 1948

 1964

Asean

 2001

434 cty con

1.874 trUSD

118 cơ sở SX

31 QG

2.847 trUSD R&D

114.300 LĐ

45.742 triệu USD

52.170 triệu USD

Phan Thị Vân © 2009


Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

138

Foreign Investment

### Động cơ thâm nhập VN

Quy mô thị trường



Bảo hộ thị trường

60%

Ưu đãi của CP


Miễn thuế

Giảm thuế

4 năm

### Động cơ lựa chọn đối tác VN

1995



30% vốn góp

Giá trị quyền sử dụng đất

Vị trí chính trị

### Hoạt động của công ty

1996

2005

2007

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

139

Foreign Investment

### Giới thiệu

1847



 + 1966



 = 1993

**Công ty bia Đông Nam Á**

1998: có lãi

- Vốn, công nghệ,
- Máy móc,
- Đào tạo nhân viên,
- Bí quyết sản xuất,
- Bí quyết marketing,
- Quản trị thương hiệu

- Giá trị quyền sử dụng đất
- Các nhà xưởng máy móc sẵn có
- Mạng phân phối
- Quan hệ chính trị





### Động cơ thâm nhập

Dân số trẻ, quy mô 70 triệu

Mức tiêu thụ thấp

Văn hóa không có hạn chế

Cơ sở sản xuất lạc hậu

Miền Nam đã có Cty bia C.Á TBD

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

140

@ Phan Thị Vân 2009

CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>

35

Foreign Investment

## c2/ Khung chính sách quốc gia

Chính sách FDI vòng trong (Nòng cốt)

Chính sách FDI vòng ngoài (Tác động gián tiếp đến FDI)

Các chính sách tác động lên ổn định kinh tế, chính trị và xã hội

- Chính sách tiền tệ
- Chính sách tài khóa
- Chính sách tỷ giá hối đoái

Quy định về thâm nhập và hoạt động

FDI

Việc bảo hộ các nhà ĐTNN

Tiêu chuẩn đối xử với nhà ĐTNN

Chính sách về chức năng và cơ cấu thị trường

Chính sách thuế

- Thiên đường thuế quan
- Ưu đãi thuế
- Thuế doanh nghiệp và cá nhân

Chính sách thương mại

- Thay thế nhập khẩu hay hướng về xuất khẩu
- Thành viên của các chương trình hội nhập khu vực

Chính sách tự nhân hóa

- Có thể là một nhân tố quyết định quan trọng đối với dòng FDI vào

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

141

Foreign Investment

## Tự do hóa chính sách FDI

Bóp méo thị trường

Những hạn chế

- Thâm nhập và thành lập
- Sở hữu và quản lý
- Hạn chế hoạt động
- Uỷ quyền và bảo cáo

Những ưu đãi

- Ưu đãi thuế
- Ưu đãi tài chính
- Ưu đãi khác

Tiêu chuẩn đối xử tích cực

- NT, MFN
- Giải quyết tranh chấp đầu tư bởi trọng tài quốc tế

- Đối xử công bằng và bình đẳng
- Chuyển lợi nhuận về nước
- Tính minh bạch rõ ràng

Giám sát thị trường

Chính sách cạnh tranh (bao gồm M&A)  
Quy định về độc quyền

Giám sát thận trọng  
Tiết lộ thông tin

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

142

Foreign Investment

Chính sách tự nhân hóa

- Cho phép nhà ĐTNN mua lại DN nhà nước

Chính sách thuế

- Thấp hoặc cao so với nước khác

Các chính sách vĩ mô

- Sự ổn định kinh tế
- Tỷ lệ lạm phát
- Tình trạng cán cân thanh toán
- Thu chi ngân sách

Các chính sách tổ chức vĩ mô

- Cơ cấu ngành sản xuất
- Cơ cấu địa bàn
- Cơ cấu chức năng của các hoạt động
- Cơ cấu sở hữu
- Mức độ cạnh tranh

Những chính sách về vận hành theo chức năng của thị trường các yếu tố đầu vào

Những chính sách tác động đến nguồn cung cấp và chất lượng của các nguồn nhân lực

Hấp dẫn các nhà ĐTNN nhờ tăng cạnh tranh

Tài chính công???

Ảnh hưởng đến:  
Đầu tư, lãi suất, chi phí vốn

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

143

Foreign Investment

## Câu hỏi

- Các dạng chính sách kinh tế vĩ mô và tổ chức vĩ mô chính có thể tác động đến FDI là gì? Thảo luận các ví dụ tại VN.
- Thảo luận vai trò của các chính sách thương mại trong thu hút FDI

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

144

@ Phan Thị Vân 2009

CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>

36

Foreign Investment

## c2/ Khung chính sách quốc tế

**Các hiệp định đầu tư song phương (BITs)**

- Mục đích: Bảo hộ các nhà đầu tư từ một nước thành viên hiệp định khi hoạt động tại nước thành viên còn lại
- 2004: ~2300 HĐ
- BITs ảnh hưởng đến khung chính sách QG
- Tác động nhất định đến FDI
- Duy trì FDI
- Bổ trợ cho các nhân tố khác thuộc môi trường kinh tế

**Các thỏa thuận đầu tư và thương mại quốc tế**

- Cấp độ khu vực, đa biên và đa phương
- Tác động tới cả 3 nhóm nhân tố kinh tế
- Mức độ tác động phụ thuộc: phạm vi và độ sâu của hội nhập KT, mức độ tin cậy của thỏa thuận (thực hiện thực tế), mức độ phụ thuộc lẫn nhau của các nước thành viên và liên kết đã được thiết lập giữa chúng.
- Thỏa thuận thương mại -> thương mại
  - >Phản ứng chiến lược của NĐT với đối thủ cạnh tranh
  - >Tăng trưởng kinh tế
  - > FDI
- Thỏa thuận đầu tư (FDI) -> Tự do và hài hòa hóa khung chính sách FDI QG -> FDI
- Độ tin cậy của một thỏa thuận ảnh hưởng lớn tới các nhân tố quyết định FDI
- Mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trước khi tham gia thỏa thuận -> các nhân tố quyết định FDI

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

145

Foreign Investment

## Các hiệp định đầu tư song phương

BITs

Nước A ↔ Bảo hộ đầu tư ↔ Nước B

Nước B → Không bảo hộ đầu tư → Nước C

Ảnh hưởng

Khung chính sách quốc gia

Duy trì FDI

Bổ trợ

Các yếu tố kinh tế  
Các biện pháp tạo thuận lợi cho kinh doanh

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

146

Foreign Investment

## Các thỏa thuận đầu tư và thương mại quốc tế

khu vực

đa biên

đa phương

Thỏa thuận đầu tư

Thỏa thuận thương mại

Tự do và hài hòa hóa khung CS FDI QG

Thương mại

Phản ứng chiến lược của NĐT với đối thủ cạnh tranh

Tăng trưởng kinh tế

FDI

Các nhân tố quyết định FDI

Thảo luận tác động của khung chính sách quốc tế đến FDI

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

147

Foreign Investment

## c3/ Các yếu tố tạo thuận lợi cho kinh doanh

- Xúc tiến đầu tư
- Ưu đãi đầu tư
- Các biện pháp khác

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

148

Foreign Investment

### Các hoạt động xúc tiến FDI

**Giai đoạn 1**  
Tự do hóa  
chính sách  
FDI

**Giai đoạn 2**  
Marketing quốc gia  
Thành lập IPA

**Giai đoạn 3**  
Định hướng nhà ĐTNN  
Marketing các khu vực của  
QG  
Kết nối lợi thế địa điểm và  
nhu cầu ĐT

Giải quyết vấn đề  
== == →

TNC không có đủ thông tin  
TNC sợ rủi ro

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

149

Foreign Investment

### Chức năng xúc tiến FDI

Tạo lập hình ảnh

Định hướng và  
tạo lập đầu tư





Các dịch vụ tạo điều  
kiện cho đầu tư

Các dịch vụ hậu đầu tư

Tư vấn chính sách



Thành lập  
đầu tư

Vận hành  
hoạt động

Kết thúc  
đầu tư



Tư vấn  
Thúc đẩy quá trình phê duyệt  
Hỗ trợ xin giấy phép

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

150

Foreign Investment

### Ưu đãi đầu tư

Là các lợi thế kinh tế có thể đo lường được các chính phủ (quốc gia, khu vực và địa phương) dành cho một số các công ty hoặc một số loại hình công ty nhất định để khuyến khích các công ty này hoạt động theo cách thức nhất định.

**Mục đích**

- Định hướng địa điểm
- Định hướng hành vi

**Các dạng ưu đãi**

- Ưu đãi tài chính
- Ưu đãi tài khóa
- Cơ sở hạ tầng
- Dịch vụ
- Ưu đãi về thị trường
- Nhượng bộ về chính sách

**Ưu đãi được bù đắp bởi:**

- Các yêu cầu về hoạt động
- Những điểm kém hiệu quả của MT Kinh doanh

**Các điều kiện tạo thuận lợi cho kinh doanh khác**



Giảm "các chi phí phiền nhiễu"  
Cải thiện chất lượng cuộc sống



Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

151

Foreign Investment

### Câu hỏi

- Kể tên ít nhất 3 hoạt động xúc tiến đầu tư có thể tác động đến quyết định đầu tư
- Định nghĩa các biện pháp ưu đãi và trình bày các mục đích chính của chúng. Có những loại ưu đãi chủ yếu nào? Cho ví dụ từng loại.
- Giải thích các chi phí dọ phiền nhiễu có nghĩa là gì và tác động có thể của chúng đến các nhà đầu tư.
- Thảo luận các biện pháp xúc tiến và ưu đãi đối với FDI. So sánh chúng với tác động của các nhận tố quyết định đầu tư khác của nước chủ nhà

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

152

@ Phan Thị Vân 2009

CuuDuongThanCong.com

<https://fb.com/tailieudientucntt>

38



Foreign Investment

Cần...  
Yếu tố kinh tế

... và đủ

Cần...  
Khung chính sách

**Ví dụ**

Biện pháp tạo điều kiện cho KD

Phái đoàn đầu tư

FDI

Hỏi  
So sánh tác động của các biện pháp tạo điều kiện cho kinh doanh và các yếu tố khác của môi trường đầu tư

Foreign Investment

### Môi trường đầu tư của Việt Nam?

- Tiếp cận tín dụng?
- Tiếp cận đất đai?
- Kỹ năng và trình độ của lao động?
- Hạ tầng cơ sở giao thông?
- Hệ thống pháp lý?
- Thủ tục hành chính?
- Tham nhũng?

Foreign Investment

**Figure I.8. Matrix of inward FDI performance and potential, 2006**

	High FDI performance	Low FDI performance
High FDI potential	<b>Front-runners</b> Azerbaijan, Bahamas, Bahrain, Belgium, Brunei, Darussalam, Bulgaria, Chile, Croatia, Cyprus, the Czech Republic, the Dominican Republic, Estonia, Hong Kong (China), Hungary, Iceland, Israel, Jordan, Kazakhstan, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malaysia, Malta, Mongolia, the Netherlands, New Zealand, Oman, Panama, Poland, Romania, Saudi Arabia, Singapore, Slovakia, Sweden, Thailand, Trinidad and Tobago, Tunisia, Ukraine, United Arab Emirates and the United Kingdom.	<b>Below potential</b> Algeria, Argentina, Australia, Austria, Belarus, Brazil, Canada, China, Denmark, Finland, France, Germany, Greece, Ireland, Islamic Republic of Iran, Italy, Japan, Kuwait, the Libyan Arab Jamahiriya, Mexico, Norway, Portugal, Qatar, the Republic of Korea, the Russian Federation, Slovenia, Spain, Switzerland, Taiwan Province of China, the United States and the Bolivarian Rep. of Venezuela.
Low FDI potential	<b>Above potential</b> Albania, Armenia, Botswana, Colombia, Congo, Costa Rica, Egypt, Ethiopia, the Gambia, Georgia, Guinea, Guyana, Honduras, Jamaica, Kyrgyzstan, Lebanon, Moldova, Namibia, Nicaragua, Nigeria, Peru, Sierra Leone, Sudan, Tajikistan, The FYR of Macedonia, Togo, Uganda, the United Republic of Tanzania, Uruguay, Viet Nam and Zambia.	<b>Under-performers</b> Angola, Bangladesh, Benin, Bolivia, Burkina Faso, Cameroon, Côte d'Ivoire, the Democratic Republic of the Congo, Ecuador, El Salvador, Gabon, Ghana, Guatemala, Haiti, India, Indonesia, Kenya, Madagascar, Malawi, Mali, Morocco, Mozambique, Myanmar, Nepal, Niger, Pakistan, Papua New Guinea, Paraguay, Philippines, Rwanda, Senegal, South Africa, Sri Lanka, Suriname, the Syrian Arab Republic, Turkey, Uzbekistan, Yemen and Zimbabwe.

Source: UNCTAD, based on annex table A.I.10.

Foreign Investment

Môi trường đầu tư

### I. Khung chính sách về FDI

- Ổn định chính trị, kinh tế, xã hội
- Quy định về thâm nhập và hoạt động
- Tiêu chuẩn đối xử với những công ty con nước ngoài
- Chính sách về chức năng và cơ cấu thị trường (đặc biệt về chính sách cạnh tranh và M&A)
- Các thỏa thuận thương mại và FDI quốc tế
- Chính sách tư nhân hóa
- Chính sách thương mại và sự liên kết giữa chính sách thương mại và FDI
- Chính sách thuế

### II. Các nhân tố kinh tế (theo động cơ FDI)

### III. Các nhân tố tạo thuận lợi cho KD

- Xúc tiến đầu tư
- Các ưu đãi đầu tư
- Các chi phí do phiền nhiễu hoặc quan liêu
- Tiềm năng xã hội
- Cơ sở hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ tốt
- Vốn xã hội, thái độ đối với công việc

### Định hướng thị trường

Quy mô TT và thu nhập BQ

Tăng trưởng thị trường

Khả năng tiếp cận thị trường khu vực và thế giới

Cơ cấu thị trường

Thị hiếu của người tiêu dùng

### Định hướng nguồn nguyên liệu/tài sản

Sự sẵn có và chi phí NVL

Sự sẵn có và chi phí lao động

Công nghệ, sáng chế và các tài sản sáng tạo khác

Cơ sở hạ tầng

### Định hướng hiệu quả/chi phí

Chi phí nguồn nguyên liệu/tài sản + năng suất lao động

Các chi phí đầu vào khác (VD: vận tải, viễn thông, các sản phẩm trung gian)

Các thỏa thuận hội nhập K vực

### Định hướng tài sản chiến lược

M&A qua biên giới

Sự sẵn có của các tài sản riêng của công ty: năng lực công nghệ, đổi mới và M&A, thương hiệu

Mua sức mạnh thị trường hoặc các thị trường mới, phân tán rủi ro, giảm chi phí giao dịch



Foreign Investment

I. Khung pháp lý cho FDI

1. Mức độ ổn định chính trị xã hội

Mức độ ổn định chính trị của một số quốc gia châu Á, năm 2002

Quốc gia	Việt Nam	Malaysia	Singapore	Thái lan
Mức độ ổn định chính trị	60	60	75	61

Nguồn:UNCTAD, FDI Compass,<http://compass.unctad.org>

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

157

Foreign Investment

2. Các quy định quốc gia về FDI

Ma trận đánh giá về các quy định pháp lý về đầu tư của một số quốc gia châu Á, năm 2004

Chi tiêu đánh giá	Singapore	Thái lan	Malaysia	Việt Nam
Lĩnh vực hạn chế và cấm đầu tư	80	40	90	40
Tỷ lệ góp vốn	90	60	60	70
Quy định đất đai	50	80	90	70
Quy định về vốn đầu tư	90	80	80	70
Hình thức khuyến khích đầu tư	80	80	75	70
Thuế thu nhập doanh nghiệp	90	60	70	90
Huy động vốn tại chỗ	100	100	70	75
Quan lý ngoại hối	100	70	70	70
Tổng điểm	680	570	605	555
Xếp hạng	1	3	2	4

Nguồn: Báo cáo điều tra các nước của tổ chức JETRO tháng 5/2005, [www.jetro.org](http://www.jetro.org)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

158

Foreign Investment

2. Các quy định quốc gia về FDI

So sánh tính hiệu quả của các chỉ tiêu về khung pháp lý FDI của một số quốc gia châu Á, năm 2004

Chỉ tiêu	Việt Nam	Malaysia	Thái lan	Singapore
Quy định tham gia	72	51	50	96
Quy định hoạt động	47	42	57	73
Quy định bảo vệ nhà đầu tư và chấm dứt hoạt động	66	87	81	78

Nguồn: UNCTAD, FDI Scoreboard, [www.compass.unctad.org](http://www.compass.unctad.org)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

159

Foreign Investment

2. Các quy định quốc gia về FDI

So sánh mức độ đồng bộ của khung pháp lý và mức độ tin cậy vào hệ thống toà án

Chỉ tiêu	Indonesia (2003)	Thái lan (2004)	Việt Nam (2005)
Thời gian giải quyết các yêu cầu pháp lý của chính phủ (%)	3,98	1,29	5,83
Mức độ tin cậy vào toà án (%)	59,19	74,22	76,87
Thời gian giải quyết một tranh chấp (tuần)	6,42		19,55
Nợ ngắn hạn không được giải quyết (%)	89,94	0,00	50,88

Nguồn: World Bank,Enterprise Survey, [www.worldbank.org](http://www.worldbank.org)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

160

Foreign Investment

II. Các yếu tố kinh tế

1. Quy mô và tăng trưởng thị trường

Một số chỉ tiêu quyết định dung lượng thị trường của một số quốc gia châu Á, 2006

Quốc gia	Dân số (nghìn người)	Tốc độ tăng dân số(%)	GDP (triệu USD)	GNI/người (USD)	GNI/người PPP(USD)
Indonesia	222051	1.3	364258,8	1640,4	4321,3
Malaysia	26686	2.1	156924,2	5880,4	
Thái Lan	65233	0.7	206645,1	3167,8	9163,5
Singapore	4484	3.3	132273,4	29499,6	32379,6
Việtnam	84222	1.3	60965,2	723,9	3373,3

Nguồn:Asean statistics, chỉ số cơ bản - [www.asean.sec](http://www.asean.sec)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

161

Foreign Investment

1. Quy mô và tăng trưởng thị trường

Quy mô và độ mở của thị trường một số quốc gia châu Á

Chỉ số	Indonesia	Malaysia	Singapore	Thái Lan	Việt Nam
1.Quy mô và tăng trưởng GDP(2005)					
Tốc độ tăng trưởng kinh tế(%)	5,6	5,2	6,4	4,5	8,5
GDP giá hiện tại(triệu USD)	280265	130654	116711	176559	52809
GDP/người(USD)	1275	5001	26821	2726	635
Tỷ lệ lạm phát(%)	10,5	3,1	0,4	4,5	7,7
Tỷ giá hối đoái theo đồng tiền quốc gia/USD	9,830	3,78	1,7	41,1	15,915
Lãi xuất(%)min	16,2	6,2	5,3	6,5-6,75	10,4
2.Độ mở của nền kinh tế					
2.1.Tổng thương mại (triệuUSD)2006	161864,1	285543,0	510089,9	248688,3	77270,5
Xuất khẩu	100798,6	157226,9	271607,9	121579,5	37033,7
Nhập khẩu	61065,5	128316,1	238482,0	127108,8	40236,6
2.2.Đầu tư(triệu USD)					
FDI 2005	8336,0	3964,8	15001,9	8957,0	2020,8
FDI 2006	5556,2	6059,7	24055,4	10756,1	2360,0
Tỷ lệ FDI/GDP(2005)(%)	2,97	3,03	12,8	5,07	3,82

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

162

Foreign Investment

2. Các nguồn lực

a. Nguồn lực tự nhiên

Mức độ sẵn có các nguồn tài nguyên thiên nhiên của một số quốc gia châu Á

Quốc gia	Nguồn khoáng sản	Sản phẩm nông nghiệp	Dự trữ năng lượng
Thái Lan	1	53	16
Việt Nam	1	31	3
Malaysia	1	3	19
Singapore	1	1	1

Nguồn: UNCTAD, FDI Compass, <http://compass.unctad.org>

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

163

Foreign Investment

b. Nguồn nhân lực

Chất lượng nguồn nhân lực

Chỉ số phát triển con người của một số nước châu Á, 2005

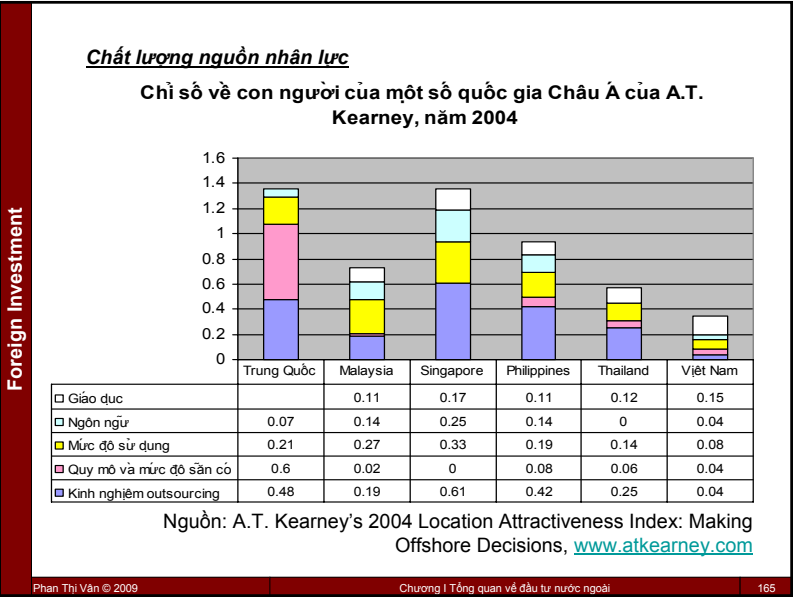
	Indonesia	Malaysia	Singapore	Thái Lan	Việt Nam
Chỉ số phát triển con người	0,697	0,796	0,907	0,778	0,704

Nguồn: Asean Statistical book 2006, [www.asean.sec](http://www.asean.sec)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

164



**Chi phí cho nguồn nhân lực**

Các yếu tố liên quan đến chi phí lao động ở một số thành phố lớn trong khu vực châu Á, năm 2006

Thành phố	Mức lương tối thiểu (Yokohama=100)	Tốc độ tăng lương danh nghĩa (%)*	Gánh nặng với xã hội của chủ doanh nghiệp (%)
Singapore (Singapore)		4,5	13
Bangkok (Thái Lan)	10,5	6	5
Kuala Lumpur (Malaysia)		6	12
Jakarta (Indonesia)	9	..	5
Hà Nội (Việt Nam)	4	..	17
Tp.HCM (Việt Nam)	4	..	17

Nguồn: JETRO, The 17th Survey of Investment-Related Cost Comparison in Major Cities and Regions in Asia, March 2007, [www.jetro.org](http://www.jetro.org)

Lưu ý: \*Số liệu năm 2005

**Chi phí cho nguồn nhân lực**

Chi phí tiền lương theo tháng tại một số thành phố lớn châu Á, năm 2006 (Yokohama, Nhật Bản=100)

Thành phố	Công nhân	Kỹ sư bậc trung	Trưởng phòng
Singapore (Singapore)	21	47	66
Bangkok (Thái Lan)	5	10	15
Kuala Lumpur (Malaysia)	7	21	36
Jakarta (Indonesia)	6	8	12
Hà Nội (Việt Nam)	5	9	16
Tp.HCM (Việt Nam)	6	10	26

Nguồn: JETRO, The 17th Survey of Investment-Related Cost Comparison in Major Cities and Regions in Asia, March 2007, [www.jetro.org](http://www.jetro.org)

**Khả năng tiếp cận nguồn nhân lực**

Chi phí tuyển dụng và sa thải nhân công tại một số quốc gia châu Á, năm 2007

Chỉ tiêu	Indonesia	Malaysia	Singapore	Thái Lan	Việt Nam
Khó khăn trong tuyển dụng	72	0	0	33	0
Mức cố định của số giờ làm việc	0	0	0	20	40
Khó khăn trong sa thải	60	30	0	0	40
Mức độ cố định của việc sử dụng lao động	44	10	0	18	27
Chi phí sa thải (tuần lương)	108	75	4	54	87
Chi phí tuyển dụng (%lương)	10	15	13	6	17

Nguồn: Worldbank, Doing Business 2008, [www.worldbank.org](http://www.worldbank.org)

Foreign Investment

3. Cơ sở hạ tầng

a. Chất lượng cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng của một số nước châu Á, năm 2004

Chi tiêu	Indonesia	Malaysia	Singapore	Thái Lan	Việt Nam
Đường bộ (km)	370516	77695	3188	51544	15571
Đường sắt (km)	6164	1949	1279	4044	2600
Số điện thoại cố định/1000dân	37*	172	439	105*	66
Số điện thoại di động/1000 dân	55*	559	910	26*	55
Số máy tính cá nhân/100dân	1,36	19,16	62,2*	6	1,27
Số thuê bao internet/1000dân*	19,1	273,1	539,7	77,6	18,5

Nguồn:Asean statistical pocketbook 2006, [www.asean.sec](#) và Unstats Millennium Indicators, [mdgs.un.org](#)  
Lưu ý: \* số liệu năm 2002

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

169

Foreign Investment

a. Chất lượng cơ sở hạ tầng

Xếp hạng chỉ số ICT của một số quốc gia châu Á, năm 2004

Xếp hạng	Quốc gia	Mức độ phổ biến	Tính kết nối	Khả năng tiếp cận	Chính sách
9	Singapore	0,6630	0,5619	0,7640	1,0000
41	Malaysia	0,4042	0,1930	0,6153	0,6250
65	Thái lan	0,3049	0,1020	0,5078	0,6250
99	Việt Nam	0,2531	0,0215	0,4846	0,2500
100	Indonesia	0,2528	0,0259	0,4749	0,5000

Nguồn: UNCTAD (2005), *The Digital Divide: The ICT Development Indices 2004*, [www.unctad.org](#)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

170

Foreign Investment

b. Chi phí cho cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê đất, văn phòng

Mức giá thuê văn phòng và thuê nhà ở tại một số thành phố lớn của châu Á, 2006

Thành phố	Văn phòng (USD/m2/tháng)	Nhà cho người nước ngoài thuê (USD/tháng)
Singapore (Singapore)	53	2900
Bangkok (Thái Lan)	14	1800
Kuala Lumpur (Malaysia)	13	1100
Jakarta (Indonesia)	25	2000
Hà Nội (Việt Nam)	45	3250
Tp.HCM (Việt Nam)	36	2500

Nguồn: JETRO, The 17<sup>th</sup> Survey of Investment-Related Cost Comparision in Major Cities and Regions in Asia, March 2007, [www.jetro.org](#)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

171

Foreign Investment

Chi phí vận tải

So sánh cước phí vận chuyển container từ một số cảng ở châu Á tới cảng Yokohama, Nhật Bản, năm 2006 (container 40 feet)

Thành phố	Giá cước (USD)
Singapore (Singapore)	850
Bangkok (Thái Lan)	1250
Kuala Lumpur (Malaysia)	700
Jakarta (Indonesia)	1200
Hà Nội (Việt Nam)	1100
Tp.HCM (Việt Nam)	750

Nguồn: JETRO, The 17<sup>th</sup> Survey of Investment-Related Cost Comparision in Major Cities and Regions in Asia, March 2007, [www.jetro.org](#)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

172

Foreign Investment

**Chi phí cho các tiện ích công cộng**

**Bảng A.16** Giá xăng và giá dầu Diesel tại một số thành phố lớn trong khu vực châu Á, năm 2006

Thành phố	Giá xăng thông thường (USD/lit)	Giá dầu Diesel (USD/lit)
Singapore (Singapore)	1,05	0,85
Bangkok (Thái Lan)	0,7	0,65
Kuala Lumpur (Malaysia)	0,55	0,43
Jakarta (Indonesia)	0,48	0,48
Hà Nội (Việt Nam)	0,65	0,53
Tp.HCM (Việt Nam)	0,65	0,53

Nguồn: JETRO, The 17<sup>th</sup> Survey of Investment-Related Cost Comparision in Major Cities and Regions in Asia, March 2007, [www.jetro.org](http://www.jetro.org)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

173

Foreign Investment

**Chi phí viễn thông**

**Chi phí viễn thông tại một số thành phố lớn trong khu vực châu Á, 2006**

Thành phố	Cước thuê bao điện thoại cố định (USD/tháng)	Cước điện thoại quốc tế (gọi tới Nhật Bản trong 3 phút)	Cước thuê bao điện thoại di động (USD/tháng)
Singapore (Singapore)	8	1,1	18
Bangkok (Thái Lan)	2,28	1,7	27,5
Kuala Lumpur (Malaysia)	9	1,5	8
Jakarta (Indonesia)	6,5	1,8	6
Hà Nội (Việt Nam)	1,8	1,8	4
Tp.HCM (Việt Nam)	1,8	1,8	4

Nguồn: JETRO, The 17<sup>th</sup> Survey of Investment-Related Cost Comparision in Major Cities and Regions in Asia, March 2007, [www.jetro.org](http://www.jetro.org)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

174

Foreign Investment

**III. Các biện pháp hỗ trợ kinh doanh**

**1. Tính minh bạch và mức độ trong sạch của môi trường kinh doanh**

**Bảng A.19** Chỉ số về tham nhũng tại một số quốc gia châu Á, năm 2006

Quốc gia	Xếp hạng	Điểm số	Mức độ tin cậy	Số lượng các bản điều tra được dùng
Indonesia	130	2,4	2,2-2,6	10
Malaysia	44	5,0	4,5-5,5	9
Singapore	5	9,4	9,2-9,5	9
Thái Lan	63	3,6	3,2-3,9	9
Việt Nam	111	2,6	2,4-2,9	8

Nguồn: Transparency International, [www.transparency.org](http://www.transparency.org)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

175

Foreign Investment

**Bảng A.20** Mức độ bảo hộ đầu tư của một số quốc gia châu Á, năm 2007

Chi tiêu	Indonesia	Malaysia	Singapore	Thái Lan	Việt Nam
Mức độ công khai thông tin	9	10	10	10	6
Mức độ trách nhiệm của giám đốc	5	9	9	2	0
Chỉ số độ dễ dàng các cổ đông có thể kiện	3	7	9	6	2
Chỉ số bảo hộ nhà đầu tư	5,7	8,7	9,3	6,0	2,7

Nguồn: World Bank, Doing business 2008, [www.worldbank.org](http://www.worldbank.org)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

176

Foreign Investment	2. Ưu đãi đầu tư					
	Bảng A.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp tại một số quốc gia trong khu vực châu Á, năm 2006					
		Indonesia	Malaysia	Singapore	Thái lan	Việt Nam
	Thuế thu nhập doanh nghiệp (%)	30	26	20	30	28
	Nguồn: JETRO, The 17 <sup>th</sup> Survey of Investment-Related Cost Comparision in Major Cities and Regions in Asia, March 2007, <a href="http://www.jetro.org">www.jetro.org</a>					
	Phan Thị Vân © 2009	Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài				177

Foreign Investment	Bảng A.22 Mức chi phí cho đóng thuế tại một số quốc gia châu Á, năm 2007					
		Việt Nam	Singapore	Thái Lan	Malaysia	Indonesia
	Số thanh toán (lần)	32	5	35	35	51
	Thời gian (giờ)	1050	49	264	166	266
	Tổng thuế (% lợi nhuận gộp)	41,1	6,3	28,6	19,1	26,6
	Nguồn: World Bank, Doing business 2008, <a href="http://www.worldbank.org">www.worldbank.org</a>					
	Phan Thị Vân © 2009	Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài				178

Foreign Investment	IV. TỔNG HỢP					
	Bảng A.23 Xếp hạng môi trường kinh doanh của một số quốc gia châu Á, năm 2007					
	Chỉ tiêu	Singapore	Thái Lan	Malaysia	Việt Nam	Indonesia
	Mức độ dễ dàng trong kinh doanh	1	3	4	18	20
	Thành lập doanh nghiệp	1	5	11	16	24
	Cấp giấy phép	2	4	19	13	17
	Tuyển dụng và sa thải lao động	1	14	12	19	24
	Đăng ký tài sản	1	4	12	7	18
	Vay vốn tín dụng	3	4	2	5	8
	Bảo vệ nhà đầu tư	1	6	3	21	10
	Đóng thuế	1	17	11	23	20
	Thương mại quốc tế	1	10	3	12	6
	Thực thi hợp đồng	2	4	10	6	20
	Giải thể doanh nghiệp	1	5	7	15	18
	Nguồn: World Bank, Doing business 2008, <a href="http://www.worldbank.org">www.worldbank.org</a>					
	Phan Thị Vân © 2009	Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài				179

Foreign Investment	Bảng A.24 Xếp hạng môi trường đầu tư của một số quốc gia châu Á, năm 2004				
	Chỉ tiêu	Việt Nam	Malaysia	Thái Lan	Singapore
	1.Các tài sản nguồn lực				
	Nguồn nhân lực	48	64	68	78
	Sự sẵn có của nguyên vật liệu đầu vào	12	8	23	1
	Quy mô thị trường	23	22	33	28
	2.Cơ sở hạ tầng				
	ICT	7	54	27	97
	Thông tin cơ bản	30	60	54	73
	3.Các chi phí hoạt động				
	Chi phí lao động	91	52	77	1
	Chi phí kinh doanh	62	60	71	56
	4.Điều hành và thực hiện nền kinh tế vi mô				
	Thực hiện nền kinh tế vi mô	57	81	84	82
	Điều hành	46	63	60	85
	5.Khung pháp lý				
	Việc gia nhập	72	51	50	96
	Việc hoạt động	47	42	57	73
	Mức độ bảo hộ và chấm dứt hoạt động	66	87	81	78
	UNCTAD, FDI Scoreboard, <a href="http://www.compass.unctad.org">www.compass.unctad.org</a>				
	Phan Thị Vân © 2009	Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài			

Foreign Investment

### d/ Các nhân tố của môi trường quốc tế

- Các yếu tố thuộc môi trường kinh tế, chính trị, xã hội toàn cầu

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

181

Foreign Investment

### Bài tập thực hành

- Xem “Các khía cạnh kinh tế và pháp lý của FDI” p.121-126

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

182

Foreign Investment

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

183

Foreign Investment

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

184



Foreign Investment

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  
Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế

CHƯƠNG II

DỰ ÁN ĐẦU TƯ  
TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Foreign Direct Investment Project

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

185

Foreign Investment

Chương II: Dự án FDI

- I. Một số lý luận cơ bản về dự án đầu tư
- II. Nội dung dự án FDI
- III. Phân tích tài chính dự án FDI
- IV. Phân tích kinh tế - xã hội dự án FDI

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

186

Foreign Investment

I. Một số lý luận cơ bản về dự án đầu tư

1. Dự án đầu tư

1.1. Khái niệm

Định nghĩa

- Dự án đầu tư là tổng thể các giải pháp sử dụng các nguồn tài nguyên hữu hạn hiện có để tạo ra những lợi ích thiết thực cho nhà đầu tư và cho xã hội
- Theo qui định của Luật Đầu tư được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005: Dự án đầu tư là tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.

Đặc điểm

- ✓ Có tính cụ thể và mục tiêu xác định
- ✓ Tạo nên một thực thể mới
- ✓ Có sự tác động tích cực của con người
- ✓ Có độ bất định và rủi ro
- ✓ Có giới hạn về thời gian và các nguồn lực

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

187

Foreign Investment

1. Dự án đầu tư (tiếp)

1.2. Phân loại dự án

- ✓ Căn cứ vào người khởi xướng: Dự án cá nhân, Dự án tập thể, Dự án quốc gia, Dự án quốc tế.
- ✓ Căn cứ vào nguồn vốn: Dự án sử dụng vốn trong nước, dự án có vốn nước ngoài, ...
- ✓ Căn cứ vào tính chất hoạt động: Dự án sản xuất, Dự án dịch vụ thương mại, Dự án cơ sở hạ tầng, Dự án dịch vụ xã hội.
- ✓ Căn cứ vào địa chỉ khách hàng của dự án: xuất khẩu hay tiêu thụ nội địa, ...
- ✓ Căn cứ vào thời gian hoạt động của dự án
- ✓ Căn cứ vào qui mô của dự án
- ✓ Căn cứ vào phân cấp quản lý Nhà nước
- ✓ Căn cứ vào mức độ chính xác của dự án: Dự án tiền khả thi, Dự án khả thi

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

188

Foreign Investment

1. Dự án đầu tư (tiếp)

1.3. Yêu cầu đối với một dự án đầu tư

- ✓ Tính khoa học và tính hệ thống
- ✓ Tính hợp pháp
- ✓ Tính thực tiễn
- ✓ Tính chuẩn mực
- ✓ Tính phòng định

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

189

Foreign Investment

I. Một số lý luận cơ bản về dự án đầu tư (tiếp)

2. Dự án FDI

Là dự án đầu tư nhưng có những đặc điểm khác biệt so với dự án đầu tư trong nước:

- Có yếu tố nước ngoài: có sự di chuyển nguồn lực của dự án qua biên giới quốc gia => ngôn ngữ, đồng tiền, luật pháp mang yếu tố nước ngoài
- Có sự tham gia quản lý trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

190

Foreign Investment

I. Một số lý luận cơ bản về dự án đầu tư (tiếp)

3. CHU TRÌNH DỰ ÁN

Chu trình của một dự án là trình tự các bước nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho trước theo trật tự thời gian xác định.

```
graph LR; A[Ý tưởng dự án] --> B[Chuẩn bị & lập DA]; B --> C[Thẩm định]; C --> D[Triển khai thực hiện]; D --> E[Đánh giá]; E --> F[Kết thúc]; E --> D; F --> A;
```

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

191

Foreign Investment

Top 9 Venture Capital Interview Questions

- 1. Why do you want a job in venture capital? And, specifically, why did you want a job with our firm?
- 2. What are some recent developments in our industry?
- 3. What has been the most interesting IPO or acquisition in our industry in the past year?
- 4. What blogs/columns do you read?
- 5. Where do you see yourself in five years?
- 6. How would you evaluate a possible portfolio company and its business plan?
- 7. Tell me about your most challenging professional experience.
- 8. What industries are of greatest interest to you?
- 9. What have you personally invested in?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

192

Foreign Investment

## II. NỘI DUNG DỰ ÁN FDI

1. Chủ đầu tư

2. Doanh nghiệp xin thành lập

3. Sản phẩm, dịch vụ và thị trường

4. Quy mô sản phẩm và dự kiến thị trường tiêu thụ

5. Công nghệ, máy móc, thiết bị và môi trường

6. Các nhu cầu cho sản xuất

7. Mặt bằng địa điểm và xây dựng- kiến trúc

8. Tổ chức quản lý lao động và tiền lương

9. Tiến độ thực hiện dự án

10. Cơ cấu vốn đầu tư theo năm thực hiện

11. Phân tích tài chính

12. Đánh giá hiệu quả

13. Tự nhận xét, đánh giá và kiến nghị

Giới thiệu

Thị trường

KT-XH

Tài chính

Kỹ thuật

Dự án FDI

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

193

Foreign Investment

## Giới thiệu về dự án

I. Chủ đầu tư

I. Tên công ty:

II. Đại diện được ủy quyền

I. Họ, tên; Năm sinh; Quốc tịch

II. Số hộ chiếu..... ngày cấp....nơi cấp

III. Chức vụ, địa chỉ thường trú

III. Trụ sở chính

I. Điện thoại, Telex, Fax

IV. Ngành kinh doanh chính

V. Giấy phép thành lập công ty

I. Đăng ký tại.... Ngày....

II. Vốn đăng ký:....

III. Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng:....

IV. Số tài khoản:....

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

194

Foreign Investment

## Giới thiệu về dự án

• 1. Tên công ty: **ABC CORPORATION**

2. Đại diện: Ông **Shigeo Nishiyama**

• - Chức vụ: Phó Giám đốc

• - **Quốc tịch: Nhật Bản**

• - Hộ chiếu số: TF 3131842 cấp ngày 19/5/1999 và hết hạn ngày 19/5/2009

• - Địa chỉ thường trú: 19-10-2, Kaminarimon, Taito-ku, Tokyo, Nhật Bản

• 3. Tru sở chính: 3-3-5 Chomei, Kitashinagawa, Shinagawa-ku, Tokyo, Nhật Bản

• 4. Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các loại bình xịt nhựa và bình thuốc pha chế

• 5. Giấy phép thành lập số: 0107-01-002750 ngày 21/2/1963 cấp tại Tokyo, Nhật Bản

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

195

Foreign Investment

## Giới thiệu về dự án (tiếp)

II. Doanh nghiệp xin thành lập

1. Tên gọi của doanh nghiệp

2. Hình thức đầu tư

3. Thời gian hoạt động

4. Mục tiêu hoạt động chính

5. Vốn đầu tư

1. Tổng vốn đầu tư dự kiến:..... Trong đó:

- Vốn cố định...USD, bao gồm:

- Vốn lưu động:..... USD

2. Nguồn vốn

- Tổng số:..... USD, trong đó:

- Vốn pháp định (hoặc vốn góp):... USD

- Vốn vay

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

196

Foreign Investment

- II. Doanh nghiệp xin thành lập
- 1. Tên Doanh nghiệp:
- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY Canyon châu á**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **canyon asia IIMITED**
- 2. Hình thức đầu tư: Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.
- 3. Mục tiêu hoạt động chính của Doanh nghiệp: Sản xuất, gia công các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao (chủ yếu là các loại chai, bình xịt bằng nhựa các loại).
- 4. Thời hạn hoạt động của Doanh nghiệp: 30 năm

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

197

Foreign Investment

**Phân tích thị trường**

III. Sản phẩm, dịch vụ và thị trường

- Mô tả sản phẩm, dịch vụ: Tên, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật chủ yếu, tiêu chuẩn chất lượng;
- Nghiên cứu lựa chọn thị trường:
  - ✓ Dự kiến vùng thị trường;
  - ✓ Đánh giá nhu cầu hiện tại của vùng thị trường;
  - ✓ Dự báo nhu cầu tương lai của vùng thị trường;
  - ✓ Phân tích đối thủ cạnh tranh;
  - ✓ Phân tích khả năng cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường;
  - ✓ Nghiên cứu các biện pháp thúc đẩy bán hàng.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

198

Foreign Investment

- 5. Vốn đầu tư của doanh nghiệp:
- 5.1. Tổng vốn đầu tư dự kiến: **550.000 USD**, trong đó:
  - Vốn cố định: 266.000 USD, cụ thể như sau:
  - + Máy móc, thiết bị: 220.000 USD;
  - + Tài sản cố định khác: 46.000 USD
  - Vốn lưu động: 284.000 USD
- 5.2. Nguồn vốn:
- Tổng vốn đầu tư: **550.000 USD**, trong đó:
- Vốn pháp định: **185.000 USD** được góp bằng tiền mặt
- Vốn vay: **365.000 USD**

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

199

Foreign Investment

**Phân tích thị trường (tiếp)**

IV. Quy mô sản phẩm và dự kiến thị trường tiêu thụ

Tên sản phẩm, dịch vụ (đơn vị)	Năm 1			Năm ...	Năm sản xuất ổn định		
	Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền		Số lượng	Giá ước tính	Thành tiền
1.							
2.							
Tổng doanh thu			?	?			?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

200

Foreign Investment

### Phân tích kỹ thuật

**V. Công nghệ, máy móc thiết bị và môi trường**

1. Công nghệ:

- Sơ đồ quy trình công nghệ chủ yếu (hoặc các công nghệ chủ yếu)
- Đặc điểm chủ yếu của giải pháp công nghệ đã lựa chọn
- Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật (nếu có)

Giá công nghệ?

2. Danh mục máy móc thiết bị

Tên thiết bị	Xuất xứ	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ước giá	Giá trị
I. Thiết bị sản xuất					
II. Thiết bị phụ trợ					
III. Thiết bị vận chuyển					
IV. Thiết bị văn phòng					

3. Môi trường

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

201

Foreign Investment

### Phân tích kỹ thuật (tiếp)

**VI. Các nhu cầu cho sản xuất**

- ❖ Nguyên liệu và bán thành phẩm
- ❖ Nhiên liệu, năng lượng, nước, các dịch vụ và nguồn cung cấp
- ❖ Nhu cầu lao động vào năm thứ... khi đạt công suất thiết kế

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

202

Foreign Investment

### Nguyên liệu và bán thành phẩm

Danh mục (chủng loại)	Năm 1			Năm ...	Năm sản xuất ổn định		
	Số lượng	Ước giá	Giá trị		Số lượng	Ước giá	Giá trị
I. NK vào VN							
II. Mua tại VN							
Tổng			?	?			?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

203

Foreign Investment

### Nhiên liệu, năng lượng, nước, các dịch vụ và nguồn cung cấp

Tên gọi (chủng loại)	Nguồn Cung cấp	Năm thứ 1		Năm ...	Năm SX ổn định	
		Khối lượng	Giá trị		Khối lượng	Giá trị

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

204

Foreign Investment

### Nhu cầu lao động

Loại lao động	Người Việt Nam	Người Nước ngoài	Cộng
-Cán bộ quản lý -Nhân viên kỹ thuật và giám sát -Công nhân lành nghề -Công nhân giản đơn -Nhân viên văn phòng			
Tổng cộng			

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

205

Foreign Investment

### Phân tích kỹ thuật (tiếp)

#### VII. Mặt bằng, địa điểm và xây dựng, kiến trúc

- Địa điểm và mặt bằng
  - Địa chỉ, ranh giới và/hoặc tọa độ địa lý của địa điểm dự án (kèm theo bản vẽ)
  - Hiện trạng mặt bằng và cơ sở hạ tầng của địa điểm
  - Diện tích sử dụng cho dự án và mức giá cho thuê?
  - Giá trị đền bù, di chuyển cần thực hiện để giải phóng mặt bằng
- Xây dựng, kiến trúc
  - Sơ đồ tổng mặt bằng (kèm theo bản vẽ)
  - Tổng tiến độ xây dựng
  - Các hạng mục trong và ngoài khuôn viên

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

206

Foreign Investment

### Phân tích kỹ thuật (tiếp)

#### 2.3 Các hạng mục trong và ngoài khuôn viên

Tên hạng mục	Đơn vị	Quy mô	Đơn giá	Thành tiền
I. Các hạng mục xây mới <ol style="list-style-type: none"><li></li><li></li></ol>				
II. Các hạng mục sửa chữa, cải tạo				
Cộng				

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

207

Foreign Investment

### Phân tích kỹ thuật (tiếp)

#### VIII. Tổ chức quản lý, lao động và tiền lương

- Sơ đồ tổ chức của doanh nghiệp
- Quỹ lương hàng năm
- Phương thức tuyển dụng, kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân (nêu rõ nội dung và chi phí dự kiến)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

208

Foreign Investment

### Nhu cầu lao động

Loại lao động	Người Việt Nam	Người nước ngoài	Cộng
I. Cán bộ quản lý			
II. Nhân viên kỹ thuật và giám sát			
III. Công nhân lành nghề			
IV. Công nhân giản đơn			
V. Nhân viên văn phòng			
Tổng			

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

209

Foreign Investment

### Quỹ lương hàng năm

	Năm			
	1	2	...	Ổn định
I. Nhân viên nước ngoài (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
...				
Tổng quỹ lương cho nhân viên nước ngoài				
II. Nhân viên người Việt Nam (ở các bộ phận)				
1.				
2.				
...				
Tổng quỹ lương cho nhân viên người Việt Nam				
III. Tổng quỹ lương (I+II)				

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

210

Foreign Investment

### Phân tích kỹ thuật (tiếp)

#### XV. Tiến độ thực hiện dự án

- ❖ Hoàn thành thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp
- ❖ Thuê địa điểm
- ❖ Khởi công xây dựng: tháng thứ...
- ❖ Lắp đặt thiết bị: tháng thứ...
- ❖ Vận hành thử: tháng thứ ...
- ❖ Sản xuất chính thức: tháng thứ ...

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

211

Foreign Investment

### Phân tích tài chính

#### X. Cơ cấu vốn đầu tư theo năm thực hiện

##### ❖ Vốn lưu động

Thành phần	Năm thứ 1	Năm ...	Năm SX ổn định
1. Vốn sản xuất			
- Nguyên liệu và bán thành phẩm nhập khẩu			
- Nguyên liệu và bán thành phẩm nội địa			
- Lương và bảo hiểm xã hội			
- Chi phí điện, nước, nhiên liệu			
- Phụ tùng thay thế			
2. Vốn lưu thông			
- Nguyên liệu tồn kho			
- Bán thành phẩm tồn kho			
- Thành phẩm tồn kho			
- Hàng bán chịu			
3. Vốn bằng tiền mặt			
Tổng vốn lưu động			

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

212



Foreign Investment

## II. Nội dung dự án FDI (tiếp)

- 2.10. Cơ cấu vốn đầu tư theo năm thực hiện
  - ❖Nhu cầu vốn lưu động
    - Phân biệt giữa tài sản và chi phí

Thành phần	Năm thứ 1	Năm ...	Năm SX ổn định
1. Tồn kho			
- Nguyên liệu			
- Bán thành phẩm			
- Thành phẩm			
- Các hàng tồn kho khác			
2. Phải thu			
3. Phải trả (-)			
Nhu cầu vốn lưu động			

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

213

Foreign Investment

## II. Nội dung dự án FDI (tiếp)

- 2.10. Cơ cấu vốn đầu tư theo năm thực hiện
  - ❖ Vốn cố định

Thành phần	Năm thứ 1	Năm ...	Năm SX ổn định
I. Chi phí chuẩn bị đầu tư			
II. Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san nền và giá trị góp vốn bằng quyền sử dụng đất của bên Việt Nam (nếu có)			
III. Giá trị nhà cửa và kết cấu hạ tầng sẵn có			
IV. Chi phí xây dựng mới hoặc/và cải tạo nhà xưởng, kết cấu hạ tầng			
V. Chi phí máy móc, thiết bị dụng cụ			
VI. Góp vốn bằng chuyển giao công nghệ hoặc mua công nghệ trả gọn (nếu có)			
VII. Chi phí đào tạo ban đầu			
VIII. Chi phí khác			
Tổng vốn cố định			

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

214

Foreign Investment

## II. Nội dung dự án FDI (tiếp)

- 2.11. Phân tích tài chính
  - ❖Doanh thu

Các khoản thu	Năm thứ 1	Năm ...	Năm SX ổn định
1.			
2.			
...			
Tổng doanh thu			

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

215

Foreign Investment

## II. Nội dung dự án FDI (tiếp)

- ❖Chi phí

Các loại chi phí	Năm thứ 1	Năm ...	Năm SX ổn định
1. Nguyên vật liệu, bán thành phẩm			
2. Bao bì, vật liệu bao bì			
3. Nhiên liệu, năng lượng, nước			
4. Lương, bảo hiểm xã hội, phụ cấp cho người lao động			
5. Bảo dưỡng			
6. Phí chuyển giao công nghệ, tài liệu kỹ thuật trả theo kỳ vụ			
7. <b>Khấu hao tài sản cố định</b>			
8. Thuê nhà xưởng, đất			
9. Quản lý			
10. Đào tạo			
11. Bán hàng, quảng cáo, tiếp thị			
12. <b>Lãi vay</b>			
13. Chi phí khác			
Tổng chi phí			

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

216

Foreign Investment

## II. Nội dung dự án FDI (tiếp)

❖ Dự kiến lỗ, lãi

Các chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm ...	Năm SX ổn định
1. Tổng doanh thu			
2. Tổng chi phí (kể cả lỗ năm trước)			
3. Lợi nhuận trước thuế			
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp			
5. Lợi nhuận sau thuế			
6. Các quỹ			
7. Lợi nhuận được chia			
Trong đó :			
Bên Việt Nam			
Bên nước ngoài			

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

217

Foreign Investment

## II. Nội dung dự án FDI (tiếp)

- 2.12. Đánh giá hiệu quả
  - 2.12.1. Hiệu quả tài chính
    - ✓ Thời gian hoàn vốn (Payback Period)
    - ✓ Điểm hòa vốn (Break Even Point)
    - ✓ Hiện giá thuần (NPV – Net Present Value)
    - ✓ Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR – Internal Rate of Return)
    - ✓ Phân tích độ nhạy của dự án
    - ✓ Khả năng cân đối ngoại tệ
  - 2.12.2. Hiệu quả kinh tế xã hội
    - ✓ Các loại thu và khoản nộp cho Nhà nước Việt Nam
    - ✓ Mức độ tiên tiến của sản phẩm và công nghệ áp dụng
    - ✓ Giá trị sản phẩm tạo ra trong đó có giá trị xuất khẩu
    - ✓ Số việc làm được tạo ra bởi dự án

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

218

Foreign Investment

## II. Nội dung dự án FDI (tiếp)

- 2.13. Tự nhận xét, đánh giá và kiến nghị
  - ✓ Tính khả thi và hiệu quả của dự án
  - ✓ Các kiến nghị về ưu đãi và các biện pháp mà Nhà nước Việt Nam cần áp dụng liên quan đến dự án.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

219

Foreign Investment

## III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN FDI

- 1. Xác định vốn đầu tư
- 2. Xác định dòng tiền của dự án
- 3. Xác định nguồn vốn đầu tư
- 4. Đánh giá hiệu quả tài chính của dự án

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

220

Foreign Investment

### 1. Xác định vốn đầu tư

❖ *Vốn đầu tư là các nguồn lực được sử dụng vào sản xuất kinh doanh với mục đích sinh lời - cho chủ đầu tư và/hoặc cho xã hội.*

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản lưu động <ul style="list-style-type: none"><li>Tồn kho</li><li>Phải thu</li><li>Tiền mặt</li></ul>	Nguồn vốn chủ sở hữu
Tài sản cố định <ul style="list-style-type: none"><li>Hữu hình</li><li>Vô hình</li><li>Tài chính</li></ul>	
	Nguồn vốn vay <ul style="list-style-type: none"><li>Phải trả</li><li>Vay ngắn hạn</li><li>Vay trung và dài hạn</li></ul>

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

221

Foreign Investment

### Vốn đầu tư

❖ Thành phần:

➤ **Quan điểm 1: Vốn cố định và Vốn lưu động**

- ✓ *Vốn cố định: là biểu hiện bằng tiền của các tài sản cố định của dự án.*
- ✓ *Vốn lưu động: là biểu hiện bằng tiền của các tài sản lưu động của dự án.*
- ✓ *Tài sản cần thỏa mãn điều kiện:*
  - Doanh nghiệp kiểm soát được
  - Đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai
  - Xác định được chi phí
- ✓ *Phân biệt tài sản cố định và tài sản lưu động*

➤ **Quan điểm 2: Vốn cố định và Nhu cầu vốn lưu động**

➤  $NCVLĐ = Tồn\ kho + Phải\ thu - Phải\ trả$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

222

Foreign Investment

### 2. Xác định nguồn vốn

❖ *Vốn góp của các chủ đầu tư*

❖ *Vốn vay*

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

223

Foreign Investment

### Doanh nghiệp Việt Nam

Hình 3.4: Các chỉ số hoạt động chính sau cổ phần hoá

Chỉ số	Mức tăng trung bình năm (%)
Lương trung bình	~10
Đầu tư tài sản cố định	~8
Năng suất	~15
Số LĐ thường xuyên	~2
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	~18
Lợi nhuận sau thuế	~35
Lợi nhuận trước thuế	~32
Doanh thu	~12

Nguồn: VOLKTTƯ và NHTG (2005). Số liệu là các giá trị trung vị của những người tham gia trả lời, được tính từ năm trước cổ phần hoá đến năm 2004.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

224

Foreign Investment

### 3 Xác định dòng tiền của dự án

#### Cash Flow – CF

- a/ Khái niệm: Dòng tiền của dự án trong một khoảng thời gian nhất định là chênh lệch giữa tổng các khoản thực thu của dự án (các khoản thu có kèm việc nhập quỹ tiền mặt) trong thời gian đó với tổng các khoản thực chi của dự án (các khoản chi có kèm việc xuất quỹ tiền mặt) cũng trong khoảng thời gian đó.

$$CF = \sum Thuc thu - \sum Thuc chi$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

225

Foreign Investment

### Thực thu, thực chi, khấu hao, lãi vay

- Thực thu: Các khoản thu có kèm việc nhập quỹ tiền mặt
- Thực thu = Doanh thu – Phải thu
- Thực chi: Các khoản chi có kèm việc xuất quỹ tiền mặt
- Thực chi = Chi phí – Phải trả
- Khấu hao: Là chi phí, nhưng không phải là khoản thực chi, nên không tính vào dòng tiền
- Lãi vay được tính trong chi phí, nhưng không được tính vào dòng tiền

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

226

Foreign Investment

### b. Thành phần của dòng tiền:

Chuẩn bị đầu tư	Mua tài sản cố định (-) Tài trợ nhu cầu vốn lưu động (-) Chi thu đặc biệt khác (+, -)
Quá trình sản xuất kinh doanh	Doanh thu (+) Chi phí (-) Khấu hao (+) Lãi vay (+) Thuế TNDN (-) $\Delta$ NCVLĐ ( $\pm$ )
Kết thúc dự án	Thanh lý (+) Thuế thanh lý (+,-) Thu chi khác

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

227

Foreign Investment

### Bài tập

- Một chủ đầu tư nước ngoài dự kiến đầu tư vào hàng may mặc, tổng vốn đầu tư là 40.000 USD, trong đó 30.000 USD đầu tư mua sắm tài sản cố định, còn lại để trang trải nhu cầu vốn lưu động của dự án. Dự kiến dự án tiến hành trong 5 năm. Tài sản cố định của dự án được khấu hao đều và khấu hao hết trong 5 năm. Doanh thu hàng năm của dự án là 50.000 USD, tổng chi phí hàng năm (chưa kể chi phí khấu hao) là 20.000 USD. Thuế thu nhập doanh nghiệp mà công ty phải nộp sẽ có thuế suất là 25%. Hãy lập dòng tiền hàng năm của dự án này.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

228

Foreign Investment

### 4. Đánh giá hiệu quả tài chính

a) Các chỉ tiêu không tính đến hiện giá

**Chỉ tiêu 1: Điểm hoà vốn** là điểm mà tại đó doanh thu của dự án vừa đủ để trang trải các khoản chi phí bỏ ra để thực hiện dự án.

- $TS = TC$
- $TS$  (Total sales)
- $TC$  (Total cost) =  $FC$  (fixed cost) +  $VC$  (variable cost)
- Chức năng của điểm hoà vốn: điểm hoà vốn biểu thị khối lượng hoạt động, doanh thu, công suất/ mức hoạt động mà tại đó tổng doanh thu bằng tổng chi phí

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

229

Foreign Investment

### ĐIỂM HÒA VỐN (tiếp)

• **Giả thiết 1:** Doanh thu và chi phí có quan hệ tuyến tính với sản lượng

- ✓ Giá bán sản phẩm không thay đổi  $\Rightarrow TS = P \cdot Q$
- ✓ Chi phí cố định không thay đổi khi qui mô sản xuất thay đổi
- ✓ Chi phí biến đổi cho một đơn vị sản phẩm ( $v$ ) không thay đổi
- ✓  $\Rightarrow TC = vQ + FC$

✓ Vậy điểm hoà vốn sẽ là:

✓  $TS^* = TC^*$

$\Leftrightarrow PQ^* = vQ^* + FC$

$\Leftrightarrow Q^* = \frac{FC}{P - v}$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

230

Foreign Investment

### Bài tập 4

Các chi phí của công ty KEN trong năm 2004 được sắp xếp theo tính chất biến động của chúng và được ghi lại trong bảng sau.

Đơn vị : USD

Chi phí	Tổng	Chi phí biến đổi	Chi phí cố định
Nguyên vật liệu	450.000	450.000	
Lao động trực tiếp	750.000	750.000	
Chi phí gián tiếp trong sản xuất	1.150.000	450.000	700.000
Chi phí phân phối sản phẩm	680.000	330.000	350.000
Chi phí quản lý	300.000		300.000
<b>Tổng</b>	<b>3.330.000</b>	<b>1.980.000</b>	<b>1.350.000</b>

Sản lượng hàng năm là 12.000 sản phẩm. Dự trữ coi như bằng 0. Giá bán sản phẩm là 300 USD/sản phẩm. Chi phí biến đổi tỷ lệ thuận với sản lượng.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

231

Foreign Investment

**Câu hỏi**

1. Xác định điểm hoà vốn của công ty. Vẽ đồ thị biểu diễn quan hệ giữa sản lượng và doanh thu, sản lượng và tổng chi phí.
2. Nếu doanh nghiệp mở rộng sản xuất làm cho chi phí cố định hàng năm tăng thêm 67.500 USD/năm đồng thời sản lượng tăng thêm 4.000 sản phẩm/năm thì điểm hoà vốn có gì thay đổi. (Biết rằng các yếu tố khác không thay đổi : giá bán, chi phí biến đổi /sản phẩm)
3. Doanh nghiệp có nên mở rộng sản xuất không? Tại sao?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

232

Foreign Investment

### ĐIỂM HÒA VỐN (tiếp)

- Mức hoạt động hòa vốn

$$M = \frac{TS^*}{TS_T} 100\%$$

Trong đó

- TS\*: Doanh thu hoà vốn
- TST: Doanh thu lý thuyết

\*áp dụng cho bài tập về nhà 2

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

233

Foreign Investment

### Bài tập về nhà

Bài tập 6

- Một doanh nghiệp dự kiến tổng chi phí hoạt động hàng năm là 5.000.000 USD, trong đó chi phí cố định là 1450.000USD, tổng doanh thu là 8.875.000USD. Biết rằng doanh nghiệp không có hàng tồn kho, giá bán hàng hoá không thay đổi và chi phí biến đổi cho một đơn vị sản phẩm không thay đổi.
- Xác định điểm hoà vốn và mức hoạt động hoà vốn của doanh nghiệp?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

234

Foreign Investment

### ĐIỂM HÒA VỐN (tiếp)

- Ưu điểm:
  - Đơn giản, dễ tính toán
- Nhược điểm:
  - Không sát với thực tế

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

235

Foreign Investment

### ĐIỂM HÒA VỐN (tiếp)

- Trường hợp 2: Doanh thu và chi phí được biểu diễn dưới dạng những hàm phi tuyến tính với sản lượng

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

236

Foreign Investment

## Bài tập về nhà (tiếp)

### Bài tập 7

- Một công ty liên doanh trong lĩnh vực sản xuất hoá chất có công suất thiết kế là 7000 tấn sản phẩm/năm. Các chi phí của công ty được chi thành 3 loại: chi phí cố định là 80 triệu USD; chi phí biến đổi tỉ lệ thuận với sản lượng với hệ số tỉ lệ là 35000; chi phí cố định tỉ lệ thuận với bình phương sản lượng với hệ số tỉ lệ là 5. Công ty dự kiến gia bán sản phẩm là 85000USD/tấn.
- Hãy viết phương trình biểu diễn doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty theo sản lượng.
- Hãy xác định điểm hoà vốn của công ty
- Hãy xác định mức lợi nhuận tối đa mà công ty có thể thu được và lượng sản phẩm mà công ty phải bán ra để đạt được mức lợi nhuận này

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

237

Foreign Investment

## Chỉ tiêu 2: Thời gian hoàn vốn

**Khái niệm:** là khoảng thời gian cần thiết để thu nhập của dự án vừa đủ bù đắp vốn đầu tư của dự án.

$$\sum_{i=0}^t TR_i = \sum_{i=0}^n C_i$$
$$TR = LR + KH + LV$$
$$LR = DT - CP - ThueTNDN$$
$$\sum_{i=0}^n C_i = VCD + NCVLD$$
$$\Rightarrow t = \frac{\sum_{i=0}^n C_i}{LR + KH + LV}$$
$$TR = LR + KH + LV + ThuhoiTTNCVLD$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

238

Foreign Investment

## Thời gian hoàn vốn (tiếp)

### Bài tập 8

- Một dự án đầu tư dự kiến tổng vốn đầu tư là 30 triệu USD trong đó đầu tư mua sắm tài sản cố định là 20 triệu USD. Tài sản cố định được khấu hao đều và khấu hao hết trong 10 năm (đây chính là thời gian hoạt động của dự án). Dự kiến lãi ròng hàng năm của dự án là 6 triệu USD. Lãi vay gia sử bằng 0.
- 1. Hãy tính thời gian hoàn vốn của dự án.
- 2. Nếu khấu hao tài sản cố định có sự thay đổi như sau:
  - ✓ 2 triệu USD khấu hao với tỷ lệ 50%/năm
  - ✓ 10 triệu USD khấu hao đều và hết trong 5 năm
  - ✓ Số tài sản cố định còn lại khấu hao đều và hết trong 10 năm.
- ✓ Hỏi thời gian hoàn vốn của dự án có gì thay đổi?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

239

Foreign Investment

## Thời gian hoàn vốn (tiếp)

- Ý nghĩa:**
  - ✓ Sau bao nhiêu lâu sẽ thu hồi được toàn bộ vốn đầu tư
  - ✓ Độ linh hoạt của vốn đầu tư
- ✓ **Ưu điểm:** Được đánh giá cao trong 2 trường hợp:
  - Dự án có độ rủi ro cao
  - Cần thay đổi cơ cấu tài chính
- Hạn chế:**
  - ✓ Không tính đến phần thu nhập sau khi hoàn vốn
  - ✓ Chưa phản ánh đúng mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của chủ đầu tư
  - ✓ Không tính đến quy mô và tuổi thọ dự án, không phân biệt giữa một dự án có thu nhập ban đầu cao với một dự án có thu nhập ban đầu thấp
  - ✓ Không tính đến ảnh hưởng của thời gian đến các dòng tiền

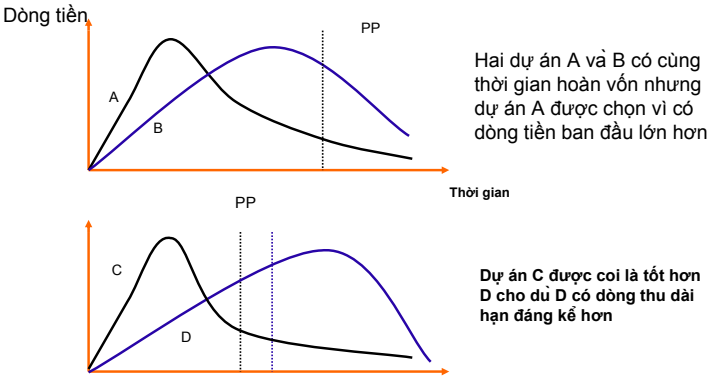
Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

240



Ví dụ về việc lựa chọn dự án không chính xác khi sử dụng chỉ tiêu thời gian hoàn vốn



IV. Đánh giá hiệu quả tài chính

- b/ Các chỉ tiêu có tính đến hiện giá

b1/ Cách xác định hiện giá

- Tiền tệ có tính thời gian. Giá trị của một đồng thu được ngày hôm nay chắc chắn phải mang giá trị khác với giá trị một đồng sẽ thu được ở một năm sau và nó luôn gắn liền với một lãi suất nhất định
- Giá trị của một đồng thì khác nhau ở các thời điểm khác nhau

Tiền có giá trị về mặt thời gian theo ba nghĩa

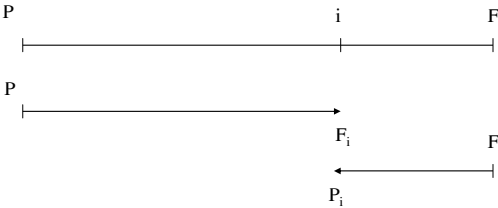
- (1) Giá trị của tiền thể hiện ở lượng của cải vật chất có thể mua được ở những thời điểm khác nhau do ảnh hưởng của lạm phát
- (2) Thể hiện ở giá trị gia tăng (Value Added – VA) do sử dụng tiền vào hoạt động này mà không sử dụng vào hoạt động khác hay cất trữ để dành. Căn cứ để xác định VA là chi phí cơ hội Thu nhập từ dự án – Chi phí cơ hội = VA
- (3) Biểu hiện ở giá trị gia tăng hoặc giảm đi theo thời gian do ảnh hưởng của các yếu tố ngẫu nhiên, rủi ro hay may mắn.

VÌ VẬY

Khi so sánh, tổng hợp hoặc tính toán các chỉ tiêu của các khoản tiền phát sinh trong những thời gian khác nhau cần phải tính chúng về cùng một mặt bằng thời gian

MỐI QUAN HỆ TƯƠNG ĐỐI

- Các nhà kinh tế quy ước gọi:
- năm đầu của thời kỳ phân tích là hiện tại (Present-P), các năm tiếp theo là thời kỳ tương lai (Future-F)
- năm cuối của thời kỳ phân tích là tương lai (F), các năm trước đó là hiện tại (P)



1. Giá trị tương lai (future value)

- Ta gửi vào ngân hàng số tiền 100 với lãi suất 10%/năm.
- Một năm sau, ta sẽ nhận về số tiền gốc và lãi là:  
 $100 + 100 \times 10\% = 100 (1 + 10\%) = 110$
- Nếu ta tiếp tục gửi cả số tiền vốn gốc và lãi đó (ghép lãi vào gốc), đến năm thứ 2 ta sẽ nhận được cả tiền gốc và lãi là:  
 $110 (1 + 10\%) = 100 \times (1 + 10\%)^2 = 121$

1. Giá trị tương lai (future value)

- Ta gọi:
- 100 là giá trị hiện tại (**PV**: present value)
- 121 (giá trị tương lai sau 2 năm của 100) là (**FV**: future value)
- 10% là **lãi suất r**
- Ta có thể viết:  
 $PV \times (1 + r)^2 = FV_2$
- Ta đưa ra công thức tổng quát để tính giá trị tương lai của tiền tệ (**Công thức 1**) là:

$$FV_n = PV \times (1 + r)^n$$

- Trong đó:  $(1 + r)^n$  là thừa số lãi kép hay hệ số giá trị tương lai, ký hiệu là F/P

Foreign Investment

### Bài tập 1:

- Có một dự án đầu tư cần khoản chi phí 200 triệu VND. Sau 5 năm dự án hứa hẹn mang lại số lãi là 120 triệu VND.
- Doanh nghiệp có nên đầu tư không? Biết rằng lãi suất tiền gửi ngân hàng hiện tại là 12%/năm, kỳ ghép lãi là năm (compounded yearly).

$$FV_n = PV \times (1+r)^n$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

249

Foreign Investment

- Giải:
- Nếu  $r = 8\%$  thì kết quả thay đổi như thế nào?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

250

Foreign Investment

### Bài tập 2:

- Phải mất bao nhiêu thời gian để có số tiền 150 triệu VND nếu số tiền mang gửi tiết kiệm ngân hàng là 100 triệu VND với lãi suất 1%/tháng và kỳ tính lãi kép là 1 tháng (compounded monthly)?

Gợi ý: sử dụng hàm logarit

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

251

Foreign Investment

### 2. Giá trị hiện tại (present value)

- Từ công thức tính giá trị tương lai suy ra công thức tính giá trị hiện tại (**Công thức 2**) là:

$$PV = FV_n \times 1/(1+r)^n$$

- Trong đó,  $1/(1+r)^n$  là giá trị hiện tại của một đồng với thời gian là n giai đoạn và với lãi suất mỗi giai đoạn là r. Ký hiệu là P/F

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

252

Foreign Investment

### Bài tập 3:

- Một sinh viên năm thứ nhất, muốn có số tiền 3000USD để cưới vợ sau khi ra trường (cuối năm thứ 4) thì anh ta phải bắt đầu gửi vào ngân hàng ngay đầu năm học thứ nhất là bao nhiêu? Biết rằng lãi suất ngân hàng là 15%/năm.

$$PV=FV_n \times 1/(1+r)^n$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

253

Foreign Investment

### 3. Giá trị tương lai của một loạt tiền bằng nhau (future value of annuity)

Nếu ta gọi A (annuity) là khoản tiền bằng nhau sẽ thu trong tương lai vào cuối các năm với thời gian là 5 năm, ta có thể biểu diễn chúng trên sơ đồ sau:

Khoảng cách thời gian của các dòng chi (5 năm)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

254

Foreign Investment

### NOTE

- Giá trị tương lai của loạt tiền thu vào bằng nhau A được tính về cuối năm thứ 5 (lần thu cuối cùng)
- Khoảng cách thời gian của khoản tiền thu ở cuối năm thứ i đến cuối năm thứ 5 là 5-i
- Ta có giá trị tương lai của dòng tiền A thu vào cuối năm thứ 5 là  $FV_5=A.(1+r)^0$ , vào cuối năm thứ 4 là  $FV_4=A.(1+r)^4=A.(1+r)^{5-4}...$ , vào cuối năm thứ i là  $FV_i=A.(1+r)^{5-i}$
- **Như vậy**, giá trị tương lai của dòng tiền thu vào bằng nhau A với khoảng thời gian n năm và lãi suất r sẽ bao gồm n lần món tiền A gán với các lũy thừa khác nhau mà trong đó món tiền A thu ở năm thứ nhất sẽ là  $A(1+r)^{n-1}$  và món tiền A thu ở năm cuối cùng sẽ là  $A(1+r)^0=A$  vì không có khoảng cách thời gian giữa thời điểm thu tiền và thời điểm tính toán (cùng vào cuối năm n)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

255

Foreign Investment

### Thiết lập công thức:

- Từ công thức 

$$FV_n=PV \times (1+r)^n$$
- Ta có giá trị tương lai của loạt tiền bằng nhau A với thời gian n và lãi suất r được tổng hợp như sau:
- 
- $$FV_n=A(1+r)^0+A(1+r)^1+ A(1+r)^2+...+A(1+r)^{n-1} \quad (i)$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

256

Foreign Investment

$$FV_n = A(1+r)^0 + A(1+r)^1 + A(1+r)^2 + \dots + A(1+r)^{n-1} \text{ (i)}$$

Nhân 2 vế với  $(1+r)$  ta có:

$$FV_n(1+r) = A(1+r)^1 + A(1+r)^2 + A(1+r)^3 + \dots + A(1+r)^n \text{ (ii)}$$

Lấy (ii) trừ đi (i) ta có:

$$FV_n(1+r) - FV_n = A(1+r)^n - A$$
$$\Leftrightarrow FV_n \times r = A[(1+r)^n - 1]$$

=> Công thức 3:

$$FV_n = A[(1+r)^n - 1]/r$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

257

Foreign Investment

=> Công thức 3:

$$FV_n = A \times [(1+r)^n - 1]/r$$

$[(1+r)^n - 1]/r$ : Hệ số giá trị tương lai của một đồng đều nhau (F/A)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

258

Foreign Investment

### Bài tập 4:

- Có một dự án trị giá 2000 USD đầu tư đều trong 5 năm. Với lãi suất chiết khấu là 10%/năm. Tính giá trị tương lai của loạt đầu tư đó.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

259

Foreign Investment

### Bài tập 5:

- Dự án cần 200.000 USD, chia làm 5 lần đầu tư bằng nhau trong 5 năm. Sau 5 năm dự kiến vốn và lãi thu được là 250.000 USD.
- Doanh nghiệp có nên đầu tư không? Biết lãi suất ngân hàng 12%/năm, kỳ ghép lãi là 1 năm.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

260

Foreign Investment

### Bài tập 6:

- Có người muốn có số tiền học phí là 20.000 USD cho con trai đi du học vào 5 năm sau thì anh ta phải gửi tiết kiệm hàng năm đều nhau vào ngân hàng là bao nhiêu? Biết rằng lãi suất tiền gửi là 10%/năm.

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài261

Foreign Investment

### 4. Giá trị hiện tại của một loạt tiền bằng nhau (*future value of annuity*)

Nếu ta gọi A (annuity) là khoản tiền bằng nhau sẽ thu trong tương lai vào cuối các năm (ending of year) với thời gian là 5 năm, ta có thể biểu diễn chúng trên sơ đồ sau:

The diagram shows a horizontal timeline from year 0 to year 5. At the end of each year (1, 2, 3, 4, 5), there is an upward arrow labeled 'A'. A bracket below the timeline from year 0 to year 5 is labeled 'Khoảng cách thời gian của các dòng thu (5 năm)'.

Khoảng cách thời gian của các dòng thu (5 năm)

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài262

Foreign Investment

### NOTE

- - Giá trị hiện tại của loạt tiền thu bằng nhau, A (thu ở cuối năm) được tính về năm thứ 0 (đầu năm thứ 1)
- - Khoảng cách thời gian của khoản tiền thu ở cuối năm thứ i đến năm thứ 0 hay đầu năm thứ 1 là i

**Như vậy**, giá trị hiện tại của dòng tiền thu vào bằng nhau A với khoảng thời gian n năm và lãi suất r sẽ bao gồm n lần món tiền A gắn với các lũy thừa khác nhau mà trong đó món tiền A đầu tiên thu ở cuối năm thứ nhất sẽ là  $A/(1+r)^1$  và món tiền A thu ở năm cuối cùng sẽ là  $A/(1+r)^n$  vì có khoảng cách thời gian giữa thời điểm thu tiền và thời điểm tính toán là n năm.

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài263

Foreign Investment

### Thiết lập công thức:

- Từ Công thức 2  $PV = FV_n \times 1/(1+r)^n$
- và Công thức 3  $FV_n = A[(1+r)^n - 1]/r$
- => Công thức 4

$$PV = A[(1+r)^n - 1]/[r(1+r)^n]$$

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài264

Foreign Investment

Thiết lập công thức:

- => Công thức 4

$$PV = A \times [(1+r)^n - 1] / [r(1+r)^n]$$

$[(1+r)^n - 1] / [r(1+r)^n]$ : Hệ số giá trị hiện tại của một đồng đều nhau (P/A)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

265

Foreign Investment

Thiết lập công thức:

- => Công thức 4

$$PV = A[(1+r)^n - 1] / [r(1+r)^n]$$

⇔ Công thức 5

$$A = PVr(1+r)^n / [(1+r)^n - 1]$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

266

Foreign Investment

Bài tập

Một khách hàng có thể mua một xe ô tô ở cửa hàng của khối FK42KTNT với các phương thức như sau:

- a) Trả ngay sau 1 năm với giá 60.000 USD
- b) Trả góp trong 5 năm với mức 15.000USD/năm

Biết lãi suất sinh lời thông thường là  $r = 10\%/năm$

Hỏi anh ta nên chọn phương án mua nào?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

267

Foreign Investment

- Ông Hoàng là một nhà đầu tư nhà đất, mới mua một căn nhà và đang tính toán để sử dụng căn nhà đó một cách có lợi nhất về kinh tế. Có 3 cách khác nhau như sau:
- Bán ngay căn nhà với giá 30.000USD
- Bán trả góp với lãi suất 15%/năm trong 5 năm với giá 8.000USD/năm
- Cho thuê vô thời hạn với mức giá thuê 2.000USD/năm

Bạn hãy giúp ông Hoàng lựa chọn phương án tối ưu nhất

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

268

Foreign Investment

- => Công thức 4

$$PV = A[(1+r)^n - 1] / [r(1+r)^n]$$

$$PV = A/r \times [1 + r)^n - 1] / (1+r)^n$$
$$PV = A/r \times [1 - 1/(1+r)^n]$$

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài269

Foreign Investment

**NOTE**

Đối với một dòng thu (hay dòng tiền trả góp) đều nhau kéo dài đến vô tận (eternal cash flows), khi ấy ta có:

$$1/(1+r)^n \rightarrow 0$$

- Công thức 4 sẽ trở thành  $PV = A / r$
- Và Công thức 5 trở thành  $A = PV \times r$

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài270

Foreign Investment

**b. Các chỉ tiêu tính tới hiện giá**  
**b2/ Các chỉ tiêu cụ thể**

Chỉ tiêu 1. Giá trị hiện tại ròng (NPV)  
Chỉ tiêu 2. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)  
Chỉ tiêu 3. Chỉ số doanh lợi (PI)  
Chỉ tiêu 4. Thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP)

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài271

Foreign Investment

**CHỈ TIÊU 1. GIÁ TRỊ HIỆN TẠI THUẦN**

**Net Present Value (NPV)**

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài272



Foreign Investment

### Khái niệm NPV

- Là chênh lệch giữa tổng các dòng thực thu của dự án đã được quy về mặt bằng thời gian hiện tại với tổng các dòng chi phí đầu tư của dự án cũng đã được quy về mặt bằng thời gian hiện tại theo một tỉ suất hoàn vốn nhất định.
- Là tổng các giá trị hiện tại của tất cả các dòng tiền của dự án.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

273

Foreign Investment

### Công thức

$$NPV = \sum_{i=0}^n CF_i \frac{1}{(1+r)^i} = \sum_{i=0}^n TR_i \frac{1}{(1+r)^i} - \sum_{i=0}^n C_i \frac{1}{(1+r)^i}$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

274

Foreign Investment

### Bài tập 1

Doanh nghiệp dự tính mua một máy Photocopy, giá máy là 3000 USD, có thời gian sử dụng là 5 năm, và giá sử dụng sau đó không còn giá trị tận dụng. Nhờ vào máy này, doanh nghiệp tiết kiệm được khoản chi phí thuê ngoài là 1100 USD mỗi năm. Suất sinh lời mong muốn của doanh nghiệp là 15% năm. Có nên đầu tư hay không?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

275

Foreign Investment

### Nhận xét

- Số tiền 678 USD chính là “hiện giá ròng”- NPV. Là khối lượng của cải ròng, là lợi nhuận tuyệt đối được tạo ra bởi dự án đầu tư.
- Giá trị hiện tại của các khoản tiết kiệm chi phí hàng năm (được xem là các khoản thu được từ dự án) là 3678 USD **lớn hơn** 3000 USD là vốn đầu tư ban đầu trong hiện tại. Dự án nên được thực hiện.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

276

Foreign Investment

### Q&A

- Nếu suất sinh lời mong muốn của dự án là 8%/năm thì sao?
- Lúc ấy NPV càng lớn và tính thuyết phục của dự án càng cao ( $NPV_{r=8\%} = (1100 \times 3,993) - 3000 = 1329 \text{ USD}$ )
- Và nếu suất sinh lời mong muốn đối với một doanh nghiệp khác là 30% chẳng hạn thì điều gì sẽ xảy ra?
- Lúc ấy NPV sẽ nhá đi và đến âm ( $NPV < 0$ ) thì dự án sẽ không được chấp nhận ( $NPV_{r=30\%} = (1100 \times 2,436) - 3000 = -320$ )

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

277

Foreign Investment

### Kết luận

- $NPV < 0$  : Không thể đầu tư
- $NPV = 0$  : Có thể đầu tư
- $NPV > 0$  : Đầu tư hiệu quả

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

278

Foreign Investment

### Lưu ý

- Giá trị của NPV còn tùy thuộc vào suất chiết khấu  $r$  đã sử dụng.  
Suất chiết khấu dùng để đánh giá một dự án lệ thuộc vào rất nhiều yếu tố mang sắc thái khác nhau, từ phía chủ đầu tư đến chủng loại đầu tư; từ những thước đo tiêu biểu của ngành nghề đến suất chiết khấu chung của thị trường hay tính mạo hiểm mà dự án phải chấp nhận đánh đổi.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

279

Foreign Investment

### Đồ thị NPV

$NPV = f(r)$

NPV

0

Lãi suất

Hàm nghịch hay hàm thuận?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

280

Foreign Investment

### Ưu, nhược điểm của NPV:

- **Ưu điểm của NPV:**
  - -Tính trên dòng ngân lưu
  - -Xét tới giá trị thời gian của tiền tệ
  - -Thỏa mãn yêu cầu tối đa hóa lợi nhuận, phù hợp quan điểm nguồn của cải ròng được tạo ra phải là lớn nhất.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

281

Foreign Investment

### Ưu, nhược điểm của NPV

- **Nhược điểm của NPV:**
  - NPV phụ thuộc vào  $r$ , nếu xác định  $r$  không chính xác thì NPV cũng không chính xác
  - Là chỉ tiêu mang tính chất tuyệt đối, không chính xác khi phải so sánh lựa chọn những dự án có quy mô vốn đầu tư khác nhau,  $r$  khác nhau.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

282

Foreign Investment

### Cách tính NPV trên EXCEL

Năm	0	1	2	3	4	5
Dòng ngân lưu	-5000	1800	1900	2100	1700	1600
Suất chiết khấu	10%					
NPV	1939					

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

283

Foreign Investment

### $NPV_f$ và $NPV_E$

- Một dự án ra đời luôn tạo ra những tác động ngoại vi: tích cực và tiêu cực, chịu những bóp méo của những yếu tố: thuế, trợ cấp,...đó là những nhân tố sẽ được lượng hóa trở thành dòng ngân lưu chính thức khi xét đến hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án.
- Vì vậy, có những dự án-nhất là dự án công, thường là những dự án thuộc cơ sở hạ tầng như: đường xá, cầu cống, công trình phúc lợi,... xét về hiệu quả tài chính không được chấp nhận ( $NPV_t < 0$ ), tuy nhiên, xét hiệu quả kinh tế xã hội lại là một dự án rất tốt và rất đáng được thực hiện ( $NPV_E > 0$ ).

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

284

Foreign Investment

### NPV<sub>f</sub> và NPV<sub>E</sub>

- Ngược lại, một dự án do được khuyến khích, động viên bằng cách miễn thuế, trợ cấp, miễn tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng, được ưu đãi về hạn ngạch, dễ dãi, thuận lợi về thủ tục hành chính..., khi thẩm định về mặt tài chính sẽ rất tốt (NPV<sub>f</sub>>0 ) nhưng lại là một dự án rất tồi về mặt hiệu quả kinh tế xã hội (NPV<sub>E</sub><0 ).

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài285

Foreign Investment

### Bài tập 2

UBND thành phố Hà Nội sẵn sàng tài trợ cho một công ty tư nhân 200 triệu đồng nếu công ty đó chấp nhận sẽ thu gom rác thải miễn phí cho toàn thành phố trong 10 năm. Dự kiến nếu công ty tiến hành hoạt động này sẽ phải bỏ ra 80 triệu vốn đầu tư ban đầu và mỗi năm phải chi thêm 20 triệu đồng.

- Công ty có nên chấp nhận đề nghị này của UBNDTP không nếu lãi suất tối thiểu mà công ty yêu cầu là 10%?
- Quyết định của công ty có thay đổi không khi lãi suất yêu cầu là 15%?

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài286

Foreign Investment

### Giải bài tập 2

- 1. r=10%
- 2. r=15%

$$NPV_1 = 200 - 80 - 20 \sum_{i=1}^{10} \frac{1}{(1+10\%)^i} = -2,892 < 0$$
$$NPV_2 = 200 - 80 - 20 \sum_{i=1}^{10} \frac{1}{(1+15\%)^i} = 19,6 > 0$$

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài287

Foreign Investment

Nếu thuế suất thuế TNDN là 25%, TSCĐ khấu hao đều và hết trong 10 năm, NPV =?

Năm	0	1	2	..	10
Nhận	200				
TSCĐ	-80				
Chi phí HĐ		-20	-20	...	-20
KH		-8	-8	...	-8
Thuế TNDN		+7	+7	...	+7
KH		+8	+8	...	+8
CF	120	-13	-13	...	-13

NPV<sub>3</sub>=40,12>19,6>0

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài288

Foreign Investment

### Q&A

- Có phải NPV và r luôn có mối quan hệ tỉ lệ nghịch?
- Khi nào chúng không tồn tại mối quan hệ tỉ lệ nghịch

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

289

Foreign Investment

### Chỉ tiêu 2. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ

### Internal Rate of Return-IRR

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

290

Foreign Investment

### Khái niệm

- IRR của một dự án đầu tư là tỷ suất hoàn vốn mà khi sử dụng nó để quy đổi các dòng thu nhập và chi phí đầu tư của dự án về cùng một mặt bằng thời gian hiện tại thì sẽ đạt được cân bằng thu chi.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

291

Foreign Investment

### Công thức

$$\sum_{i=0}^n TR_i \frac{1}{(1+IRR)^i} = \sum_{i=0}^n C_i \frac{1}{(1+IRR)^i}$$
$$NPV_{IRR} = \sum_{i=0}^n TR_i \frac{1}{(1+IRR)^i} - \sum_{i=0}^n C_i \frac{1}{(1+IRR)^i} = 0$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

292

Foreign Investment

### Khái niệm

- IRR của một dự án đầu tư là tỷ suất hoàn vốn mà khi sử dụng nó để tính giá trị hiện tại của các dòng tiền của dự án sẽ thu được NPV bằng 0

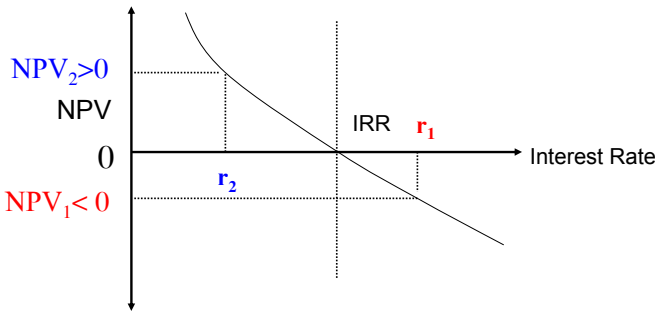
Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

293

Foreign Investment

### Ý nghĩa



- IRR là mức lãi suất chiết khấu tại đó NPV= 0
- Là mức lãi suất chiết khấu tối đa mà dự án có thể chịu được

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

294

Foreign Investment

### Ý nghĩa

- IRR dùng để thẩm định sự đáng giá của dự án. Nếu IRR của dự án lớn hơn suất sinh lời kỳ vọng-expected rate hoặc là lớn hơn tỷ suất lãi vay hoặc suất chiết khấu thị trường thì dự án được đánh giá là có hiệu quả và chấp nhận thực hiện.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

295

Foreign Investment

### Nhược điểm của IRR:

- IRR là một trong những chỉ tiêu dùng để thẩm định dự án. Tuy nhiên, nó là chỉ tiêu kết hợp, bổ trợ cho chỉ tiêu NPV.
- Chỉ tiêu IRR trong một số trường hợp không thể giải thích được tính hiệu quả của dự án, nhất là khi phải so sánh để lựa chọn các dự án.

Phan Thị Vân © 2009

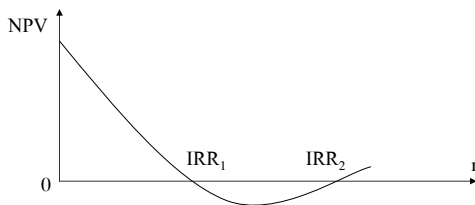
Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

296

Foreign Investment

### Với dự án có dòng ngân lưu bất đồng

- Trường hợp dự án có dòng tiền ban đầu dương và liên tục âm trong những năm sau thì IRR càng nhỏ và nhỏ hơn tỉ suất sinh lời mong muốn  $r$ , thì càng tốt
- Trường hợp dự án có những dòng thu nhập và đầu tư đan xen nhau, làm cho dòng ngân lưu tiền tục đổi dấu, khi đó phương trình sẽ cho kết quả với nhiều nghiệm số khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Vì vậy, không xác định được chính xác được IRR.



Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

297

Foreign Investment

### Với dự án có dòng ngân lưu bất đồng

- Có dòng ngân lưu như sau:

Năm	0	1	2
Dòng ngân lưu của dự án	-1200	3200	-2000
- Cho  $NPV=0$  để tính IRR ta có phương trình:

$$NPV = -1200 + \frac{3200}{(1+r)^1} - \frac{2000}{(1+r)^2} = 0$$

$$\Leftrightarrow -1200(1+r)^2 + 3200(1+r) - 2000 = 0$$
Giải phương trình bậc hai với ẩn số  $(1+r)$  ta có 2 đáp số:  
 $r_1=67\%, r_2=0\%$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

298

Foreign Investment

### Cách tính IRR

- 1. Phương pháp hình học (by graphing)**
- Chọn hai tỷ suất chiết khấu cao và thấp ( $r_1, r_2$ ) để cho 2 giá trị NPV tương ứng: một có giá trị âm ( $NPV_1$ ) và một có giá trị dương ( $NPV_2$ ). Biểu diễn chúng trên đồ thị, sử dụng hệ quả tam giác đồng dạng để xác định IRR bằng  $r$  tương ứng tại  $NPV$  bằng 0.
- Mối quan hệ giữa NPV và  $r$  không phải là quan hệ tuyến tính, để coi đường nối giữa hai điểm  $NPV_1$  và  $NPV_2$  là đường thẳng thì giá trị tuyệt đối của hai điểm này phải  $\sim 0$ . Nghĩa là  $r_1$  và  $r_2$  càng gần nhau càng tìm được IRR chính xác hơn.

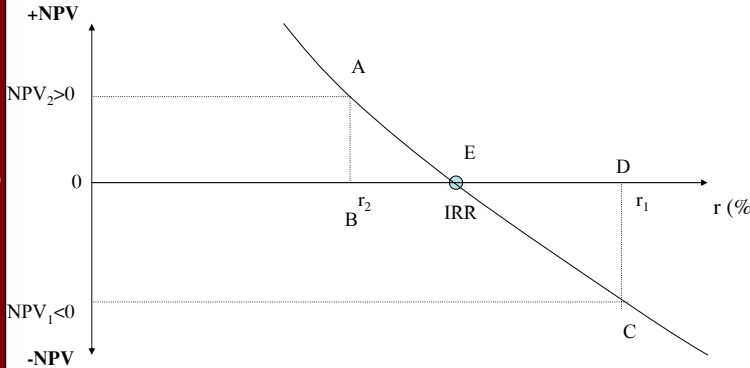
Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

299

Foreign Investment

### Đồ thị: Xác định IRR theo phương pháp hình học



Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

300

Foreign Investment

### Cách tính IRR

- 1. Phương pháp hình học (by graphing)
- Ta có  $\triangle ABE \sim \triangle CDE$

$\Rightarrow \frac{AB}{BE} = \frac{CD}{DE}$

$\Leftrightarrow \frac{NPV_2}{IRR - r_2} = \frac{-NPV_1}{r_1 - IRR}$

$\Leftrightarrow -IRR.NPV_2 + r_1.NPV_2 = -IRR.NPV_1 + r_2.NPV_1$

$\Rightarrow IRR = \frac{r_2.NPV_1 - r_1.NPV_2}{NPV_1 - NPV_2}$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

301

Foreign Investment

### Cách tính IRR

#### 2. TRÊN BẢNG TÍNH EXCEL

Năm	0	1	2	3	4	5
Dòng ngân lưu	-5000	1800	1900	2100	1700	1600
Suất chiết khấu	10%					
NPV	1938.97					
IRR	25%	25%				

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

302

Foreign Investment

- Như vậy, cả chỉ tiêu NPV là chỉ tiêu IRR đều chưa đủ điều kiện để đánh giá hiệu quả và lựa chọn những dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư khác nhau. Cần phải có một chỉ tiêu tương đối để có thể thực hiện được việc này...

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

303

Foreign Investment

### Chỉ tiêu 3.

### CHỈ SỐ DOANH LỢI

Profitability Index (PI)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

304



Foreign Investment

### KHÁI NIỆM

- PI của một dự án đầu tư là tỉ lệ giữa tổng thu nhập của dự án đã quy về hiện tại với tổng vốn đầu tư của dự án cũng đã quy về hiện tại theo một tỷ suất hoàn vốn nhất định

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

305

Foreign Investment

### Chú ý

- Không thể tính PI dựa trên  $CF_i$  mà phải phân biệt rõ  $TR_i$  và  $C_i$  ( $C_i$  chính là tổng vốn đầu tư hay tổng chi phí đầu tư)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

306

Foreign Investment

### CÔNG THỨC

$$PI = \frac{\sum_{i=0}^n TR_i \frac{1}{(1+r)^i}}{\sum_{i=0}^n C_i \frac{1}{(1+r)^i}}$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

307

Foreign Investment

### Bài tập 1

- Cho các số liệu về một dự án đầu tư như sau. Biết suất sinh lời mong muốn của dự án là 10%, tính chỉ số doanh lợi của dự án

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

308

Foreign Investment

Giải

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

309

Foreign Investment

Nguyên tắc

- $PI > 1$ : Dự án đáng giá
- $PI = 1$ : Có thể đầu tư
- $PI < 1$ : Dự án không có hiệu quả

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

310

Foreign Investment

Ý nghĩa

- $PI$  cho biết mức độ hiệu quả của dự án đầu tư, giúp người ta lựa chọn được những dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư khác nhau nhưng lại không cho biết giá trị tuyệt đối thu được của một dự án. Vì vậy cần dùng  $PI$  kết hợp với các chỉ tiêu khác để đánh giá hiệu quả tài chính của dự án.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

311

Foreign Investment

Bài tập 2

- Một chủ đầu tư đầu tư vào một dự án với các điều kiện về tài chính như sau:
- Vốn đầu tư cho tài sản cố định là 45 triệu USD. TSCĐ sẽ được mua và thanh toán một lần trong giai đoạn chuẩn bị dự án và sẽ được khấu hao đều và khấu hao hết trong 5 năm. Dự kiến lãi ròng hàng năm của dự án = 12% doanh thu và nhu cầu vốn lưu động hàng năm = 20% doanh thu và phải chuẩn bị sẵn từ năm trước. Doanh thu của dự án dự kiến như sau:
- Năm 1: 10 triệu USD, năm 2: 100 triệu USD, năm 3: 150 triệu USD, năm 4: 160 triệu USD, năm 5: 100 triệu USD.
- 1/ Hãy tính các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả tài chính của dự án biết tỷ suất hoàn vốn tối thiểu mà chủ đầu tư yêu cầu là 10%
- 2/ Hãy đưa ra lời khuyên cho chủ đầu tư xem có nên tiến hành dự án hay không?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

312

Foreign Investment

Giải

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

313

Foreign Investment

Chỉ tiêu 4.  
Thời gian hoàn vốn có chiết khấu  
*Discounted Payback Period*

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

314

Foreign Investment

Khái niệm

- Là khoảng thời gian cần thiết để tổng hiện giá của các dòng thu nhập của dự án vừa đủ để bù đắp cho tổng hiện giá của vốn đầu tư bỏ ra cho dự án.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

315

Foreign Investment

CÔNG THỨC

$$\sum_{i=0}^{DPP} \frac{TR_i}{(1+r)^i} = \sum_{i=0}^n \frac{C_i}{(1+r)^i}$$

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

316

Foreign Investment

### Ý nghĩa

- Thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP) càng ngắn càng giúp các chủ dự án tránh được những biến động, rủi ro, hiệu quả của dự án càng cao

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài317

Foreign Investment

### Lưu ý

- Chỉ tiêu này khắc phục được nhược điểm cơ bản của chỉ tiêu thời gian hoàn vốn đơn giản với việc tính đến giá trị tiền tệ theo thời gian. Tuy nhiên không khắc phục được các nhược điểm khác.
- Chỉ tiêu này thường chính xác hơn và thường dài hơn chỉ tiêu thời gian hoàn vốn đơn giản
- Nếu  $TR_i / (1+r)^i = \text{const}$ ,  $DPP=?$

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài318

Foreign Investment

### Payback Period

Same payback period, however A is preferable to B due to early high cashflow

C would be preferred to D even though D has better long term earnings

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài319

Foreign Investment

### $DPP=5+191/8945=5.02$ nam

Năm	0	1	2	3	4	5	6
PV(Vốn ĐT)	10000				3542		
PV(Dòng thu nhập)		2293	842	0	5667	4549	8945
tongPV(V DT)	13542						
Von can hoan	13542	11249	10407		4740	191	

Một dự án có các số liệu tài chính như trên, biết suất sinh lời mong muốn là 9%, tính thời gian hoàn vốn có chiết khấu của dự án

Phan Thị Vân © 2009Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài320

Bài tập 2

Tính thời gian hoàn vốn của một dự án đầu tư với các số liệu cho trong bảng sau. Lãi suất chiết khấu 10%/năm.

Năm	Đầu tư	Lãi ròng	Khấu hao
1	2,0		
2	2,5		
3	1,5		
4		-0,3	0,7
5		0,2	1,0
6		1,0	1,0
7		1,5	1,0
8		2,0	1,0
9		2,0	1,0

Bài giải

- Cách 1: Sử dụng công thức:

$$PP = \frac{\text{Tổng vốn ĐT}}{\text{Đồng thu nhập bq hàng năm}} = \frac{2,0 + 2,5 + 1,5}{\frac{\sum LR + KH}{9}}$$

- Cách 2: Sử dụng công thức:

$$PP = \frac{NPV}{PVC}$$

- Q: Hai cách giải trên có điểm gì chưa hợp lý???

Bài tập về nhà  
Bài 1

- Có 3 dự án đầu tư loại trừ nhau. Nên chọn dự án nào biết tỉ suất hoàn vốn tối thiểu mà chủ đầu tư yêu cầu là 10%

Năm	0	1	2	3
DA A	-1.000	505	505	505
DA B	-10.000	2.000	2.000	12.000
DA C	-11.000	5.304	5.304	5.304

Bài 2

- Một doanh nghiệp dự kiến mua một chiếc máy mới để thay thế chiếc máy mà hiện nay doanh nghiệp đang sử dụng. Doanh nghiệp sẽ phải bỏ ra 2 triệu USD để mua máy. Thời gian sử dụng máy là 5 năm, giá trị còn lại coi như bằng 0. Chiếc máy này được khấu hao đều và khấu hao hết trong vòng 5 năm này. Nếu sử dụng chiếc máy mới này, hàng năm doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được 0,8 triệu USD chi phí hoạt động. Chiếc máy cũ của doanh nghiệp có giá mua vào là 1,5 triệu USD (DN mua 1 năm trước đó). Chiếc máy này cũng được khấu hao đều và hết trong 5 năm. Giá trị kế toán còn lại của chiếc máy này là 1,2 triệu USD. DN có thể bán chiếc máy là 1 triệu USD. Thuế suất thuế TNDN là 40%. Hãy tư vấn cho doanh nghiệp xem có nên mua máy mới hay không?

Foreign Investment

### Bài 3

- Một doanh nghiệp hàng năm phải sử dụng 7000 đơn vị nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất. Doanh nghiệp có 2 phương án để lựa chọn cho nguồn cung ứng nguyên vật liệu như sau:
- 1/ DN sẽ mua ở ngoài với giá 5 USD/1đvị NVL
- 2/ DN sẽ tự sản xuất các NVL này với giá thành là 3 USD/1đvị NVL (giá này chưa kể chi phí khấu hao)
- Để có thể tiến hành sản xuất nguyên vật liệu, DN sẽ phải mua một chiếc máy mới với giá 78.000 USD. Chiếc máy nay được sử dụng trong 10 năm và dự kiến giá trị còn lại bằng 0. Lãi ròng mà DN có thể thu được là 10%. TSCĐ của DN được khấu hao đều. Thuế suất thuế TNDN là 35%. Dự kiến dự án sẽ kéo dài 10 năm.
- Doanh nghiệp nên lựa chọn phương án cung ứng nguyên vật liệu nào? Tại sao?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

325

Foreign Investment

## IV. PHÂN TÍCH KINH TẾ XÃ HỘI DỰ ÁN FDI

### Socio-Economic Analysis (SEA)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

326

Foreign Investment

### 1. Khái niệm

- Là so sánh giữa các lợi ích mà dự án đem lại cho toàn bộ nền kinh tế và cho xã hội với các chi phí mà xã hội phải bỏ ra để thực hiện dự án
- > Lợi ích:
- > Chi phí:
- > Ý nghĩa SEA:
- > SEA khác với FR như thế nào?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

327

Foreign Investment

### Lợi ích kinh tế - xã hội của dự án

- Giá trị gia tăng tạo ra cho nền kinh tế quốc dân
- Đóng góp cho ngân sách quốc gia
- Tăng thu hoặc tiết kiệm ngoại tệ cho đất nước
- Tạo việc làm và thu nhập cho người lao động
- Tăng năng suất lao động xã hội
- Sử dụng nguyên vật liệu trong nước
- Phát triển các ngành nghề
- Phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có dự án
- Tiếp thu kinh nghiệm quản lý, công nghệ mới
- Tăng tiềm lực an ninh, quốc phòng của quốc gia...

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

328

Foreign Investment

### Chi phí kinh tế xã hội của dự án

- Đầu tư cố định
  - Đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ, quản lý, đầu tư cố định khác
- Đầu tư lưu động
  - Nguyên vật liệu, bán thành phẩm nhập khẩu, trong nước
  - Sử dụng dịch vụ hạ tầng trong nước như điện, nước điện thoại, nhiên liệu...
  - Các khoản bù giá hay trợ giá của chính phủ
  - Sự cạn kiệt của tài nguyên quốc gia
  - Sự ô nhiễm môi trường sinh thái...

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

329

Foreign Investment

### 2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội

- A.Các chỉ tiêu có liên quan đến giá trị gia tăng
- B.Các chỉ tiêu liên quan đến lao động
- C.Các chỉ tiêu về đóng góp cho ngân sách
- D.Các chỉ tiêu khác

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

330

Foreign Investment

### A.Các chỉ tiêu có liên quan đến giá trị gia tăng

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

331

Foreign Investment

### 1/Giá trị gia tăng quốc nội thuần Net Domestic Value Added - NDVA

- Là giá trị tăng thêm mà dự án đóng góp vào sự tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP)
- Công thức :  $NDVA = O - (MI+I)$ 
  - Trong đó:
  - O: Output – Giá trị tổng sản lượng sản xuất ra của dự án
  - I: Investment – Chi phí đầu tư vào tài sản cố định
  - MI: Material Input – Chi phí chi cho vật chất tiêu hao thường xuyên của dự án (không bao gồm tiền lương, chi phí cho lao động)
- Ý nghĩa: NDVA càng lớn thì giá trị đóng góp của dự án vào GDP và tăng trưởng kinh tế quốc gia càng nhiều.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

332

Foreign Investment

### 1/NDVA

- Chú ý: NDVA có thể tính theo năm hoặc theo dự án
  - Theo năm:
    - O : giá trị tổng sản lượng sản xuất ra trong 1 năm
    - MI: tiêu hao vật chất trong 1 năm
    - I: Khấu hao tài sản cố định
  - Theo dự án:
    - O: Giá trị tổng sản lượng sản xuất ra trong tuổi thọ của dự án
    - MI: Tiêu hao vật chất trong tuổi thọ của dự án
    - I: Chi phí đầu tư cho tài sản cố định

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

333

Foreign Investment

### 2/Giá trị gia tăng quốc dân thuần Net National Value Added (NNVA)

- Là giá trị tăng thêm mà dự án đóng góp vào sự tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc dân (GNP).
- Công thức:  $NNVA = NDVA - RP$ 
  - Trong đó:
    - RP: Return of Payment - Tổng các khoản phải trả lại cho đối tác nước ngoài
- Ý nghĩa: NNVA càng lớn thì đóng góp vào GNP càng nhiều. *Thực chất đây là phần giá trị gia tăng quốc nội thuần trừ đi toàn bộ phần giá trị tăng thêm thuộc sở hữu của bên nước ngoài.*

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

334

Foreign Investment

### Tổng các khoản chuyển trả ra nước ngoài (RP<sub>t</sub>: Return of Payment)

- Thu nhập hàng năm của bên nước ngoài
- Lợi nhuận được chia hàng năm của bên nước ngoài
- Vốn đầu tư thuộc phần góp của bên nước ngoài
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại do tái đầu tư
- Nợ gốc và lãi vay của các khoản vay nước ngoài trong quá trình hoạt động của dự án
- Giá trị còn lại của vốn đầu tư và vốn tái đầu tư chia cho bên nước ngoài khi kết thúc dự án
- Các khoản chuyển ra nước ngoài khác, các khoản tiền và tài sản hợp pháp của bên nước ngoài

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

335

Foreign Investment

### 3/Giá trị thặng dư xã hội Social Surplus - SS

- Là phần còn lại của giá trị gia tăng quốc dân thuần (NNVA) sau khi đã trừ đi thu nhập của các lao động trong nước (W)
- Công thức:  $SS = NNVA - W$
- Trong đó:
  - W: Wages - Tiền lương, các chi phí cho người lao động như bảo hiểm, trợ cấp...
- Ý nghĩa: Giá trị thặng dư xã hội của dự án càng lớn, sự đóng góp của dự án vào tăng trưởng xã hội càng nhiều.  $SS > 0$  mới đạt được mục tiêu kinh tế.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

336



Foreign Investment

4/ Các chỉ tiêu tương đối liên quan đến giá trị gia tăng

$$\frac{NNVA}{\sum VDT_{DI}} > \frac{NDVA}{\sum VDT_{FDI}}$$

Đạt hiệu quả kinh tế xã hội: Phía đối tác trong nước và toàn bộ Nền kinh tế trong nước có lợi

Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      337

Foreign Investment

B. Các chỉ tiêu có liên quan đến lao động

- \* Tuyệt đối
- 1/ Số lượng lao động
  - Khu vực nước ngoài sử dụng bao nhiêu lao động
  - Số lượng lao động làm việc gián tiếp cho khu vực đầu tư nước ngoài
  - Số lượng lao động bị mất việc làm
- 2/ Tiền lương
  - Tiền lương trả cho người lao động
  - Tổng quỹ lương cho người lao động
- 3/ Chi cho đào tạo lao động

Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      338

Foreign Investment

B. Các chỉ tiêu có liên quan đến lao động

- \* Tương đối
- 1/ Suất đầu tư: Tổng VĐT/ Tổng LĐ
  - Ý nghĩa: Tạo một việc làm trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cần bao nhiêu vốn đầu tư.
- 2/ Năng suất lao động: NDVA/tổng LĐ
  - Ý nghĩa: Một việc làm trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra bao nhiêu giá trị gia tăng quốc nội thuần.

Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      339

Foreign Investment

B. Các chỉ tiêu có liên quan đến lao động

- \* Các chỉ tiêu định tính:
  - Nâng cao trình độ người lao động
  - Nâng cao mức sống người lao động
  - ...

Phan Thị Vân © 2009      Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài      340

Foreign Investment

### C. Các chỉ tiêu về đóng góp cho ngân sách nhà nước

- Số tiền đóng góp cho ngân sách
- Tỷ lệ giữa mức đóng góp vào ngân sách và tổng vốn đầu tư
- Tỷ lệ giữa mức đóng góp vào ngân sách và tổng thu ngân sách

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

341

Foreign Investment

### D. Các chỉ tiêu KT-XH khác

- 1/Chỉ tiêu tác động của đầu tư nước ngoài đến thu chi ngoại tệ
  - Thu:
    - Góp vốn đầu tư nước ngoài
    - Xuất khẩu
  - Chi:
    - Mua sắm tài sản cố định, nguyên vật liệu từ nước ngoài
    - Trả lương cho người lao động nước ngoài
    - Lợi nhuận trả cho nhà đầu tư nước ngoài
  - Tiết kiệm:
    - Góp phần sản xuất hàng hoá trong nước, cung cấp hàng hoá trong nước thay vì phải nhập khẩu
  - Tỷ giá thực tế của dự án FDI:
    - Tổng chi bằng nội tệ/Tổng thu bằng ngoại tệ < tỷ giá hối đoái trên thị trường => tốt cho cả nhà đầu tư và nước nhận đầu tư

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

342

Foreign Investment

### D. Các chỉ tiêu KT-XH khác

- 2/ Các chỉ tiêu đánh giá công nghệ
- 3/ Mức độ sử dụng nguyên vật liệu trong nước
  - Giá trị NVL trong nước/ tổng giá trị NVL sử dụng cho dự án
- 4/Phát triển các ngành khác
- 5/ Mức độ thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng
- 6/ Góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương
- 7/ ảnh hưởng của dự án đến môi trường
- ...

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

343

Foreign Investment

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

344

Foreign Investment

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  
Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế

CHƯƠNG III  
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG FDI


Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

345

Foreign Investment

VIỆT NAM



Các chỉ số môi trường đầu tư chính (2006)

	Việt Nam	Trung Quốc	Malaysia	ASEAN
Thành lập doanh nghiệp (# ngày)	50.0	35.0	33.0	64.4
Chi phí đăng ký tài sản (% giá trị tài sản)	1.2	3.6	6.3	4.5
Chỉ số bảo vệ nhà đầu tư	2.7	5.0	6.0	5.3
Chỉ số độ cứng nhắc trong tuyển dụng lao động	27.0	24.0	18.0	24.8
Chi phí tuyển lao động (% lương)	17.0	30.0	5.0	9.1
Chi phí sa thải lao động (tuần lương)	87.0	90.0	54.0	53.4
Chi phí thực hiện hợp đồng (% giá trị hợp đồng)	30.1	25.5	13.4	50.2
Chi phí điện (\$/kwh)				
Chi phí viễn thông quốc tế (\$/cuộc gọi 3 phút sang Hoa Kỳ)	1.9	2.9	0.7	1.2
Thời gian xuất khẩu (ngày)	24.0	21.0	17.0	24.1
Thời gian nhập khẩu (ngày)	23.0	24.0	14.0	23.8
Đầu tư trong nước (% GDP)	35.4	43.5	31.7	24.3

Nguồn: World Bank, Lâm kinh doanh và UNCTAD.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

346

Foreign Investment

I. Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động FDI

1.1. Các văn bản pháp lý điều chỉnh

Nguồn 1: Luật đầu tư năm 2005 và các nghị định kèm theo

Luật số 59/2005/QH11

Luật số 60/2005/QH11

NĐ 108/2006/NĐ-CP

Luật đầu tư ban hành ngày 29/11/2005 điều chỉnh hoạt động đầu tư cả trong nước và nước ngoài

Luật doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tại VN

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư 2005

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

347

Foreign Investment

1.1 Các văn bản pháp lý điều chỉnh

- Nguồn 2: Các luật và quy định của các ngành
- Nguồn 3: Lịch trình cam kết về các dịch vụ cụ thể theo thỏa thuận gia nhập WTO
- Nguồn 4: Những hạn chế về luật pháp trong hoạt động sáp nhập và mua lại (M&A) đối với các công ty trong nước

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

348

Foreign Investment

### Các văn bản liên quan

- Nghị định 101/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 21/09/2006
- Nghị quyết 13/NQ-CP của Chính phủ về việc định hướng, giải pháp thu hút và quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới 07/04/2009
- Thông tư 08/2008/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam 10/06/2008
- Công văn 2038/BKH-KTDN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo về việc thực hiện chế độ báo cáo các chương trình, dự án ODA 26/03/2008
- Công văn 7557/VPCP-DMDN của Văn phòng Chính phủ về việc áp dụng Luật Doanh nghiệp đối với hình thức công ty me-công ty con có vốn đầu tư nước ngoài 28/12/2007
- Nghị định 139/2007/NĐ-CP của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 05/09/2007
- Chỉ thị 15/2007/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào Việt Nam
- Nghị định 90/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam 31/05/2007
- Nghị định 24/2007/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 14/02/2007
- Nghị định 23/2007/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 12/02/2007
- Công văn 7400/BTM-KHĐT của Bộ Thương mại về việc bãi bỏ phê duyệt nhập khẩu và xác nhận miễn thuế nhập khẩu của doanh nghiệp FDI 28/11/2008
- Quyết định 58/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam 15/04/2009
- Nghị định 78/2007/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng-Kinh doanh-Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao-Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao 11/05/2007
- Nghị định 78/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài 09/08/2006
- Nghị định 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 11/12/2008
- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 của Quốc hội 12/06/2008

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

349

Foreign Investment

## 1.2. Nội dung quản lý nhà nước hoạt động FDI tại VN

I. Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động FDI

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chiến lược... về đầu tư phát triển
- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư
- Hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết vướng mắc của nhà đầu tư
- Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư
- Hướng dẫn, đánh giá hiệu quả đầu tư, thanh tra, giám sát hoạt động đầu tư, giải quyết khiếu nại, khen thưởng và kỷ luật
- Tổ chức hoạt động đào tạo nguồn nhân lực liên quan đến hoạt động đầu tư
- Tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

350

Foreign Investment

### 1.3 Chức năng quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

I. Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động FDI

Toàn bộ nền KTQD	Chính phủ quản lý (Bộ KH&ĐT-MPI)
Một địa phương (địa bàn)	UBND cấp tỉnh (BQL KCN)
Một ngành (Lĩnh vực)	Bộ chuyên ngành
Nguồn vốn, tài chính	Bộ Tài chính
Tín dụng, quản lý ngoại hối	Ngân hàng nhà nước
Nguồn công nghệ, KCNC	Bộ Khoa học, Công nghệ
Nguồn lao động	Bộ LĐTB&XH
Nguồn đất đai (tài nguyên)	Bộ tài nguyên, môi trường
Hoạt động thương mại	Bộ thương mại
Hoạt động xây dựng	Bộ xây dựng

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

351

Foreign Investment

## II. Đăng ký FDI

### 2.1 Các lĩnh vực đầu tư

- Các lĩnh vực bị cấm đầu tư
- Các lĩnh vực đầu tư có điều kiện
- Các lĩnh vực đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

352

Foreign Investment

### Các lĩnh vực bị cấm đầu tư Điều 30 luật đầu tư

- 1. Các dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia và lợi ích công cộng.
- 2. Các dự án gây phương hại đến di tích lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.
- 3. Các dự án gây tổn hại đến sức khỏe nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, phá hủy môi trường.
- 4. Các dự án xử lý phế thải độc hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất các loại hóa chất độc hại hoặc sử dụng tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

353

Foreign Investment

### Lĩnh vực đầu tư có điều kiện

- a) Lĩnh vực tác động đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;
- b) Lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- c) Lĩnh vực tác động đến sức khỏe cộng đồng;
- d) Văn hóa, thông tin, báo chí, xuất bản;
- đ) Dịch vụ giải trí;
- e) Kinh doanh bất động sản;
- g) Khảo sát, tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên; môi trường sinh thái;
- h) Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo;
- i) Một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

354

Foreign Investment

### Lĩnh vực đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

- Phát thanh và truyền hình
- Sản xuất, xuất bản và phân phối các sản phẩm văn hóa
- Khai thác và chế biến khoáng sản
- Viễn thông và các dịch vụ internet
- Xây dựng và vận hành cảng và sân bay
- Vận chuyển hàng hóa và hành khách
- Đánh bắt cá
- Sản xuất thuốc lá
- Bất động sản
- Xuất nhập khẩu và phân phối
- Giáo dục và đào tạo
- Bệnh viện và các dịch vụ khám chữa bệnh
- Các lĩnh vực khác theo các điều ước quốc tế

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

355

Foreign Investment

### Các lĩnh vực dịch vụ bị hạn chế tiếp nhận FDI theo thỏa thuận gia nhập WTO

- 1. Các dịch vụ kinh doanh
- 2. Viễn thông
- 3. Xây dựng và công trình
- 4. Phân phối
- 5. Giáo dục
- 6. Các dịch vụ môi trường
- 7. Các dịch vụ tài chính
- 8. Y tế
- 9. Du lịch và lữ hành
- 10. Giải trí, văn hóa và thể thao
- 11. Vận tải

Nguồn: WTO

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

356

Foreign Investment

### Các lĩnh vực không cam kết tự do hóa đầy đủ

- Viễn thông
- Phân phối
- Vận tải

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

357

Foreign Investment

### Các lĩnh vực ưu đãi đầu tư

- 1. Sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; cơ khí chế tạo.
- 2. Nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; làm muối; sản xuất giống nhân tạo, giống cây trồng và giống vật nuôi mới.
- 3. Sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại; bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ cao.
- 4. Sử dụng nhiều lao động.
- 5. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, các dự án quan trọng, có quy mô lớn.
- 6. Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và văn hóa dân tộc.
- 7. Phát triển ngành, nghề truyền thống.
- 8. Những lĩnh vực sản xuất, dịch vụ khác cần khuyến khích.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

358

Foreign Investment

## 2.2 Các hình thức cho phép FDI

Điều 21 Luật đầu tư

- 1. Thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà đầu tư trong nước hoặc 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài.
- 2. Thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.
- 3. Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC, hợp đồng BOT, hợp đồng BTO, hợp đồng BT.
- 4. Đầu tư phát triển kinh doanh.
- 5. Mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý hoạt động đầu tư.
- 6. Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp.
- 7. Các hình thức đầu tư trực tiếp khác.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

359

Foreign Investment

### III. Thành lập FDI

3.1. Thẩm quyền chấp thuận và cấp giấy chứng nhận đầu tư

Thủ tướng chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ban quản lý KCN
<ul style="list-style-type: none"><li>• Các dự án đầu tư không phân biệt <u>nguồn vốn, quy mô đầu tư</u> trong những <u>lĩnh vực</u> có tác động ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội của Việt Nam (điều 37 LĐT)</li><li>• Các dự án có quy mô vốn 1.500 tỷ VNĐ (gần 100 triệu USD) trở lên trong các lĩnh vực: Kinh doanh điện, chế biến khoáng sản, luyện kim, xây dựng kết cấu hạ tầng đường, sản xuất kinh doanh rượu bia</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Các dự án ngoài các KCN, KCX, KCNC, KCT đã được thủ tướng chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư</li><li>• Dự án đầu tư phát triển các khu CN nói trên nếu chưa thành lập ban quản lý</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Các dự án bên trong các khu CN đã được TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư</li><li>• Các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các khu CN</li></ul>

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

360

Foreign Investment

### 3.2 Quy trình cấp giấy chứng nhận đầu tư

1. Văn bản đăng ký đầu tư/đề nghị cấp GCNĐT  
2. Hợp đồng HTKD (nếu có);  
3. Báo cáo năng lực tài chính  
4. Hồ sơ đăng ký kinh doanh (nếu có)  
5. Hợp đồng liên doanh (nếu có)

6. Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư  
7. Giải trình kinh tế - kỹ thuật

8. Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

361

Foreign Investment

NHÀ ĐẦU TƯ LẦN ĐẦU > ĐẦU TƯ THEO HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (BCC) - ĐẦU TƯ THEO HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Bước 1/18

Hẹn lịch gặp Sở KH&ĐT (BCC)

**NỘI DUNG TÓM TẮT**

Mặc dù không quy định bắt buộc, song để giới thiệu và triển khai thực hiện dự án nhà đầu tư nên liên hệ với Sở KH&ĐT hoặc cụ thể hơn là với Phòng DDTNN do ông Nguyễn Anh Lê là Trưởng phòng (tel. +84 4 8257410 / + 84 4 8260257). Mọi công văn giao dịch cần được gửi tới Giám đốc Sở KH&ĐT.

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

Cơ quan có thẩm quyền :  
Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội  
Phòng ban đơn vị trực tiếp tiếp nhận hồ sơ :  
Phòng ĐTNN  
(Giám đốc sở, Trưởng phòng, ban, tổ phụ trách tiếp nhận hồ sơ) :  
Giám đốc Sở KH&ĐT Hà Nội Triệu Đình Phúc

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

362

Foreign Investment

### 3.2. Quy trình cấp giấy chứng nhận đầu tư

**Chú ý:** Sao gửi GCNĐT đã cấp đến các đơn vị liên quan: 7 ngày LV  
Cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

363

Foreign Investment

### 3.2. Quy trình cấp giấy chứng nhận đầu tư

**Chú ý:** Sao gửi GCNĐT đã cấp đến các đơn vị liên quan: 7 ngày LV  
Cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

364



Foreign Investment

NHÀ ĐẦU TƯ LẦN ĐẦU > ĐẦU TƯ THÀNH LẬP TỔ CHỨC KINH TẾ - THÀNH LẬP TỔ CHỨC KINH TẾ (THUÊ ĐẤT TRONG KCN)  
Bước 1/20  
Liên hệ với Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

NỘI DUNG TÓM TẮT

Hiện nay ở Hà Nội có 05 khu công nghiệp (KCN) tập trung (Nội Bài, Sài Đồng B, Hà Nội-Đài Từ, Thăng Long, Nam Thăng Long); mỗi KCN đều có một chủ đầu tư hạ tầng. Ngoài ra còn có 18 khu-cụm công nghiệp vừa và nhỏ. Để tập trung quản lý nhà nước các khu công nghiệp và khu chế xuất ở Hà Nội theo cơ chế "một cửa", Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội đã được thành lập theo QĐ số 758/TTg ngày 20/11/1995 của Thủ tướng Chính phủ. Nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào một trong các khu công nghiệp ở Hà Nội cần liên hệ với Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để được hướng dẫn, cung cấp các biểu mẫu và giới thiệu lựa chọn địa điểm thực hiện dự án. Mẫu hồ sơ cấp giấy chứng nhận đầu tư có thể tải về từ [www.hipza.gov.vn](http://www.hipza.gov.vn) hoặc trang [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn) hoặc được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cung cấp.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Cơ quan có thẩm quyền :  
Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội  
Phòng ban đơn vị trực tiếp tiếp nhận hồ sơ :  
Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính  
(Giám đốc sở, Trưởng phòng, ban, tổ phụ trách tiếp nhận hồ sơ) :  
Phó chánh văn phòng phụ trách Phí Ngọc Hà

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

365

Foreign Investment

### 3.3. Nội dung thẩm tra đầu tư

Sự phù hợp với quy hoạch  
Nhu cầu sử dụng đất  
Tiến độ thực hiện dự án  
Giải pháp về môi trường

Dự án có quy mô trên 300 tỷ VNĐ (20 triệu USD)

Thẩm tra khả năng đáp ứng điều kiện

Dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

366

Foreign Investment

### III. Đãi ngộ và bảo vệ FDI

- Tương thích với TRIMS (điều 8 T4 LĐT)
- Đối xử công bằng (điều 4 T3 LĐT)
- Tham gia các hiệp định đầu tư song phương và đa phương tuân theo các chuẩn mực quốc tế (Chương II T6 LĐT)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

367

Foreign Investment

### IV. Các biện pháp chung để điều tiết kinh doanh

- Quản trị doanh nghiệp và Luật Doanh nghiệp (61 IPR)
- Chính sách thuế
- Các chế độ về ngoại hối và chuyển tiền
- Quy định về lao động
- Tuyển dụng với người nước ngoài
- Đất đai
- Các quy định về môi trường
- Quản lý nhà nước và hệ thống tư pháp

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

368



Foreign Investment

### 1. Luật doanh nghiệp 2005 và quản trị doanh nghiệp

- Luật doanh nghiệp 2005 thống nhất khuôn khổ pháp lý và khung điều tiết đối với tất cả các đơn vị kinh doanh, bất kể nó thuộc sở hữu trong nước hay ngoài nước, nhà nước hay tư nhân

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

369

Foreign Investment

### 1. Luật doanh nghiệp 2005 và quản trị doanh nghiệp

- Công ty trách nhiệm hữu hạn: Có thể do một hoặc nhiều người sở hữu (tối đa 50 người) trong đó nghĩa vụ pháp lý của họ được giới hạn trong mức vốn góp.
- Công ty cổ phần:
  - Phải có ít nhất ba cổ đông nghĩa vụ pháp lý của họ được giới hạn trong mức vốn góp.
  - Được phép phát hành cổ phiếu thường hoặc cổ phiếu ưu đãi.
  - Cấu trúc quản trị theo chuẩn mực quốc tế

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

370

Foreign Investment

### 1. Luật doanh nghiệp 2005 và quản trị doanh nghiệp

- Có thể góp vốn dưới nhiều hình thức
- Các cổ đông thiểu số vẫn được bảo vệ (nghị định 139/2007/NĐ-CP)
- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập trước khi Luật đầu tư 2005 có hiệu lực được chọn:
  - Không làm gì cả
  - Đăng ký lại (nghị định 101/2006/NĐ-CP)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

371

Foreign Investment

### 2. Chính sách thuế

- Thuế giá trị gia tăng (IPR 64)
  - Luật thuế GTGT số 13/2008/QH13
  - Phương thức: tín dụng đầu vào – đầu ra
  - 25 loại hàng hóa miễn trừ VAT
  - Các mức chịu thuế VAT
    - 0%: hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; dịch vụ vận tải quốc tế
    - 5%: hàng hóa, dịch vụ là đầu vào của sản xuất nông nghiệp và hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho sản xuất và đời sống gồm 15 nhóm
    - 10%: hàng hóa, dịch vụ còn lại

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

372

Foreign Investment

## Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Các văn bản quan trọng
  - Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
  - Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008
  - Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008
  - Thông tư 177/2008/TT-BTC ngày 10/9/2009
  - Công văn số 4121/TCT-CS ngày 6/10/2009

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

373

Foreign Investment

## Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Đối tượng nộp thuế:** các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức, các đơn vị sự nghiệp. Cá nhân, hộ kinh doanh nộp thuế theo Luật thuế Thu nhập cá nhân
- Thuế suất phổ thông:** 25%\*, đặc biệt: 32-50%
- Thuế suất ưu đãi:** 10%, 20%\*
- Lĩnh vực ưu đãi:** Thu hẹp đáng kể
- Thay đổi ưu đãi:** Áp dụng ưu đãi cao hơn giữa luật 2003 và 2008
- Chuyển lỗ:** tối đa 5 năm
- Khấu hao:** tương thích với vòng đời kinh tế của sản phẩm
- Bộ tài chính giám sát, Tổng cục thuế thực hiện, chia thành các vụ để kiểm soát từng khu vực doanh nghiệp, Sở thuế cấp tỉnh và huyện hỗ trợ

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

374

Foreign Investment

## Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Áp dụng thuế suất ưu đãi cụ thể:
  - Doanh nghiệp mới:
    - Tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghệ cao, khu kinh tế\*, một số ngành kinh tế trọng điểm mũi nhọn: 10% trong 15 năm
    - Tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn: 20% trong 10 năm.
    - Tại khu công nghiệp, khu chế xuất không được hưởng ưu đãi thuế
  - Doanh nghiệp khác:
    - Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường: 10% trong suốt thời gian hoạt động
- Các hình thức ưu đãi thuế:
  - Miễn: 2-4 năm đầu
  - Giảm 50%: 4-9 năm tiếp theo
  - Giảm còn 10%, 20%: năm thứ 7-15 hoặc suốt thời gian hoạt động
- Xem điều 15, 16 nghị định 124/2008/NĐ-CP

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

375

### Ưu đãi cũ

Bảng II.3. Tóm tắt các hình thức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và lệ phí thuế đất<sup>1</sup>

Điều kiện	Mức thuế đã được giảm <sup>1</sup>	Tổng thời gian được giảm thuế <sup>2</sup>	Miễn thuế hoàn toàn <sup>3</sup>	Giảm 50% mức thuế <sup>4</sup>	Miễn thuế thuế đất <sup>5</sup>
<u>Các cơ sở kinh doanh mới thành lập</u>					
* Lĩnh vực được hưởng ưu đãi	20%	10 năm	2 năm	3 năm	3 năm
* Vùng khó khăn về kinh tế xã hội	20%	10 năm	2 năm	6 năm	7 năm
* Lĩnh vực được hưởng ưu đãi và Vùng khó khăn về kinh tế xã hội (kể cả các khu công nghiệp)	15%	12 năm	3 năm	7 năm	11 năm
* Lĩnh vực được hưởng ưu đãi đặc biệt hoặc Vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế xã hội (kể cả các khu công nghệ cao và các khu kinh tế)	10%	15 năm	4 năm	9 năm	7 năm 11 năm 15 năm miễn thuế hoàn toàn <sup>5</sup>
<u>Sắp xếp lại các doanh nghiệp hiện nay</u>					
* Không thuộc khu đô thị theo Quy hoạch tổng thể	--	--	2 năm	2 năm	--
* Thông tin liên lạc khó khăn hoặc Vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế xã hội	--	--	2 năm	6 năm	--

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

376

Foreign Investment

Ưu đãi cũ

Mô hình kinh doanh và hiện đại hoá công nghệ

* Lĩnh vực hoặc vùng không được hưởng ưu đãi	--	--	1 năm	2 năm	--
* Lĩnh vực được hưởng ưu đãi	--	--	1 năm	4 năm	--

hoặc Vùng khó khăn về kinh tế xã hội

* Lĩnh vực được hưởng ưu đãi đặc biệt <u>hoặc</u> Vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế xã hội	--	--	2 năm	3 năm	--
* Lĩnh vực được hưởng ưu đãi và Vùng khó khăn về kinh tế xã hội	--	--	3 năm	5 năm	--
* Lĩnh vực được hưởng ưu đãi đặc biệt và Vùng khó khăn về kinh tế xã hội	--	--	3 năm	7 năm	--
* Lĩnh vực được hưởng ưu đãi (đặc biệt) và Vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế xã hội	--	--	4 năm	7 năm	--

Các trường hợp khác

* Sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ (chiếm ít nhất 50% tổng lao động)	Giảm thuế theo tổng số lương trả cho lao động nữ
* Sử dụng trên 100 động nữ (chiếm ít nhất 30% tổng lao động)	Giảm thuế theo tổng số lương trả cho lao động nữ
* Đào tạo nghề cho người dân tộc	Miễn hoàn toàn thuế thu nhập doanh nghiệp

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

377

Foreign Investment

Hiệp định tránh đánh thuế hai lần DTT

- Việt Nam đã ký DTT với 46 nước\*
- Hiện nay Việt Nam không đánh thuế lên cổ tức trả cho người nước ngoài
- Các mức thuế đánh trên thu nhập nói chung của nhà ĐTNN thường được quy định là 10% trong các DTT
- DTT hiện tại cho phép chính phủ đánh thuế trong tương lai nếu muốn

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

378

Foreign Investment

Thuế thu nhập cá nhân

- Các văn bản quan trọng:
  - Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007
  - Nghị quyết 32/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009
  - Thông tư 27/2009/TT-BTC ngày 6/2/2009

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

379

Foreign Investment

Thuế thu nhập cá nhân\*

*Biểu thuế lũy tiến từng phần*

Bậc thuế	Thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	60	5	5
2	>60-120	>5-10	10
3	>120-240	>10-20	15
4	>240-420	>20-35	20
5	>420-660	>35-55	25
6	>660-960	>55-80	30
7	>960	>80	35

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

380

Foreign Investment

### Biểu thuế toàn phần

Thu nhập tính thuế	Thuế suất (%)
a) Thu nhập từ đầu tư vốn	5
b) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
c) Thu nhập từ trúng thưởng	10
d) Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10
đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế theo từng phần	20 0,1
e) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản Trường hợp không xác định được thu nhập tính thuế thì áp dụng thuế suất tính trên giá bán	25 2

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

381

Foreign Investment

### Thuế nhập khẩu

- Nhập khẩu từ hầu hết các nước sẽ được hưởng ưu đãi MFN, dao động từ 0%-60%, một số hàng hóa đặc biệt chịu thuế 150%
- Thuế nhập khẩu dựa trên khối lượng đã giảm: 21,1% (1994)-14,7% (2005)
- Miễn thuế nhập khẩu:
  - 1) nhập khẩu máy móc tạm thời;
  - 2) nguyên liệu nhập khẩu phục vụ chế biến xuất khẩu;
  - 3) hàng hóa nhập khẩu là tài sản cố định cho các dự án đầu tư tại các khu vực hoặc trong các lĩnh vực có ưu tiên;
  - 4) nguyên liệu thô và đầu vào cho các dự án đầu tư tại các khu vực hoặc trong các lĩnh vực có ưu tiên cho thời hạn tối đa là 5 năm;
  - 5) nguyên liệu sản xuất do các doanh nghiệp BOT nhập khẩu.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

382

Foreign Investment

### Thủ tục hải quan

- Luật Hải quan năm 2001 (sửa đổi 2005)
- Hải quan phải hoàn tất mọi thủ tục trong vòng 8h làm việc đối với hàng hóa kiểm tra ngẫu nhiên, hai ngày làm việc với hàng hóa kiểm tra toàn diện
- Tổng cục Hải quan xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2010
- Đang xây dựng hệ thống Hải quan điện tử

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

383

Foreign Investment

### 3. Cơ chế ngoại hối và chuyển tiền

- Pháp lệnh năm 2005 về Quản lý ngoại hối
- Các giao dịch vãng lai được tiến hành tự do
- Việt Nam có cơ chế tỉ giá hối đoái thông thường (IMF)
- Người sinh sống ở Việt Nam có quyền mở tài khoản ngoại tệ

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

384

Foreign Investment

### 3. Cơ chế ngoại hối và chuyển tiền

- Nhà đầu tư được chuyển ra nước ngoài các thu nhập sau đây sau khi đã hoàn tất mọi nghĩa vụ về tài chính đối với nhà nước (điều 9 LĐT05):
  - a) Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh;
  - b) Những khoản tiền trả cho việc cung cấp kỹ thuật, dịch vụ, sở hữu trí tuệ;
  - c) Tiền gốc và lãi các khoản vay nước ngoài;
  - d) Vốn đầu tư, các khoản thanh lý đầu tư;
  - đ) Các khoản tiền và tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

385

Foreign Investment

### 3. Cơ chế ngoại hối và chuyển tiền

- Nhà đầu tư nước ngoài cũng được mở tài khoản ngoại hối dành cho vốn FDI, một số giao dịch giữa Việt Nam và nước ngoài phải được trung chuyển qua tài khoản này bao gồm:
  - Vốn góp
  - Gốc và lãi trả nợ nước ngoài
  - Cổ tức hoặc lãi suất của vốn
  - Thu nhập và giải ngân khác liên quan đến đầu tư

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

386

Foreign Investment

### 4. Các quy định về lao động

- Các văn bản quan trọng:
  - Bộ Luật lao động năm 1994 sửa đổi năm 2002
  - Nghị định 34/2008/NĐ-CP về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam thay thế cho NĐ105/2003/NĐ-CP
  - Nghị định 98/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 về mức lương tối thiểu hiệu lực ngày 1/1/2010 thay thế nghị định 111/2008/NĐ-CP
  - Thông tư 08/2008/TT-BLĐTBXH hướng dẫn nghị định 34/2008/NĐ-CP
  - Thông tư 40/2009/TT-LĐTBXH hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

387

Foreign Investment

### 4. Các quy định về lao động

- Luật lao động 1994 sửa đổi năm 2002
- Một số quy định quan trọng trong Luật lao động là:
  - Lao động phải từ 15 tuổi trở lên
  - Mọi sự phân biệt về giới tính, tầng lớp xã hội, nguồn gốc, tôn giáo, hay đức tin đều là vi phạm pháp luật
  - Có 3 loại hợp đồng lao động: hợp đồng không thời hạn, hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm và chỉ được gia hạn một lần, hợp đồng lao động cho một công việc cụ thể hoặc theo mùa vụ dưới 12 tháng
  - Thời gian thử việc: không quá 30 ngày hoặc 60 ngày đối với các vị trí “đòi hỏi kỹ năng đặc biệt hoặc kỹ năng kỹ thuật cao”, lương thử việc thường chiếm ít nhất là 70% mức lương đầy đủ
  - Thời việc hoặc sa thải: báo trước 45 ngày
  - Người lao động được cấp sổ lao động
  - Một tuần 6 ngày làm việc, một ngày 8h làm việc
  - Vượt giờ tối đa 4h mỗi ngày, 200h mỗi năm
  - Bảo hiểm xã hội: 15% chủ lao động đóng, 5% người lao động đóng

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

388

### 4. Các quy định về lao động

- Mức lương tối thiểu trong doanh nghiệp FDI\*:
  - 1.340.000 VNĐ vùng I, 1.190.000 VNĐ vùng II, 1.040.000 VNĐ vùng III, 1.000.000 vùng IV (xem phụ lục các vùng trong nghị định 98/2009/NĐ-CP)
- Phí bồi thường sa thải lao động:
  - Một tháng lương nếu lao động đã làm việc 2\* tháng trở lên
- Công đoàn phải được thành lập với các công ty có 10 lao động trở lên

Bảng II.5. Chỉ số cứng nhắc của thị trường lao động năm 2007  
(từ 0 đến 100, 100 là mức cứng nhắc cao nhất)

	Tính cứng nhắc về lao động	Khó khăn trong tuyển dụng	Tính khắt khe về giờ lao động	Khó khăn trong sa thải lao động	Chi phí ngoài lương của lao động <sup>1</sup>	Chi phí sa thải <sup>2</sup>
Việt Nam	27	0	40	40	17	87
Trung Quốc	24	11	20	40	44	91
Malaysia	10	0	0	30	15	75
Philippines	35	56	20	30	7	91
Singapore	0	0	0	0	13	4
Hàn Quốc	37	11	60	40	13	91
Thái Lan	18	33	20	0	6	54
Pháp	56	67	60	40	47	32
Đức	44	33	60	40	19	69
Hoa Kỳ	0	0	0	0	8	0

<sup>1</sup> Phần trăm lương.

<sup>2</sup> Tuần lương.

Nguồn: Ngân hàng thế giới, Thực tiễn kinh doanh 2008.

### Quyền đình công

- Chỉ được phép khi có hơn một nửa số chữ ký của lao động là thành viên công đoàn
- Phải báo trước cho chủ lao động, cơ quan phụ trách lao động địa phương và liên đoàn lao động cấp tỉnh thành
- Không được ép các lao động khác ngừng làm việc
- >hầu hết đình công là bất hợp pháp

### 5. Thuê lao động là người nước ngoài

- Quy định cũ: Nguyên tắc
  - Chỉ thuê lao động nước ngoài khi không có lao động đủ phẩm chất phù hợp là người Việt Nam
  - LĐNN chỉ được làm ở các vị trí công việc đòi hỏi kỹ năng cao
  - Chủ lao động phải đào tạo lao động VN thay thế nhanh nhất có thể
- Quy định mới: người nước ngoài làm việc tại Việt Nam
  - Theo hình thức di chuyển nội bộ doanh nghiệp
  - Để chào bán dịch vụ
  - Để thực hiện các loại hợp đồng

Foreign Investment

### 5. Thuê lao động là người nước ngoài

- Quy định cũ:
  - Người nước ngoài không được chiếm nhiều hơn 3% trong tổng số lao động của các doanh nghiệp
  - Ngoại lệ: Các cơ quan đại diện và chi nhánh của các tổ chức kinh tế, thương mại, tài chính, giáo dục và y tế, các tổ chức tư vấn pháp luật nhưng phải được phép của chủ tịch UBND
- Quy định mới:?

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

393

Foreign Investment

### 5. Thuê lao động là người nước ngoài

- Thời hạn giấy phép lao động cho người NN: 3 năm, được gia hạn một lần, nếu tiếp tục gia hạn phải được phép của chủ tịch UBND cấp tỉnh
- Giấy phép lao động cấp riêng với giấy chứng nhận thường trú

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

394

Foreign Investment

### 6. Đất đai

- Các văn bản quan trọng
  - Luật đất đai số 13/2003/QH11
  - Nghị định 188/2004/NĐ-CP và 123/2007/NĐ-CP về phương pháp xác định giá đất
  - Thông tư 145/2007/TT-BTC hướng dẫn thực hiện hai nghị định trên

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

395

Foreign Investment

### 6. Đất đai

- Đất đai ở VN thuộc về Nhân dân trong đó Nhà nước là đại diện sở hữu
- Quyền sở hữu tư nhân đối với đất đai xác định bởi Quyền sử dụng đất

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

396

Foreign Investment

6. Đất đai

- 3 loại quyền sở hữu đất:
  - Cấp đất
  - Công nhận quyền sử dụng đất
  - Cho thuê đất: hình thức duy nhất đối với nhà ĐTNN có thể có quyền sử dụng đất trong một thời gian cụ thể
- Thời gian thuê đất: tối đa 50 năm theo giấy CNĐT, có thể gia hạn nhưng không quy định cụ thể

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

397

Foreign Investment

6. Đất đai

- Quyền sử dụng đất cũng có thể được trao đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thầu khoán, thừa kế, hồi môn, thế chấp hoặc sử dụng để góp vốn trong các dự án đầu tư
- Quyền sử dụng đất không được đăng ký cùng tài sản được xây dựng trên diện tích đất đó

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

398

Foreign Investment

6. Đất đai

- Nhà đầu tư có 2 lựa chọn để có đất cho dự án đầu tư:
  - Giao dịch trực tiếp với nhà nước: thuê đất, không được thuê từ các hộ gia đình, các cá nhân hoặc các cộng đồng tại VN
  - Giao dịch với các tổ chức trong nước và nước ngoài: thầu khoán

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

399

Foreign Investment

6. Đất đai

- Giá trị quyền sử dụng đất được đàm phán tự do
- Khung giá đất do nhà nước quy định là căn cứ để thực hiện các giao dịch như thanh toán phí và thuế sử dụng đất:
  - Thuê đất: 0,5% giá đất/năm
  - Năm 2007, giá đất ở thành thị dao động từ 15.000 đồng đến 47810 đồng/1m<sup>2</sup>\*

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

400



Foreign Investment

### Thu hồi đất

- Các trường hợp bị thu hồi đất:
  - Vì mục tiêu quốc phòng, an ninh quốc gia, vì lợi ích quốc gia, lợi ích chung hoặc phát triển kinh tế
  - Tổ chức nắm quyền sử dụng đất bị giải thể hoặc phá sản
  - Đất được sử dụng không đúng mục đích và phi hiệu quả
  - Đất bị tàn phá một cách có ý thức

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

401

Foreign Investment

### Thu hồi đất

- Khả năng bị thu hồi đất vì mục tiêu phát triển kinh tế:
  - Sự phát triển của các khu hoặc các vùng kinh tế hoặc công nghiệp
  - Đầu tư từ nguồn vốn ODA
  - Đầu tư trong lĩnh vực được khích lệ đặc biệt không thể nằm trong KCN hoặc các vùng kinh tế
  - Các dự án 100% vốn ĐTNN không thể nằm trong KCN hoặc các vùng kinh tế
- Việc thu hồi phải được báo trước 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

402

Foreign Investment

### 7. Các quy định về môi trường

- Luật bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11
- Phân cấp chức năng cho chính quyền địa phương
- Nguyên tắc:
  - Mục tiêu phát triển bền vững
  - Ngăn ngừa
  - Phí gây ô nhiễm
  - Khuyến khích các công nghệ thân thiện với môi trường
  - Khuyến khích hành vi tiêu dùng thân thiện với môi trường

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

403

Foreign Investment

### 7. Các quy định về môi trường

- Việc đánh giá môi trường được yêu cầu đối với mọi quyết định khoanh vùng sử dụng đất đai
  - Đánh giá tác động môi trường: bắt buộc với những dự án có ảnh hưởng đến môi trường
  - Các biện pháp bảo vệ môi trường: tất cả các dự án
  - Yêu cầu cụ thể về bảo vệ môi trường: các hoạt động sản xuất, dịch vụ, bệnh viện, vận tải, khai thác, du lịch hoặc nông nghiệp

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

404

### 7. Các quy định về môi trường

- Đánh giá và thông qua: Bộ tài nguyên và môi trường (45 ngày), Các bộ và UBND cấp tỉnh (30 ngày)
- Các trường hợp vi phạm: phải làm sạch, phục hồi, bồi thường cho những mất mát của bên thứ ba, có thể chịu trách nhiệm hình sự

Thứ Tư, 29/04/2009, 08:30 (GMT+7)  
**Bảo vệ môi trường: Luật ở đầu sông, thực thi... cuối sông!**

TT - Chia sẻ với Tuổi Trẻ tại buổi tọa đàm ngày 27-4, các đại biểu đều nhìn nhận hệ thống pháp luật về môi trường còn nhiều chỗ chưa kín kẽ, chồng chéo. Song nếu những người thực thi làm hết trách nhiệm thì bức tranh môi trường đã không quá ảm đạm.



"Giám đốc cũng chỉ là người làm thuê, phạt giám đốc xong doanh nghiệp sa thải ông ta thì cũng bằng không!" - bà Nguyễn Thị Du, chánh thanh tra Sở Tài nguyên và môi trường TP.HCM, nói - Ảnh: m.đức

### 8. Quản lý nhà nước và hệ thống tư pháp

- Luật chống tham nhũng năm 2005
- Các cơ quan: Ủy ban chỉ đạo chống tham nhũng quốc gia, Ban thanh tra chính vụ, Kiểm toán nhà nước và Viện kiểm sát nhân dân
- Hải quan, các cơ quan quản lý đất đai, sở thuế??
- Sắc lệnh năm 2003 về Trọng tài: quyết định trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính ràng buộc

### 9. Các quy định về cạnh tranh

- Luật cạnh tranh năm 2004
- Nghị định 116/2005/NĐ-CP
- Cấm:
  - Các tập quán kiểm chế cạnh tranh
  - Các tập quán cạnh tranh không lành mạnh

Foreign Investment

### Các tập quán kiểm chế cạnh tranh

- Các thỏa thuận về kiểm chế cạnh tranh:
  - Định giá, định thị phần, kiểm soát số lượng (tối thiểu 30% thị trường có liên quan)
  - Câu kết bỏ thầu, thỏa thuận ngăn ngừa hoặc cản trở gia nhập thị trường của một chủ thể mới

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

409

Foreign Investment

### Các tập quán kiểm chế cạnh tranh

- Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và vị trí độc quyền: 1,2,3,4 công ty thống lĩnh thị trường (chiếm 30%, 50%, 65%, 75% thị trường liên quan) bị cấm
  - Bán với mức giá thấp hơn chi phí
  - Hạn chế sản xuất
  - Áp dụng các điều kiện khác nhau cho các loại hình giao dịch như nhau
- Tập trung kinh tế: là các hoạt động liên kết, thôn tính, hợp nhất và liên doanh bị cấm nếu:
  - Bị cấm nếu kiểm soát một thị trường phối hợp >50%
  - Phải báo trước với cơ quan quản lý nếu kiểm soát từ 30%-50% thị trường liên quan

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

410

Foreign Investment

### Các tập quán cạnh tranh không lành mạnh bị cấm

- Xâm phạm bí mật kinh doanh
- Phân biệt bằng hiệp hội
- Bán hàng đa cấp phi pháp
- Bôi xấu
- Ép buộc trong kinh doanh

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

411

Foreign Investment

### Thực hiện luật cạnh tranh

- Hệ thống thể chế đôi:
  - Cục quản lý cạnh tranh (VCAD) (bộ Tmai)
    - Điều tra và giải quyết các tập quán cạnh tranh không lành mạnh
    - Kiểm soát quá trình tập trung kinh tế
    - Điều tra các tập quán kiểm chế cạnh tranh để VCC giải quyết
    - Xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp độc quyền
  - Hội đồng cạnh tranh (VCC) (11 thành viên: 3 thứ trưởng và thành viên các bộ)
    - VCC xử lý các hành vi kiểm chế cạnh tranh, trừ tập trung kinh tế

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

412

Foreign Investment

### Luật cạnh tranh “khoanh tay” nhìn độc quyền?

LÊ CHÂU

06/03/2009 10:19 (GMT+7) [Phản hồi \(0\)](#) | [In bài viết này](#) | [\[+\]](#) [Cờ chữ \[-\]](#)



**Đã 4 năm trôi qua kể từ ngày có hiệu lực, nhưng nhiều vụ vi phạm Luật Cạnh tranh vẫn gần như bình yên vô sự.**

Tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa 11, Chính phủ đã trình dự án Luật Cạnh tranh để Quốc hội cho ý kiến. Nhiều đại biểu Quốc hội khi đó đã khẳng định như vậy là quá chậm so với gần 20 năm đổi mới.

Với 6 chương, 123 điều khoản, Luật Cạnh tranh là một trong những văn bản luật đồ sộ và có tầm quan trọng đặc biệt trong việc định hướng cho nền kinh tế thị trường ngày càng phức tạp ở nước ta.

Theo tờ trình của Chính phủ, sự cần thiết ban hành Luật Cạnh tranh nhằm tạo công cụ pháp lý hạn chế cạnh tranh không lành mạnh, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong kinh doanh. Ngày 1/7/2005, Luật Cạnh tranh chính thức có hiệu lực, với kỳ vọng sẽ góp phần làm thị trường lành mạnh hơn; những hành vi độc quyền trong kinh doanh gây hậu quả nghiêm trọng cho Nhà nước, cộng đồng và người tiêu dùng sẽ bị hạn chế.

**Bình yên vô sự khi vi phạm?**

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

413

Foreign Investment

- Nhiều vụ vi phạm Luật Cạnh tranh vẫn gần như bình yên vô sự.
- Hiệp hội Thép Việt Nam ra nghị quyết ấn định giá bán (yêu cầu các thành viên 13,7- 14 triệu đồng/tấn thép), vụ Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam thống nhất nâng mức phí bảo hiểm lên 3,95%/năm cho tất cả các đối tượng khách hàng.
- Vụ Công ty Cổ phần Xăng dầu Hàng không (Vinapco), lợi dụng vị trí là doanh nghiệp bán nhiên liệu bay duy nhất trên thị trường, đơn phương chấm dứt bán hàng cho Jestar Pacific Airlines...
- Đã gần một năm xảy ra các vụ việc, Cục Quản lý Cạnh tranh vẫn chưa đi đến một kết luận nào để xử phạt.
- Theo TS. Lê Đăng Doanh, chống độc quyền ở Việt Nam phức tạp hơn nhiều so với các quốc gia khác, vì các công ty có được vị trí độc quyền không từ quá trình cạnh tranh, mà do sự ủng hộ của Nhà nước.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

414

Foreign Investment

## 10. Luật sở hữu trí tuệ

- Luật sở hữu trí tuệ năm 2005
- Tương thích với TRIPS
- Quy định rõ các quyền:
  - Quyền tác giả và các quyền liên quan
  - Quyền sở hữu công nghiệp
  - Các giống cây trồng

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

415

Foreign Investment

## Quyền tác giả và các quyền liên quan

- Quyền đạo đức: bảo vệ tuyệt đối
- Quyền kinh tế: bảo vệ trong 50 năm từ khi công bố hoặc trong toàn bộ cuộc đời tác giả đến sau khi mất 50 năm

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

416

Foreign Investment

### Quyền sở hữu công nghiệp

- Bằng phát minh sáng chế: bảo vệ 20 năm
- Sáng chế về giải pháp hữu ích: 10 năm
- Sáng chế về kiểu dáng công nghiệp: 5 năm (và được gia hạn 2 lần)
- Thiết kế mạch tích hợp: 5-10 năm
- Thương hiệu: 10 năm, được gia hạn liên tục

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

417

Foreign Investment

### Giới hạn trong quyền sở hữu trí tuệ

- Việc thực thi quyền SHTT không được xâm phạm lợi ích chung
- Nhà nước có thể cấm hoặc hạn chế việc thực thi quyền SHTT vì những lý do chính đáng như bảo vệ quốc phòng, an ninh quốc gia...
- License bắt buộc phải thực hiện trong bốn trường hợp

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

418

Foreign Investment

### Các biện pháp giải quyết hành vi vi phạm

- Các biện pháp hành chính
- Các biện pháp dân sự
- Tố tụng hình sự

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

419

Foreign Investment

- 92% phần mềm bị sao chép, 8% lượng thuốc ở Việt Nam là thuốc giả, các loại dầu gội đầu, mỹ phẩm, các loại phụ tùng xe máy giả được bày bán công khai,.. Hệ quả các sản phẩm không an toàn cho người tiêu dùng và phải trả giá rất lớn về mặt kinh tế.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

420

Foreign Investment

### 11. Chuyển giao công nghệ

- Luật chuyển giao công nghệ 80/2006/QH11
- Nghị định 133/2008 NĐ-CP hướng dẫn Luật CGCN ngày 31/12/2008
- Nghị định 49/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong CGCN

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

421

Foreign Investment

### 11. Chuyển giao công nghệ

- Luật chuyển giao công nghệ 2006
- CGCN được khuyến khích:
  - Tạo ra các sản phẩm mới và có tính cạnh tranh cao
  - Tạo ra các ngành công nghiệp hoặc dịch vụ mới
  - Tiết kiệm nguyên liệu hoặc nguyên liệu thô
  - Bảo vệ sức khỏe con người và các mục tiêu khác
- CGCN bị hạn chế:
- CGCN bị cấm:
  - Không đảm bảo yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và con người
  - Gây tổn hại cho phát triển kinh tế xã hội
  - Đi ngược các điều ước quốc tế
  - Là bí mật quốc gia

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

422

Foreign Investment

### Ưu đãi thuế cho CGCN

- Miễn thuế thu nhập cho đơn vị góp vốn bằng phát minh sáng chế hoặc nhượng quyền công nghệ
- Miễn thuế nhập khẩu và thuế VAT đối với hàng hóa nhập khẩu để sử dụng trực tiếp trong phát triển khoa học và công nghệ
- Miễn thuế thu nhập và 50% thuế ngày nghỉ áp dụng cho 9 năm đầu tư trong lĩnh vực công nghệ

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

423

Foreign Investment

### 13. Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước

- Quyết định năm 2007 của TTCP quy định:
  - 19 lĩnh vực duy trì các doanh nghiệp quốc doanh 100% thuộc quyền sở hữu của nhà nước
  - 27 ngành trong đó nhà nước tiếp tục nắm trên 50% vốn của doanh nghiệp quốc doanh

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

424

Foreign Investment

### Doanh nghiệp quốc doanh 100% thuộc quyền sở hữu NN

- Khai thác, các sản phẩm hóa chất độc hại, tên lửa và đạn dược
- Phát điện, sản xuất điện quy mô lớn có tầm quan trọng đặc biệt về kinh tế xã hội
- Quản lý và vận hành hệ thống đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị, các sân bay, cảng biển lớn
- Đài phát thanh, đài truyền hình, xuất bản và báo chí
- Các thể chế tín dụng phục vụ phát triển KTXH

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

425

Foreign Investment

### 27 ngành nhà nước nắm trên 50% vốn của DNQD

- Bảo dưỡng hệ thống đường sắt quốc gia
- Quản lý và vận hành các cảng biển (ngoài các cảng biển lớn)
- Sản xuất điện với sản lượng đầu ra từ 100 MW trở lên
- Khai thác khoáng sản, dầu mỏ và khí tự nhiên
- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông
- Bán buôn thực phẩm
- Buôn bán tiền tệ
- Bảo hiểm

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

426

Foreign Investment

### Doanh nghiệp nhà nước

- Thuộc sở hữu các Bộ hoặc chính quyền địa phương
- Nhà nước phải phân tách chức năng thực hiện quyền sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và chức năng quản lý hành chính của nhà nước (điều 168 Luật DN 2005)

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

427

Foreign Investment

### 14. Các thỏa ước quốc tế và thương mại quốc tế

- ASEAN và AFTA 1995 (giảm thuế nhập khẩu từ các nước ASEAN xuống còn 0-5% vào năm 2006)
- Hiệp định thương mại song phương Việt Nam- Hoa Kỳ 2001 điều chỉnh thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

428



Foreign Investment

### 14. Các thỏa ước quốc tế và thương mại quốc tế

- WTO (11/1/2007): VN là thành viên của GATS, TRIPS, TRIMS
- Trong khuôn khổ đàm phán song phương, Việt Nam vẫn bị đối xử là nền kinh tế phi thị trường cho đến 12 năm sau khi gia nhập- VN bị bất lợi khi đánh giá mức độ bán phá giá

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

429

Foreign Investment

### ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

*Regulations on foreign portfolio in Vietnam*



Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

430

Foreign Investment

### QUYẾT ĐỊNH 55/2009/QĐ-TTg Về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

- Điều 2.** Nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ:
  - 1. Đối với cổ phiếu: tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.
  - Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu bên nước ngoài được phân loại theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại.
- 2. Đối với chứng chỉ quỹ đầu tư đại chúng: tối đa 49% tổng số chứng chỉ quỹ đầu tư của một quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng.
- 3. Đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng: tối đa 49% vốn điều lệ của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- 4. Đối với trái phiếu: tổ chức phát hành có thể quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với trái phiếu lưu hành của tổ chức phát hành.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

431

Foreign Investment

### QUYẾT ĐỊNH 55/2009/QĐ-TTg Về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

- Điều 3.** Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được tham gia thành lập công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ tại Việt Nam như sau:
  - 1. Chỉ có tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần thành lập công ty chứng khoán. Tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ của công ty chứng khoán.
  - 2. Chỉ có tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài có nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức kinh doanh bảo hiểm nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần thành lập công ty quản lý quỹ. Tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài tối đa là 49% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

432



Foreign Investment

QUYẾT ĐỊNH

88/2009/QĐ-TTg Về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam

- **QUY CHẾ** Góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam
- **Điều 3. Mức góp vốn, mua cổ phần**
- 1. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của các công ty đại chúng theo tỷ lệ quy định của pháp luật về chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- 2. Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề thuộc pháp luật chuyên ngành theo tỷ lệ quy định của pháp luật chuyên ngành đó.
- 3. Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh thương mại dịch vụ tuân theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

433

Foreign Investment

QUYẾT ĐỊNH

88/2009/QĐ-TTg Về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam

- **QUY CHẾ** Góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam
- **Điều 3. Mức góp vốn, mua cổ phần**
- 4. Đối với doanh nghiệp Việt Nam hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực, bao gồm cả một số ngành nghề, lĩnh vực có quy định khác nhau về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần không quá mức của ngành nghề, lĩnh vực có quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thấp nhất.
- 5. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần theo tỷ lệ tại phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không vượt mức quy định nếu doanh nghiệp chuyển đổi hoạt động trong các lĩnh vực thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2, 3, 4 Điều này.
- 6. Ngoài các trường hợp nêu trên, nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần trong các doanh nghiệp Việt Nam với mức không hạn chế.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

434

Foreign Investment

QUYẾT ĐỊNH

88/2009/QĐ-TTg Về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam

- **Điều 4. Các hình thức góp vốn, mua cổ phần**
- 1. Góp vốn:
- a) Nhà đầu tư nước ngoài mua lại phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn để trở thành thành viên mới của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc mua lại toàn bộ số vốn điều lệ của chủ sở hữu trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để trở thành chủ sở hữu mới của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- b) Nhà đầu tư nước ngoài mua lại phần vốn góp của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh hoặc góp vốn vào công ty hợp danh để trở thành thành viên góp vốn mới.
- c) Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân mua lại phần vốn góp của thành viên hợp danh trong công ty hợp danh hoặc góp vốn vào công ty hợp danh để trở thành thành viên hợp danh mới, sau khi được sự chấp thuận của các thành viên hợp danh còn lại.
- d) Nhà đầu tư nước ngoài mua lại một phần vốn của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc góp vốn với chủ doanh nghiệp tư nhân để chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và trở thành thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

435

Foreign Investment

QUYẾT ĐỊNH

88/2009/QĐ-TTg Về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam

- **Điều 4. Các hình thức góp vốn, mua cổ phần**
- 2. Mua cổ phần:
- a) Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần phát hành lần đầu của các công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần phát hành lần đầu của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa;
- c) Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán, cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần;
- d) Nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần của các cổ đông trong công ty cổ phần, bao gồm cả các công ty đại chúng niêm yết và các công ty đại chúng chưa niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Phan Thị Vân © 2009

Chương I Tổng quan về đầu tư nước ngoài

436